

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Tổng diện tích của Dự án là 75 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Các hạng mục công trình chính

- San nền.
- Hệ thống giao thông.
- Hạng mục bãi đỗ xe.
- Hệ thống cấp điện.
- Hệ thống cấp nước.
- Hệ thống thông tin liên lạc.
- Cây xanh (cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly).
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Trạm xử lý nước thải (XLNT) gồm 03 trạm XLNT (tại lô đất ký hiệu KT1 có công suất 700 m³/ngày đêm; tại lô đất ký hiệu KT2 có công suất 800 m³/ngày đêm; tại lô đất ký hiệu KT3 có công suất 400 m³/ngày đêm).
- Hồ ứng phó sự cố (03 hồ): tại lô đất ký hiệu KT1 bố trí 01 hồ có dung tích là 2.000 m³; tại lô đất ký hiệu KT2 bố trí 01 hồ có dung tích là 2.500 m³; tại lô đất ký hiệu KT3 bố trí 01 hồ có dung tích là 1.200 m³.

b) Các công trình phụ trợ

- Nhà điều hành.
- Nhà bảo vệ, cổng, tường rào.
- Cải tạo kênh gần phạm vi Dự án: đoạn kênh Trung Thủy Nông Giang, đoạn kênh Cây Đa Đông Đông.

1.3.2. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp (CCN)

TT	Tên nhóm ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)
1	Nhóm ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C261, C262, C263, C264, C265, 266, C267,
2	Nhóm ngành sản xuất thiết bị điện	C271, C272, C273, C274, C275, C279
3	Nhóm ngành sản xuất kim loại	C241, C424, C243
4	Nhóm ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C251, C259
5	Nhóm ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu	C281, C282
6	Nhóm ngành sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C291, C292, C293
7	Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C321, C325, C329

TT	Tên nhóm ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)
8	Nhóm ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C331, C332
9	Nhóm ngành sản xuất phương tiện vận tải khác	C301, C302, C303, C304, C309
10	Nhóm ngành sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C202, C210, C221, C222, C231
11	Nhóm ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	E360, E370, E381, E390
12	Nhóm ngành kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
13	Nhóm ngành xây dựng	F4102
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	N811, N821, N829

1.3.3. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động vận chuyển cát san nền về CCN, hoạt động bóc đất hữu cơ bề mặt, tập kết tận dụng đắp cho ô đất cây xanh để trồng cây trong CCN.
- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN và các công trình xây dựng khác (trạm XLNT, hồ sự cố, tường rào, nhà điều hành, nhà bảo vệ,...).
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.
- Hoạt động của trạm XLNT.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 66,74 ha theo Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Nguồn tiếp nhận nước thải sau khi xử lý là kênh Trung Thủy Nông Giang và kênh Cây Đa Đông Đống sau đó thoát ra sông Cửu An.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng 66,74 ha đất trồng lúa nước.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, ảnh hưởng đến hoạt động

giao thông khu vực.

2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), chất thải rắn công nghiệp (CTR) thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), tiếng ồn.

- Hoạt động của khu điều hành dịch vụ của CCN phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của trạm XLNT phát sinh mùi, bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân tham gia thi công khoảng 4,5 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các hợp chất dinh dưỡng (NO₃, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng máy móc phát sinh khoảng 15 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: cặn vật liệu xây dựng (cát, đất, đá vụn), xi măng, dầu mỡ.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 1.900 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), sunfua, florua, clorua, tổng nitơ, tổng phốt pho (P), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, các kim loại nặng.

3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới, quá trình đào đắp xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động trải thảm nền bê tông nhựa nóng, hoạt động lưu giữ đất hữu cơ bóc tách. Thông số ô nhiễm đặc trưng: SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP).

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

- Mùi, khí thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung của CCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoniac (NH₃), Hydro sunfua (H₂S), Methyl mercaptan (CH₃SH), Metal (CH₄).

3.3. CTR thông thường

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đất hữu cơ bóc bề mặt, nạo vét bùn và đào hồ sinh học phát sinh khoảng 174.604 tấn, được tận dụng để đắp, đổ vào các vị trí trồng cây xanh trong phạm

vi CCN.

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang cây cối, thực bì khoảng 669,57 tấn. Thành phần chủ yếu: rễ cây, cành, lá cây, cây bụi, cỏ,...

- CTR thông thường từ hoạt động phá dỡ từ 02 trang trại (01 trại trồng cây và 01 trại nuôi vịt): Khối lượng phân vịt lẫn với trấu trãi sàn chuồng 2,672 tấn; Khối lượng phá dỡ công trình trên đất là 12,75 tấn.

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 1033,5 tấn. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn.

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng khoảng 50 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại khu điều hành CCN, trạm XLNT khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa,...

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.

3.4. CTNH

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH khoảng 684 kg/năm. Thành phần chủ yếu: dầu thải, giẻ lau dính dầu, thùng đựng sơn, bóng đèn huỳnh, bao bì cứng bằng nhựa, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, que hàn thải, bê tông nhựa có chứa bitum của nhựa Aspha thải.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- CTNH phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.

- CTNH từ hoạt động vận hành của CCN phát sinh từ trung tâm nhà điều hành với thành phần chủ yếu là: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bao bì cứng thải nhiễm thành phần nguy hại, giẻ lau bám dính dầu mỡ, bao bì mềm đựng hoá chất, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm có thành phần nguy hại, pin, ắc quy, hộp mực in với khối lượng CTNH phát sinh vào khoảng 137 kg/năm.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện tham gia thi công và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải của Dự án.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận hành trạm XLNT.

3.6. Các rủi ro, sự cố môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Nguy cơ gây ngập úng tại khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động dung tích bể chứa phân bùn, nước tiểu của mỗi nhà là $7m^3$. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Các công nhân tham gia thi công không ăn ngủ tại công trường, do đó không phát sinh nước thải tắm giặt.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công, vạch tuyến, phân vùng thoát nước mưa cho công trường; bố trí các hố ga lắng trên tuyến thoát nước mưa với khoảng cách 100 m/hố.

- Nước thải từ 3 trạm rửa xe được thu gom vào các bể tách dầu mỡ. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn xịt rửa xe, tưới ẩm vật liệu và bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ hoạt động thi công được thu gom vào bể tách dầu mỡ. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn phun nước rửa đường và tưới ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn:

Hệ thống thoát nước mưa của CCN được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa dưới hè đường dọc các tuyến đường giao thông, thiết kế tự chảy theo địa hình. Hệ thống công sử dụng là công tròn bê tông cốt thép (BTCT) kích thước từ D600 - D1800 và hố ga thu nước mưa. Các hố ga thu thiết kế có nắp đậy, song chắn rác, kết hợp lắng cặn dọc theo chiều dài hệ thống công thoát nước mưa. Chủ dự án thường xuyên nạo vét, khơi thông, sửa chữa các tuyến mương, công thoát nước mưa, công thoát nước qua đường, các tuyến mương nước mặt chạy giữa CCN; đảm bảo thực hiện các biện pháp thoát nước mưa hợp lý để không xảy ra tình trạng ngập úng trong và ngoài CCN.

Nước mưa từ CCN được xả vào kênh Trung Thủy Nông Giang và kênh Cây Đa Đông Đông tại 7 điểm xả theo biên bản thỏa thuận giữa Chủ dự án với đơn vị quản lý kênh mương thủy lợi và chính quyền địa phương. Tọa độ các điểm xả nước mưa (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) như sau:

TT	Tên điểm xả	Nguồn tiếp nhận nước mưa từ Dự án	Vị trí tọa độ	
			X	Y
1	CX5	Kênh Trung Thủy Nông Giang	2297259,783	558179,361
2	CX6	Kênh Trung Thủy Nông Giang	2297308,551	558650,879
3	CX7	Kênh Trung Thủy Nông Giang	2297274,763	558760,363
4	CX8	Kênh Cây Đa Đông Đồng	2297564,170	559923,288
5	CX9	Kênh Cây Đa Đông Đồng	2297540,665	559956,545
6	CX10	Kênh Cây Đa Đông Đồng	2297474,533	560012,318
7	CX11	Kênh Cây Đa Đông Đồng	2297447,301	560049,998

- Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành: Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của CCN (bao gồm nước thải sinh hoạt từ các khu dịch vụ công cộng, khu điều hành CCN, nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN sau khi được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu của CCN) được thu gom về trạm XLNT tập trung để xử lý. Tại dự án bố trí 03 trạm XLNT (tại lô đất ký hiệu KT1 có công suất 700 m³/ngày đêm; tại lô đất ký hiệu KT2 có công suất 800 m³/ngày đêm; tại lô đất ký hiệu KT3 có công suất 400 m³/ngày đêm). Các trạm XLNT được đầu tư theo tiến độ thực hiện dự án, tình hình thu hút đầu tư và lưu lượng nước thải phát sinh thực tế của CCN.

- Hệ thống thu gom nước thải CCN: Ống, cống thoát nước thải được lắp đặt ngầm dưới hè đường. Các hố ga có nắp được bố trí với khoảng cách phù hợp và theo quy định (20-40 m/hố). Tại mỗi lô đất công nghiệp bố trí hố ga đầu nối nước thải; Tại mỗi điểm đầu nối, lắp đặt biển chỉ dẫn, thông tin, lưu lượng xả thải, chủ nguồn xả thải theo quy định.

- Chủ dự án cho phép các dự án đầu tư thứ cấp đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN sau khi đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước thải phù hợp với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung theo Hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc Hợp đồng xử lý nước thải) giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B đối với các thông số nằm trong khả năng xử lý của trạm XLNT tập trung và Cột A đối với các thông số nằm ngoài khả năng xử lý của trạm XLNT tập trung), cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5-9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	1,0
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07
19	Tổng phenol	mg/l	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3
30	Tổng PCB	mg/l	0,003
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

- Hồ sơ cố của các trạm XLNT: Hồ sơ cố tại lô đất ký hiệu KT1 có dung tích là 2.000 m³, tại lô đất ký hiệu KT2 có dung tích là 2.500 m³, tại lô đất ký hiệu KT3 có dung tích là 1.200 m³; mỗi hồ sơ cố có thành và đáy chống thấm để lưu chứa nước thải trong trường hợp trạm XLNT tập trung gặp sự cố; đảm bảo dải cây xanh cách ly xung quanh trạm XLNT tập trung có bề rộng tối thiểu là 3 m theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Các trạm XLNT tập trung hoạt động theo công nghệ hóa lý và sinh học với quy trình như sau: nước thải đầu vào từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN (sau khi xử lý sơ bộ đạt giới hạn cho phép theo yêu cầu của trạm XLNT) → Bể thu gom (lắng cát) → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH (sử dụng acid, bazơ) → Bể keo tụ → Bể tạo bông (sử dụng A-Polymer) → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bể SBR → Bể khử trùng (sử dụng NaOCl) → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận (kênh Trung Thủy Nông Giang và kênh Đa Đông Đông) → sông Cừu An. Tọa độ điểm xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°): lô đất ký hiệu KT1 (X = 2297301,15; Y = 558612,19); lô đất ký hiệu KT2 (X = 2297665,88; Y = 559864,32); lô đất ký hiệu KT3 (X = 2297343,40; Y = 560153,84); (các vị trí xả thải nêu trên đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên chấp thuận tại Công văn số 1540/SNN-TL ngày 09/10/2023 về việc ý kiến xả nước thải của Dự án).

- Lắp đặt phòng thí nghiệm tại trạm XLNT để kiểm tra, giám sát thường xuyên chất lượng nước thải trước, sau mỗi công đoạn xử lý và trước khi xả thải và kịp thời phát hiện các sự cố về nước thải.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của CCN đạt QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$; $K_{HY} = 0,9$ trước khi thải ra môi trường.

- Tách riêng các hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải, không để nước mưa chảy vào hệ thống cống thoát nước thải cũng như không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa.

- Thiết kế, xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải, trạm XLNT phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07-2:2016/BXD và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi xả ra kênh Trung Thủy Nông Giang và kênh Cây Đa Đông Đông (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Quy định cụ thể việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các dự án đầu tư vào CCN thông qua hợp đồng trách nhiệm; giám sát, quản lý chặt chẽ các hoạt động xây dựng, vận hành của các dự án đầu tư thứ cấp, đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt yêu cầu kỹ thuật về đầu nổi trước khi chảy vào cống thu gom nước thải chung của Dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Xây dựng hàng rào cao 2,0 m xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, thiết bị được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Thường xuyên phun nước, duy trì độ ẩm bề mặt công trường, khu tập kết nguyên vật liệu phục vụ xây dựng, bãi tập kết đất đá thải, sân bãi, đường giao thông vào những ngày không có mưa; sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều, không gây đọng nước.

4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN được xử lý đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT), đăng ký môi trường (ĐKMT) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải từ trạm XLNT tập trung:

- Lắp đặt 03 hệ thống thu gom, xử lý mùi cho 03 trạm XLNT theo quy trình xử lý như sau: Mùi, khí phát sinh từ trạm XLNT → Quạt hút (công suất 3.000 m³ /h) → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Ống phóng không (đường kính D400, cao 2,5 m) → Môi trường.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Chủ dự án bố trí một khu vực đệm với khoảng cách 100 m từ trạm XLNT đến khu dân cư gần nhất, trong đó hành lang xanh và đất cỏ rộng khoảng 3 m; sử dụng các chế phẩm sinh học (EM) và hóa học để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các bể XLNT; bể chứa bùn thải của trạm XLNT tập trung sẽ được đậy kín; trồng cây xanh xung quanh trạm XLNT góp phần giảm thiểu mùi hôi phát tán; xây dựng cống ngầm, bố trí nắp đậy hố ga kín và định kỳ 06 tháng/lần nạo vét đường ống, hố ga thu gom nước thải để giảm thiểu mùi từ hệ thống thu gom thoát nước thải.

- Đảm bảo diện tích cây xanh và mặt nước trong CCN theo đúng quy định hiện hành.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Ngoài ranh giới Dự án: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng không khí.

- Trong ranh giới Dự án: Thu gom và xử lý khí phát sinh từ trạm XLNT tập trung đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1,0; Kv=1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Chủ đầu tư các dự án thứ cấp có trách nhiệm xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo ĐTM hoặc GPMT được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép riêng cho từng dự án.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý CTR thông thường

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đất hữu cơ bóc bề mặt hữu cơ từ đất trồng lúa 2 vụ trở lên được thu gom, lưu giữ tại lô đất dự kiến trồng cây xanh của Dự án.

- Các loại CTR thông thường (vỏ bao xi măng, mẫu thép, tôn, gỗ) được thu gom, phân loại, lưu giữ trong kho chứa trên công trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- CTR xây dựng được sử dụng một phần để san lấp mặt bằng khu vực Dự án; phần còn lại được Chủ dự án thu gom, lưu giữ tại 03 bãi chứa diện tích 50m²/bãi chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- CTRSH được thu gom và lưu giữ trong 5 thùng, dung tích mỗi thùng 120 lít. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Xây dựng 01 kho chứa CTR thông thường diện tích 30m² tại khu vực nhà điều hành trạm XLNT để chứa chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của chủ Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bố trí các thùng thu gom CTRSH dọc trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông với khoảng cách khoảng 100 m/thùng. Toàn bộ CTRSH được thu gom về kho chứa CTR thông thường của CCN và được Chủ dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

- CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN do chủ đầu tư các dự án đầu tư thứ cấp thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý CTR thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Thực hiện phân loại các loại CTR thông thường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thu gom, phân loại CTNH phát sinh trên công trường theo từng mã quản lý, chứa riêng theo từng loại trong các thùng chứa có dung tích 120 lít/thùng (tổng cộng khoảng 06 thùng chứa). Các thùng chứa phải có nắp đậy, dán tên chất thải, mã số chất thải, biển cảnh báo và được lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ CTNH có diện tích 10m², vị trí phía sau khu lán trại công nhân. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.4.2. Giai đoạn vận hành

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích 30m² có biển cảnh báo CTNH theo quy định tại đất hạ tầng chung của CCN để chứa CTNH phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của Chủ dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ trạm XLNT: nếu kết quả phân tích xác định bùn thải là chất thải nguy hại, Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng, định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý như CTNH.

- CTNH phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN được Chủ đầu tư các dự án này thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Khu lưu giữ thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về quản lý CTNH.

- Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Các dự án đầu tư thứ cấp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, GPMT, ĐKMT được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm XLNT

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng trạm XLNT cũng như hạ tầng kỹ thuật của CCN. Đưa ra yêu cầu thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư thứ cấp, yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm với các sự cố xảy ra trong phạm vi hoạt động của dự án đầu tư thứ cấp đó. Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể, hồ sự cố của trạm XLNT đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố XLNT.

- Các hồ sự cố có đáy lót bằng màng chống thấm HDPE, xung quanh hồ phải xây dựng tường chắn cao thêm 80cm để chống nước mưa tràn vào hồ. Trường hợp trạm XLNT gặp sự cố, nước thải phải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về trạm XLNT để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng. Hồ sự cố luôn phải để trống, sẵn sàng chứa nước thải khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố trạm XLNT, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm XLNT tập trung để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Sau khi kiểm tra, sửa chữa xong thực hiện bơm nước thải tại hồ sự cố vào lại bể gom để xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$; $K_{hy} = 0,9$) được xả ra kênh thủy lợi Trung Thủy Nông Giang và Cây Đa Đông Đồng.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm XLNT, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm XLNT tập trung của Dự án.

4.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, GPMT, ĐKMT được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Phương án xử lý mùi tại trạm XLNT: Lắp đặt 03 hệ thống thu gom, xử lý mùi cho 03 trạm XLNT theo quy trình xử lý như sau: Mùi, khí phát sinh từ trạm XLNT → Quạt hút (công suất 3.000 m³/h) → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Ống phóng không (đường kính D400, cao 2,5 m) → Môi trường.

4.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ CTR, CTNH

- Khu lưu giữ chất thải phải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

4.6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước

- Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử dụng ống uPVC có độ bền cao, các ống thu gom nước mưa, nước thải qua đường phải được lồng trong ống thép.

4.6.5. Công tác phòng cháy và chữa cháy

lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:

+ 01 vị trí khu vực giáp khu dân cư thôn Giang, xã Nhân La.

+ 01 vị trí khu vực giáp khu dân cư thôn Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão.

+ 01 vị trí khu vực giáp khu dân cư thôn Thọ Hội, xã Đặng Lễ.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, SO₂, CO, NO₂, TSP, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát CTR thông thường, CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR thông thường và CTNH theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải:

5.2.1.1. Giám sát tự động nước thải:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1.

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2.

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục, tự động.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$; $K_{HY}=0,9$.

- Đầu nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động: Thực hiện theo quy định.

5.2.1.2. Giám sát định kỳ nước thải:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1.

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2.

+ 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3.

- Thông số giám sát: Các thông số giám sát thực hiện theo QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$; $K_{HY}=0,9$ (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$; $K_{HY}=0,9$.

5.2.1.3. Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 tiếng trở lên, Chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT gặp sự cố.

- Thông số giám sát: Các thông số giám sát thực hiện theo QCDP 02:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$; $K_{HY}=0,9$ (trừ các thông số đã được quan trắc tự động liên tục).

- Tần suất giám sát: 01 lần/ngày (cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải liên tục, tự động hoạt động trở lại).

- Quy chuẩn áp dụng: QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, với $K_q=0,9$; $K_f=1,0$; $K_{HY}=0,9$.

5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 06 vị trí gồm:

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Trung Thủy Nông Giang cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1 về phía thượng nguồn 50m.

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Trung Thủy Nông Giang cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1 về phía hạ nguồn 50m.

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Cây Đa Đông Đông cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2 về phía thượng nguồn 50m.

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Cây Đa Đông Đông cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2 về phía hạ nguồn 50m.

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Cây Đa Đông Đông cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3 về phía thượng nguồn 50m.

- + 01 vị trí nước mặt tại kênh Cây Đa Đông Đông cách cống xả nước thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3 về phía hạ nguồn 50m.

- Thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, nitrit (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, amoni (NH₄⁺), Sunfua, Fe, Pb, Cu, Zn, Hg, Cr⁶⁺, Cd, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

5.3.3. Giám sát bùn thải

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:

- + 01 mẫu bùn thải từ trạm XLNT của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1.

- + 01 mẫu bùn thải từ trạm XLNT của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2.

- + 01 mẫu bùn thải từ trạm XLNT của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3.

- Thông số giám sát: As, Bari, Ag, Cd, Chì, Coban, Kẽm, Ni, Si, Hg, Cr⁶⁺, Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol, Benzen.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.3.4. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm:

+ 01 vị trí tại tại ống thoát của tháp xử lý mùi, khí thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT1.

+ 01 vị trí tại tại ống thoát của tháp xử lý mùi, khí thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT2.

+ 01 vị trí tại tại ống thoát của tháp xử lý mùi, khí thải của trạm XLNT tại lô đất ký hiệu KT3.

- Thông số giám sát: Amoniac (NH_3), hydro sufua (H_2S), methyl mercaptan (CH_3SH).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.3.5. Giám sát CTR thông thường, CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR thông thường và CTNH theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao CTR thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án khi thỏa mãn điều kiện sau: Được cơ quan quản lý nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, cấm mốc, giao đất, đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; thiết kế cơ sở của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường và một số nội dung điều chỉnh trong thiết kế phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

6.2. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước và tổ chức thực hiện theo quy định; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan; thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ cấp ưu tiên sử dụng nguồn lao động địa phương, đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất trồng lúa để triển khai Dự án.

6.3. Thực hiện nghiêm công tác đền bù, giải phóng mặt bằng như đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện; việc bồi thường giải phóng mặt bằng, di dời các ngôi mộ của các hộ dân vùng Dự án phải bảo đảm tính bền vững theo nguyên tắc phù hợp với phong tục, tập quán và các điều kiện sinh hoạt của người dân bản địa, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, đa dạng sinh học và các quy định khác của pháp luật.

6.4. Thực hiện nghiêm các quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên liên quan đến lộ trình bồi thường, đền bù, hỗ trợ cho người dân và các yêu cầu của địa phương và có giải pháp khắc phục những kiến nghị của địa phương và những hộ dân bị lấy đất lúa, di dời các ngôi mộ, mất đất canh tác nêu tại Biên bản họp cộng đồng dân cư và các phiếu tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.5. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục, công trình.

6.6. Không bố trí các dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại khu vực hàng rào CCN tiếp giáp với cụm dân cư.

6.7. Trong quá trình triển khai Dự án, yêu cầu Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các đơn vị quản lý để giải quyết các vấn đề tranh chấp, đền bù thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật.

6.8. Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại mục 1.3 Quyết định này và phù hợp với các văn bản đồng ý về chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào CCN phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được thu gom và đấu nối về trạm XLNT của Dự án để xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu ô nhiễm bụi, nước mưa chảy tràn, bồi lắng, úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

6.10. Chủ dự án có trách nhiệm lắp đặt, vận hành, quản lý trạm XLNT đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp của tỉnh Hưng Yên (với $K_q = 0,9$; $K_r = 1,0$; $K_{hy} = 0,9$) và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

6.11. Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cho trạm XLNT. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra hiện tượng rạn nứt, rò rỉ tại khu vực trạm XLNT hoặc nước thải chưa đạt yêu cầu ra môi trường, Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.

6.12. Hàng năm phải lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố an toàn và môi trường khác phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.13. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước thủy lợi, lưu ý việc xả thải vào kênh thủy lợi (kênh Trung Thủy Nông Giang và kênh Cây Đa Đông Đống) phải đảm bảo theo yêu cầu của pháp luật về xả nước thải vào kênh thủy lợi; tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, rà phá bom mìn; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; thực hiện các quy định hiện hành về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6.14. Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực xung quanh; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lập kế hoạch trồng cây xanh tại những vị trí đã thiết kế (cây xanh khu vực trạm XLNT) để hạn chế bụi, tiếng ồn và tạo cảnh quan môi trường.

6.15. Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

6.16. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu theo quy định, trồng dải cây xanh xung quanh trạm XLNT để ngăn mùi phát sinh và cảnh quan; chỉ được sử dụng những giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, các loại hóa chất được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án.

6.17. Lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT theo quy định của pháp luật; thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên trong quá

trình thực hiện Dự án; thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện.

6.18. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./

α

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN
ĐIỂM ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI**

Căn cứ hợp đồng cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Hưng Yên, Việt Nam số ĐL-02/HDTLD-CN2.9 ngày 30/06/2025 giữa Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên và Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli;

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện: Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên

Ông: Phạm Văn Lực

Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

2. Đại diện: Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli

Bà: Đàm Thị Thanh Hương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông/Bà:

Chức vụ:

Hai bên thống nhất với nội dung sau:

1. Điểm đầu nối hạ tầng giao thông:

- Số lượng lối ra/vào: 03 vị trí.

* Vị trí 01 (GT3):

+ Điểm giao cắt theo tim tuyến với tuyến đường N5-2.

+ Tọa độ các điểm khống chế mặt bằng:

Điểm 1 (Tọa độ X = 2297523.967; Y = 560372.598);

Điểm 2 (Tọa độ X = 2297527.822; Y = 560366.670);

Điểm 3 (Tọa độ X = 2297532.493; Y = 560388.721);

Điểm 4 (Tọa độ X = 2297526.566; Y = 560384.866).

* Vị trí 02 (GT2):

+ Điểm giao cắt theo tim tuyến với tuyến đường N5-2.

+ Tọa độ các điểm khống chế mặt bằng:

Điểm 5 (Tọa độ X = 2297552.980; Y = 560509.565);

Điểm 6 (Tọa độ X = 2297556.835; Y = 560503.637);

Điểm 7 (Tọa độ X = 2297561.506; Y = 560525.688);

Điểm 8 (Tọa độ X = 2297555.581; Y = 560521.832).

* Vị trí 03 (GT1):

+ Điểm giao cắt theo tim tuyến với tuyến đường D7-1.

+ Tọa độ các điểm khống chế mặt bằng:

Điểm 9 (Tọa độ X = 2297521.330; Y = 560671.549);

Điểm 10 (Tọa độ X = 2297527.812; Y = 560674.375);

Điểm 11 (Tọa độ X = 2297506.218; Y = 560682.857);



1095293.
TY CỔ PHẦN
DẦU TƯ
HÁT TRIỂN
HUNG YÊN

162
CÔN
TNI
À MÁ
AN
41 - T.

- Số lượng: 01 điểm

- b) Điểm đầu nổi thoát nước thải sinh hoạt và sản xuất:**

- Toàn bộ lượng nước thải trong nhà máy được thu gom để xử lý. Bố trí công trình để xử lý sơ bộ nước thải (trạm xử lý/bể tự hoại...) và hồ lấy mẫu quan trắc nước thải tại điểm xả để phục vụ kiểm tra của Chủ đầu tư và cơ quan chức năng theo quy định. Nước thải sau xử lý sơ bộ phải đạt các chỉ tiêu theo Phụ lục 01 của “Quy định quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa” sau đó mới được xả vào hệ thống thoát nước thải chung của Cụm công nghiệp.

- Số lượng: 01 điểm

- Điểm đầu nối: Tại vị trí hồ ga có (Toa độ X= 2297574.0159; Y= 560594.4042).

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống chôn ngầm dọc tuyến đường nội bộ, sau đó dẫn nổi vào tuyến cống thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

- Số lượng: 02 điểm

* Vj tri 01 (TNM 01):

- Điểm đấu nối: Đấu nối vào hố ga trên đường ống D1000 hiện trạng;

Toạ độ X = 2297537.2995; Y = 560421.0619.

* Vi tri 02 (TNM 02):

- Điểm đầu nối: Đầu nối vào hồ ga trên đường ống D1000 hiện trạng;

Toa dô X = 2297551.8066; Y = 560489.5422.

- Số lượng: 01 điểm

- Điểm đầu nối: Tại vị trí đường dây 22kV hiện trạng Cụm công nghiệp (Toạ độ X = 97582.6860; Y = 560633.7004).

c) Điểm đầu nối hệ thống thông tin liên lạc:

- Số lượng: 01 điểm

- Điểm đầu nối số 1: Đầu nối vào hố ga dưới lòng đường. Tại vị trí toạ độ X= 2297552.097; Y= 560499.480.

3. Trước khi đấu nối hạ tầng, Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli phải có văn bản thông báo kế hoạch thực hiện cho Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên biết để cử nhân viên giám sát việc đấu nối.

4. **Cống thoát nước mưa Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli** trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp phải có hố ga sắt hàng rào và nằm trong khu đất của Công ty. Khi tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của Cụm công nghiệp, Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli phải có văn bản thông báo kế hoạch thực hiện cho Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên biết để cử nhân viên giám sát việc đấu nối.

5. Công ty TNHH nhà máy nhôm Yangli có trách nhiệm xử lý nước thải theo phụ lục 01 của “Quy định quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi

công xây dựng tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa" sau đó mới được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp. Nước thải của nhà máy trước khi dẫn vào hệ thống thoát nước thải của Cụm công nghiệp cần lắp đặt van khóa chỗ để phòng ngừa sự cố nước thải vượt quy chuẩn có thể khóa lại để kiểm tra và khắc phục. Khối lượng nước thải vượt quy chuẩn được tính bằng 100% khối lượng đầu vào căn cứ theo hóa đơn sử dụng nước hàng tháng. Nghiêm cấm xả nước thải ô nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa và ra ngoài môi trường.

6. Giá dịch vụ nước thải theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên và Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli.

7. Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli phải đầu nối các hệ thống hạ tầng theo đúng biên bản thỏa thuận đầu nối. Nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh các điểm đầu nối thoát nước, cấp nước, cấp điện của nhà máy trong quá trình sản xuất thì phía Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli cần phải thông báo cho Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên chấp thuận bằng văn bản.

8. Tại vỉa hè Cụm công nghiệp có các công trình ngầm. Đường giao thông nội bộ của Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli đầu nối vào đường giao thông của Cụm công nghiệp ngang qua các công trình ngầm này thì Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli phải gia cố (đúc tấm đan bê tông chịu lực đặt trên các công trình ngầm này). Nhân viên giám sát của hai bên thỏa thuận chỉ tiết phương án gia cố và ghi vào Biên bản làm việc. Việc gia cố thực hiện trên cơ sở các công trình ngầm hoạt động tốt, đảm bảo mỹ quan và thuận tiện cho việc quản lý hạ tầng sau khi gia cố xong.

9. Nếu có thay đổi hoặc phát sinh các điểm đầu nối khác của Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli có văn bản nêu rõ lý do và vị trí cần đầu nối (có kèm theo bản vẽ) gửi cho Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên và được Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

10. Trong quá trình xây dựng nhà máy, Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli tuân thủ các quy định về các thủ tục xây dựng nhà máy trong Cụm công nghiệp Đặng Lễ.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung trên, biên bản được lập thành 04 bản, Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và phát triển Hưng Yên giữ 02 bản, Công ty TNHH nhà máy nhóm Yangli giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN HƯNG YÊN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Lực

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Thanh Hương

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy định Quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa, huyện Kim Động, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/03/2024 về quản lý, phát triển Cụm Công nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/08/2024 về quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc thành lập Dự án: “Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đặng Lễ, huyện Kim Động, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên”;
- Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc thành lập Dự án: “Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Chính Nghĩa, huyện Kim Động, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên”;
- Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc thành lập Dự án: “Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Động, huyện Kim Động, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên”;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định Quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại Cụm công nghiệp Kim Động, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Cụm công nghiệp Chính Nghĩa.

Điều 2. Quy định Quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại Cụm công nghiệp Kim Động, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Cụm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Lữ

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2025

QUY ĐỊNH

Quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại Cụm công nghiệp Kim Động, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Cụm công nghiệp Chính Nghĩa

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày 01/06/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Nhằm đảm bảo tính hợp pháp của lô đất được thuê lại và sử dụng chính đáng của các Nhà đầu tư thứ cấp (NĐT), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên (Chủ đầu tư CCN hoặc Chủ đầu tư) công bố bản "Quy định quản lý quy hoạch và đảm bảo trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công xây dựng tại Cụm công nghiệp Kim Động, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Cụm công nghiệp Chính Nghĩa" (dưới đây gọi tắt là CCN) trên cơ sở quy hoạch phân khu đã được phê duyệt và các quy định pháp luật liên quan, tạo điều kiện cho các NĐT có cơ sở để thực hiện, cũng như là một chuẩn mực cho việc quản lý và kiểm tra của CCN.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với tất cả các hoạt động xây dựng trong ranh giới Cụm công nghiệp Kim Động, Cụm công nghiệp Đặng Lễ, Cụm công nghiệp Chính Nghĩa nói chung và trong các lô đất được các NĐT thuê lại nói riêng. Trên cơ sở quy định này, các đơn vị quản lý xây dựng theo quyền hạn trách nhiệm được giao hướng dẫn việc triển khai dự án đầu tư, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tổ chức không gian kiến trúc

1. Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ là đường ranh giới phân định giữa phần lô đất xây dựng công trình và phần đất dành cho đường giao thông (bao gồm cả lòng đường và hè, rải phân cách).

Tùy vị trí lô đất được thuê có phần mặt tiền tiếp giáp với các tuyến đường có mặt cắt khác nhau mà chỉ giới đường đỏ khác nhau. Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất.

+ Thông số các tuyến đường, Chỉ giới đường đỏ (tính từ trục đường đến ranh lô đất), Chỉ giới xây dựng (tính từ chỉ giới đường đỏ):

+ Tuyến N1, D2: $B_n = 25,0\text{m}$; $B_m = 15,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến N2, D1 và D3: $B_n = 20,5\text{m}$; $B_m = 10,5\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến D4: $B_n = 18,5\text{m}$; $B_m = 10,5\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 5,0\text{m} + 3,0\text{m}$.

+ Tuyến N6: $B_n = 25,0\text{m}$; $B_m = 15,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến N7, D7 và D8: $B_n = 18,5\text{m}$; $B_m = 10,5\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 5,0\text{m} + 3,0\text{m}$.

+ Tuyến D9: $B_n = 20,5\text{m}$; $B_m = 10,5\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến D1, D6: $B_n = 20,5\text{m}$; $B_m = 10,50\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến D2: $B_n = 25,0\text{m}$; $B_m = 15,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 2 \times 5,0\text{m}$.

+ Tuyến D4, D5, D7, N3, N4, N5: $B_n = 18,5\text{m}$; $B_m = 10,50\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 2 bên $B_{vh} = 5,0\text{m} + 3,0\text{m}$.

+ Tuyến D8-1 và D8-2: $B_n = 11,0\text{m}$; $B_m = 7,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường hai mái $i=2\%$; vỉa hè 1 bên $B_{vh} = 3,0\text{m}$; $B_{lề} = 1,0\text{m}$.

+ Chỉ giới xây dựng đối với những lô đất tiếp giáp với lô cây xanh: Theo bản vẽ thiết kế và quy hoạch phân khu được phê duyệt.

+ Chỉ giới xây dựng đối với những lô đất liền kề đảm bảo hành lang an toàn phòng cháy chữa cháy.

Nghiêm cấm đỗ xe trong các khu vực công cộng trong CCN, nghiêm cấm các loại xe chuyên chở thô sơ chạy trong CCN.

2. Các chỉ tiêu xây dựng trung bình của 3CCN:

a) Ô đất xây dựng công trình nhà máy có ký hiệu bằng mã CN:

- Tổng diện tích khu đất: 2.250.000 m². Trong đó:
- Diện tích đất nhà máy, xí nghiệp: 1.596.983 m².
- Diện tích đất hành chính, dịch vụ: 59.847 m².
- Diện tích đất cây xanh, mặt nước: 311.101m².
- Đất giao thông: 240.474m².
- Đất bãi đỗ xe: 24.170 m².
- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 35.350 m².
- San nền trong dự án bằng cát đen và vật liệu thích hợp khác theo quy định, cao độ

trung bình 3.35±0.05m.

- Mật độ xây dựng: Tuân thủ theo Quy hoạch được phê duyệt, tối đa ≤ 70%
- Chiều cao công trình: Chiều cao tầng: 1-5 tầng.
- Cốt xây dựng công trình: Cao hơn cốt sân tối đa 0,90m.
- Yêu cầu về kiến trúc công trình: Kiến trúc hiện đại, hợp khối.
- Yêu cầu về cây xanh: Đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch được phê duyệt, ưu tiên trồng cây bóng mát và cây lấy gỗ.

- Các thông số, tỷ lệ chi tiết phải tuân thủ theo Quy hoạch được phê duyệt.

b) Ô đất xây dựng công trình điều hành, dịch vụ ký hiệu HC:

- Mật độ xây dựng: Tối đa 70%.
- Chiều cao công trình: tối thiểu 4,0m; tối đa 21,0m. Chiều cao tầng: 1-5 tầng.
- Cốt xây dựng công trình: Cao hơn cốt sân tối đa 0,9m (trừ trường hợp bố trí tầng hầm).

- Yêu cầu về kiến trúc công trình: Kiến trúc hiện đại, hợp khối.
- Yêu cầu về cây xanh: Đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch được phê duyệt, ưu tiên trồng cây bóng mát và cây lấy gỗ.

c) Ô đất xây dựng bãi đỗ xe ký hiệu P:

- Gồm 02 bãi đỗ xe ký hiệu P: Có quy mô 25.924 m².
- Xây dựng công trình phục vụ đỗ xe:
- + Mật độ xây dựng: Tối đa 5%.
- + Chiều cao công trình: Tối đa 2 tầng.

+ Cốt xây dựng công trình: Cao hơn cốt sân tối đa 0,45m, sân bãi đỗ xe đảm bảo độ dốc thoát nước tối thiểu $i=0,5\%$, cao độ mép bãi đỗ xe tối thiểu bằng cao độ mép trong hè đường.

+ Yêu cầu về kiến trúc công trình: Kiến trúc hiện đại, hợp khối, phù hợp với kiến trúc cảnh quan chung của khu nhà ở và khu vực xung quanh.

+ Yêu cầu về cây xanh: Đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch được phê duyệt, ưu tiên trồng cây bóng mát và cây lấy gỗ.

Điều 4. Giải pháp kết cấu xây dựng công trình

1. Để xử lý phần móng công trình không vượt quá chỉ giới đường đỏ, giải pháp móng tường rào và các công trình tiếp giáp được chọn theo dạng con-sole hoặc móng “chân vịt”.

2. Các công trình phải thi công dạng móng chân vịt, móng bè, móng băng hoặc móng con-sole. Trường hợp có móng cọc, chỉ được sử dụng cọc ép hoặc cọc khoan nhồi.

3. Tất cả công trình xây dựng phải lập hồ sơ khảo sát công trình.

4. Biện pháp chống sụt lún khi thi công móng: Trường hợp hai công trình liền kề không xây dựng cùng lúc, nhà thi công sau phải xử lý nền móng đảm bảo, tránh tình trạng làm sụt lún công trình liền kề.

Điều 5. Cấp nước và PCCC cho công trình

1. Các NĐT trong CCN lên kế hoạch và đăng ký công suất sử dụng nước, đồng thời liên hệ Chủ đầu tư CCN để ký hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất.

2. Quy cách đấu nối hệ thống cấp nước (từ điểm đầu đến hết cụm đồng hồ) phải tuân thủ bản vẽ kỹ thuật do Chủ đầu tư CCN cung cấp, các thiết bị đấu nối đảm bảo đúng tiêu chuẩn ngành nước (Đồng hồ nước có độ chính xác cấp B được kiểm định của cơ quan có thẩm quyền, ống từ điểm đầu tới đồng hồ là ống HDPE PN10, các thiết bị van, tê, cút, đai kt v.v đạt tiêu chuẩn, chịu áp lực 10bar trở lên).

3. Vị trí, thời gian tiến hành đấu nối phải được thống nhất bằng văn bản với Chủ đầu tư CCN. Toàn bộ công tác đấu nối phải do đơn vị có chuyên môn thực hiện, Chủ đầu tư CCN sẽ cử cán bộ kỹ thuật phối hợp giám sát trong quá trình đấu nối.

4. Toàn bộ kinh phí đấu nối do các NĐT chi trả.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đào, đấu nối hệ thống cung cấp nước trong CCN.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi khoan giếng ngầm lấy nước sinh hoạt hoặc sản xuất.

7. Chủ đầu tư CCN có trách nhiệm lắp đặt các họng nước cứu hỏa dọc theo các trục

đường giao thông chính để phòng và chữa cháy cho toàn CCN theo đúng qui định của Pháp luật hiện hành.

8. Số điểm đầu nổi (cổng, thoát nước mưa, cấp nước sạch) sẽ căn cứ theo diện tích thuê đất

Điều 6. Thoát nước

1. Thoát nước mưa: Nước mưa không được xả trực tiếp lên mặt hè, mặt đường mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ công trình ra hố ga và chảy vào hệ thống thoát nước CCN.

Cao trình đáy cống tại vị trí cống nối tiếp phải phù hợp với cao trình cống thoát nước chung và cao hơn cao trình đáy cống chung ít nhất 20cm tùy theo vị trí miệng cống thoát, đồng thời cao trình đỉnh cống phải bằng hoặc cao hơn đỉnh cống chung ít nhất 10-20cm.

Hệ thống thoát nước mưa trước khi đầu nổi ra hệ thống cống của CCN phải chảy qua hố ga đầu nổi (có kích thước tối thiểu 2m x2m x2m) đặt sát hàng rào và nằm trong lô đất của NĐT thuê đất. Đáy hố ga đầu nổi phải thấp hơn đáy cống hạ lưu tối thiểu 0,6m, tại miệng cống phía hạ lưu phải lắp đặt cửa van phai, song chắn rác bằng Inox, trên nắp hố ga phải có lỗ D110 để lấy mẫu quan trắc chất lượng nước.

2. Thoát nước thải (nước thải sản xuất và sinh hoạt): Nhà máy phải xử lý nước thải sơ bộ đạt các chỉ tiêu theo Phụ lục 01, sau đó mới được xả vào vào hệ thống thoát nước thải chung của CCN.

Nước thải của nhà máy trước khi dẫn vào hệ thống chung phải qua bể chứa (kích thước bể chứa phụ thuộc vào lượng nước thải của mỗi nhà máy, tối thiểu là 2mx2mx2m) Đáy hố ga phải thấp hơn đáy cống hạ lưu tối thiểu 0.6m, tại miệng cống phía hạ lưu phải lắp đặt cửa van phai, song chắn rác bằng Inox. và lỗ quan trắc chất lượng nước thải. Nghiêm cấm xả nước thải ô nhiễm vào hệ thống thoát nước chung.

Công tác đắp trả hoàn mặt bằng tại các vị trí đầu nổi TNM, TNT đảm bảo độ chặt lu lèn, có biện pháp đảm bảo tại các vị trí nổi không bị rò rỉ nước.

3. Vị trí, quy cách đầu nổi, chủng loại cống, ống đầu nổi và thời gian tiến hành đầu nổi phải được thống nhất bằng văn bản với Chủ đầu tư CCN. Toàn bộ công tác đầu nổi phải do đơn vị có chuyên môn thực hiện. Chủ đầu tư CCN sẽ cử cán bộ kỹ thuật phối hợp giám sát trong quá trình đầu nổi.

4. Toàn bộ kinh phí đầu nổi do các NĐT chi trả.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đào, đầu nổi hệ thống thoát nước trong CCN.

Điều 7. Cấp điện và an toàn điện

1. Cấp điện phía trung thế 22kV:

- Quy định chung đối với lưới điện trung thế được Thực hiện theo nghị định số: 62/2025 ngày 04/03/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Vật liệu điện, thiết bị lắp đặt phải tuân thủ theo Quyết định số: 2545/QĐ-PCHY ngày 20 tháng 08 năm 2019 cho đến khi có quy định mới.

- Trước khi thiết kế hệ thống điện trong phạm vi đầu nối trung thế cho nhà máy sản xuất của mình, NĐT cần có sự bàn bạc, thống nhất với Chủ đầu tư CCN để thỏa thuận phương án, điểm đầu nối cấp điện. Thỏa thuận hướng tuyến và tuyến cáp ngầm sau khi thống nhất sẽ được lập thành biên bản ký 3 bên: Chủ đầu tư CCN - NĐT - EVN (PCHY). Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý thi công, đầu nối với hệ thống điện nói chung và hệ thống 22kV nói riêng trong CCN mà chưa có ý kiến bằng văn bản của Chủ đầu tư CCN.

- Việc đầu nối từ vị trí cột của hệ thống điện trung thế 22KV đã thỏa thuận vào các trạm biến áp của NĐT phải được đi bằng cáp ngầm để đảm bảo mỹ quan và an toàn điện. Việc đầu tư, xây dựng hệ thống phải tuân thủ theo đúng các Quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và các quy định của EVN địa phương.

- NĐT được phép đề xuất đầu nối xuất tuyến cáp ngầm đến Trạm biến áp của đơn vị mình tại vị trí cột điện 22kV gần nhất.

- Cáp ngầm 22kV từ chân cột điểm đầu nối (22kV) lên đến điểm đầu nối phải được luôn trong ống kim loại (ống kim loại được lựa chọn phù hợp với từng loại cáp sử dụng). Chiều cao ống lắp đặt phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật chung của ngành điện.

1. An toàn điện trong quá trình đầu nối, vận hành:

- Đối với NĐT và Nhà thầu thi công, lắp đặt hệ thống điện cho các NĐT trong CCN phải đảm bảo tuân thủ tuyệt đối về vấn đề an toàn điện (CBKT thi công phải có đầy đủ chứng chỉ, nghiệp vụ về an toàn điện, có phiếu giao việc tại vị trí lắp đặt thiết bị).

- NĐT phải tuyệt đối tuân thủ các Quy trình, quy phạm về an toàn điện hiện hành. Phối hợp chặt chẽ với cán bộ chuyên môn của Chủ đầu tư CCN trong quá trình thi công, giám sát lắp đặt thiết bị.

2. Kinh phí đầu tư hệ thống:

Từ vị trí điểm đầu nối hệ thống điện 22kV đến Nhà máy sản xuất của NĐT thuộc tài sản của NĐT nên kinh phí do NĐT tự chủ động đầu tư, xây dựng theo đúng Quy định của

của ngành điện và pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Điện chiếu sáng, cây xanh đường phố, vỉa hè

1. Điện chiếu sáng:

Chủ đầu tư CCN có trách nhiệm lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng theo các trục đường giao thông của CCN. Trường hợp hư hỏng, NĐT phải báo ngay với Chủ đầu tư CCN để sửa chữa. Nghiêm cấm các hành vi tự ý leo trèo hoặc sử dụng hệ thống điện chiếu sáng vào mục đích khác.

2. Cây xanh đường phố:

a) Cây xanh đường phố trong Cụm công nghiệp do Chủ đầu tư trồng, chăm sóc, bảo quản và hưởng lợi. Các NĐT có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đường phố. Không được chặt phá cây, khi có kẻ gian phá hoại, cần phải báo ngay với Chủ đầu tư CCN để xử lý kịp thời.

b) Chủ đầu tư CCN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc cắt, tỉa cành cây xanh để bảo vệ an toàn các công trình kỹ thuật.

c) Nghiêm cấm các trường hợp sau đây làm thiệt hại đến cây xanh:

- Đào bới, đốt rác ở gốc cây.
- Tiểu tiện ở gốc cây.
- Bẻ cành, lột vỏ cây, đóng đinh, đóng bảng quảng cáo vào cây xanh.
- Đốn hạ cây xanh.
- Những hành vi làm thiệt hại, ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.

d) Khuyến khích NĐT tăng cường diện tích cây xanh trong nhà máy nhằm cải thiện môi trường cảnh quan cho Cụm công nghiệp.

3. Vỉa hè:

a) Vỉa hè trong Cụm công nghiệp dùng để đi bộ và bố trí các công trình kỹ thuật. Vỉa hè do Chủ đầu tư CCN thực hiện, bảo quản và hưởng lợi.

b) Nghiêm cấm các tổ chức cá nhân có hành vi xâm phạm và/hoặc sử dụng sai mục đích.

Điều 9. Đẩu nối mở cổng và quy cách

- Trước khi thiết kế cổng, NĐT cần có sự bàn bạc với Chủ đầu tư CCN để thỏa thuận điểm đẩu nối. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đẩu nối với hệ thống điện trong Cụm công nghiệp.

- Số lượng cổng tối thiểu 01 cổng chính (cho xe cộ và phương tiện vận tải hàng hóa)

và 01 cổng phụ (cho công nhân), số lượng cổng tối đa phụ thuộc vào diện tích lô đất được thuê nhưng không quá 02 cổng chính và 02 cổng phụ.

- Vị trí mở cổng phải cách ngã ba, ngã tư đường (Khu vực nguy hiểm) tối thiểu 25m (ngoại trừ trường hợp đặc biệt).

- Kích thước, chiều rộng cổng chính tối đa 20m.

- Tại vị trí cổng vào nhà máy, cấu tạo lề đường người đi bộ, bó vỉa phải dựa theo quy cách của CCN để phù hợp với mỹ quan, quy hoạch chung.

- Trong trường hợp vị trí mở cổng trùng vào vị trí các hố ga kỹ thuật, NĐT thuê đất thống nhất với Chủ đầu tư CCN phương án cải tạo hố ga và các hạ tầng khác theo bản vẽ và kết cấu theo đúng bản vẽ của Chủ đầu tư CCN yêu cầu.

- Tại vị trí mở cổng, NĐT thuê đất phải tiến hành đặt 02 ống HDPE D250 theo hướng song song với tim đường và 02 hố ga theo đúng bản vẽ của Chủ đầu tư CCN yêu cầu.

- Cao độ cổng tại vị trí tiếp giáp với vỉa hè CCN cao hơn đỉnh bó vỉa tối thiểu 0.1m.

- Vị trí đầu nổi tiếp giáp với mặt đường của CCN có vuốt đầu nổi thoát nước tốt, không để đọng nước, thấm nước xuống nền đường làm hỏng đường của CCN.

- Nếu NĐT có nhu cầu tăng số lượng kích thước cổng nhiều hơn quy định. NĐT và Chủ đầu tư CCN sẽ bàn bạc thống nhất bằng văn bản. NĐT sẽ phải đóng một phần phí được thỏa thuận tại thời điểm phát sinh nhu cầu. Phần cổng phát sinh hay mở rộng vẫn phải tuân thủ các quy định chung trong điều này.

Điều 10. Xử lý rác

Các NĐT thuê đất quy hoạch vị trí trạm chứa rác tập trung trong nhà máy để chở ra ngoài xử lý, nghiêm cấm mọi hành vi đổ rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan Cụm công nghiệp. Đối với rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, các NĐT sản xuất trong Cụm công nghiệp có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với rác thải sinh hoạt phải có thùng rác công nghiệp thu gom và được tập kết đúng nơi quy định, đơn vị xử lý rác của CĐT sẽ thu gom theo lịch định kỳ. Chi phí rác thải sinh hoạt sẽ được tính theo tổng số con người hoạt động tại Dự án.

Điều 11. Mỹ quan đô thị

1. Mặt tiền công trình, biển quảng cáo không được sử dụng các vật liệu có độ phản quang lớn hơn 70%.

2. Không sử dụng hình thức kiến trúc chắp vá, vật liệu tạm, thô sơ.

3. Mặt ngoài công trình không được sơn quét các màu đen, màu tối sẫm và trang trí

các chi tiết phản mỹ thuật.

4. Chiều cao hàng rào quy định từ 2m đến 2.2m, hàng rào phía tiếp giáp đường nội bộ CCN cần xây tường rào thoáng có hình thức kiến trúc gọn nhẹ, thoáng, mỹ quan (thiết kế tường rào phải chuyển cho Chủ đầu tư CCN kiểm tra và điều chỉnh cho phù hợp quy hoạch của CCN).

5. Khoảng lùi công trình không được tận dụng xây dựng bất cứ loại hình công trình nào ngoại trừ sân, vườn hoa, tiểu cảnh.

CHƯƠNG III: QUY ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 12. Các thủ tục trước khi khởi công công trình

1. Các công việc NĐT phải hoàn thành trước khi khởi công công trình:

- Giấy phép xây dựng;

- Đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy phép xây dựng:

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/ xác nhận.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy.

- Chứng chỉ quy hoạch được cấp;

- Các bản vẽ tổng mặt bằng và bản vẽ tổng hợp bố trí dây chuyền công nghệ của nhà máy;

- Các bản vẽ tổng hợp hệ thống kỹ thuật hạ tầng và sơ đồ đấu nối điện, nước cấp, nước thải, hệ thống thông tin và các công trình hạ tầng kỹ thuật chung của CCN;

- Các bản vẽ kiến trúc tổng thể công trình gồm: các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt công trình, các bản vẽ kết cấu chính về nền móng và thân công trình đã được các cơ quan chức năng phê duyệt;

- Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt bố trí phòng chống cháy nổ kèm theo thỏa thuận về an toàn PCCC của phòng cảnh sát PCCC;

- Bản vẽ mặt bằng xử lý môi trường được Sở Tài nguyên & Môi trường chấp thuận;

- Bảng liệt kê khối lượng và tiêu chuẩn các vật liệu xây dựng đặc biệt của dự án theo thiết kế có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam- được kiểm định và thí nghiệm;

- Bản vẽ hoàn công của các bản vẽ nêu trên khi thi công có thay đổi;

- NĐT và Nhà thầu thi công cùng ký cam kết về việc thực hiện các quy định đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công xây dựng gửi Chủ đầu tư CCN (Phụ lục 03);

- Văn bản thông báo khởi công xây dựng công trình (bao gồm có kế hoạch thi công, tiến độ hoàn thành) gửi Chủ đầu tư CCN, trong đó đăng ký các nhà thầu thi công, tư vấn giám sát, thông tin về Ban chỉ huy công trường và số điện thoại liên hệ 24/24h (Phụ lục 02). Số lượng hồ sơ nộp là 02 bộ.

2. Trước khi khởi công xây dựng công trình ít nhất 07 ngày làm việc, NĐT phải gửi Chủ đầu tư CCN các hồ sơ:

- Các biện pháp và kế hoạch thực hiện nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự và không xâm phạm tới các công trình xung quanh trong quá trình thi công.

- Tổng mặt bằng công trường xây dựng đã được Chủ đầu tư CCN phê duyệt, trong đó bao gồm các bản vẽ hệ thống tiêu thoát và xử lý nước thải công trường, khu vực rửa xe, mặt bằng bố trí các khu vực thi công, khu vực tập kết vật liệu, chất thải, khu vực nhà tạm, ... phù hợp với địa điểm xây dựng, thuận lợi cho công tác thi công, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Các Đơn vị tham gia hoạt động xây dựng trong CCN phải ký quỹ cho Chủ đầu tư CCN một khoản tiền theo Điều 19 quy định này trong thời gian tham gia thi công.

4. Các Đơn vị có phương tiện vận chuyển, máy móc lưu hành trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa phải nộp phí sử dụng hạ tầng và vệ sinh môi trường cho chủ đầu tư CCN trong thời gian tham gia thi công, (mức phí được thống nhất giữa hai bên và phải tuân theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh nhu cầu).

5. Yêu cầu về biển báo, hàng rào và nhà tạm trên công trường:

- Biển báo công trường: Tất cả các công trình xây dựng đều phải được treo biển báo tại công trường thi công (Phụ lục 4).

- Hàng rào công trường: Xung quanh khu đất xây dựng phải lắp dựng hàng rào ngăn cách khu vực thi công với bên ngoài.

Đối với các công trình theo tuyến phải lắp dựng hàng rào ngăn cách khu vực thi công với khu vực tuyến đường giao thông đã xây dựng. Tại các điểm đầu của hàng, rào các công trình theo tuyến cần có biển báo, đèn báo hiệu cảnh báo cho người tham gia giao thông.

- Nhà tạm cho người lao động: phải được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, an ninh trật tự, nước sạch và an toàn vệ sinh môi trường.

Điều 13. Đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công

NĐT, nhà thầu thi công phải tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra việc thực

hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công:

1. Tại cổng chính ra vào phải treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, nội quy về an toàn phải được tập huấn cho người lao động và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành nghiêm chỉnh; những vị trí nguy hiểm trên công trường như tầng cao, hố móng, hố ga phải có rào chắn, lan can bảo vệ, biển cảnh báo và hướng dẫn đề phòng tai nạn; ban đêm phải có đèn tín hiệu và đèn chiếu sáng.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên công trường phải đủ điều kiện hành nghề và phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm; được huấn luyện an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động; được khám sức khỏe và cấp phát đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định.

3. Phải có biện pháp che chắn công trường để đảm bảo an toàn, không gây cản trở giao thông, tránh phát tán bụi và tiếng ồn trong suốt quá trình thi công.

4. Trong quá trình thi công không được tự ý phá dỡ, di chuyển và làm hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật chung và cây xanh của CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa và của công trình khác. Trường hợp cần thiết phải phá dỡ, di chuyển đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật chung và cây xanh để phục vụ thi công, NĐT có văn bản báo cáo Chủ đầu tư CCN để được chấp thuận trước khi thực hiện.

Điều 14. Yêu cầu đối với máy móc và phương tiện thi công

- Trước khi tổ chức thi công Nhà thầu phải đăng ký các phương tiện vận chuyển, máy móc thường xuyên phục vụ thi công với Chủ đầu tư CCN: Số lượng, chủng loại, biên kiểm soát và tải trọng (đối với các phương tiện vận chuyển); thông tin về đơn vị quản lý thiết bị, máy móc và người vận hành; thời gian tham gia thi công (Mẫu đăng ký tại Phụ lục 05) và xuất trình sổ đăng kiểm hợp lệ của phương tiện, máy móc để được Chủ đầu tư CCN cấp Phiếu Lưu hành thường xuyên trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa (Phụ lục 06, Phụ lục 07). Thời gian cấp Phiếu lưu hành là 02 ngày. (Phương tiện vận chuyển lưu hành thường xuyên là những phương tiện có nhu cầu vận chuyển, lưu hành trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa trong thời gian từ 02 ngày trở lên).

- Đối với các phương tiện vận chuyển không lưu hành thường xuyên trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa, người điều khiển phương tiện phải đăng ký thông tin với Đơn vị bảo vệ của CĐT, khi đi qua các chốt kiểm soát phải xuất trình đăng ký, đăng kiểm phương tiện và một trong các loại giấy tờ tùy thân để bảo vệ tạm giữ và được cấp phiếu lưu hành tạm thời (Phụ lục 08). (Phương tiện vận chuyển không lưu hành thường

xuyên là những phương tiện có nhu cầu vận chuyển, lưu hành trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa trong thời gian 01 ngày).

- Các phương tiện vận chuyển quá khổ, quá tải so với quy định này cần thiết phải hoạt động trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa thì Nhà thầu thi công phải có giấy phép lưu hành của cơ quan chức năng và đăng ký với Chủ đầu tư CCN trước 03 ngày để Chủ đầu tư CCN xem xét cấp Phiếu lưu hành.

- Chỉ có các phương tiện, máy móc được Chủ đầu tư CCN cấp Phiếu lưu hành mới được tham gia thi công trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa. Phiếu lưu hành phải được dán góc dưới kính, bên phía ghế phụ của phương tiện, máy móc.

- Khi lưu thông trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa, các phương tiện vận chuyển phải tuân thủ giới hạn tải trọng trục xe, giới hạn tổng trọng lượng xe và chiều cao xếp hàng hóa trên phương tiện theo thông tư 12/2025/TT-BXD. Cơ bản như sau:

+ Giới hạn tổng trọng lượng xe:

- Đối với xe thân liền hai trục: < 10 tấn
- Đối với xe thân liền ba trục: < 24 tấn
- Đối với xe thân liền bốn trục: < 30 tấn
- Đối với xe thân liền năm trục: < 34 tấn
- Đối với xe đầu kéo, sơ mi rơ moóc ba trục: < 32 tấn
- Đối với xe đầu kéo, sơ mi rơ moóc bốn trục: < 34 tấn
- Đối với xe đầu kéo, sơ mi rơ moóc năm trục: < 42 tấn
- Đối với xe đầu kéo, sơ mi rơ moóc sáu trục: < 48 tấn.

+ Vận tốc tối đa là 40km/h.

+ Chiều cao xếp hàng hóa không quá 4,2m (tính từ điểm cao nhất của mặt đường). Đối với xe chuyên dùng và xe chở container chiều cao xếp hàng hóa không quá 4,35m.

+ Chiều rộng xếp hàng là chiều rộng của thùng xe.

+ Chiều dài xếp hàng hóa không được lớn hơn 1,1 lần chiều dài toàn bộ của xe theo thiết kế của nhà sản xuất và không quá 20m.

- Các phương tiện vận chuyển phải vận chuyển đúng tải trọng cho phép, đúng quy cách. Trường hợp chở hàng rời, vật liệu xây dựng như đất, đá, cát sỏi hoặc hàng hoá có tính chất tương tự: Chiều cao xếp hàng hoá không vượt quá thùng xe theo thiết kế của nhà sản

xuất hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phải có thùng xe kín khí, đảm bảo không gây rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển chỉ được phép hoạt động trong thời gian và tuyến đường theo quy định tại phiếu lưu hành đã cấp.

- Xe bánh xích tham gia giao thông trên đường phải thực hiện các biện pháp bắt buộc như lắp guốc xích, rải tấm đan, ghi thép, hoặc biện pháp khác để bảo vệ mặt đường bộ. Trường hợp không thực hiện các biện pháp bắt buộc nêu trên, xe bánh xích phải được chở trên các phương tiện vận tải khác.

Điều 15. An toàn về điện và cháy, nổ

- Nhà thầu phải có bộ phận chịu trách nhiệm về công tác phòng chống cháy, nổ tại công trường và tổ chức tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn về điện và phòng cháy chữa cháy cho toàn thể người lao động.

- Trên công trường phải bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy phải có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo phát hiện và ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Nội quy, biển hiệu lệnh phòng cháy chữa cháy, sơ đồ chỉ dẫn về phòng chống cháy nổ phải được phổ biến cho toàn bộ người lao động và phải niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và thực hiện.

- Khi có sự cố về cháy nổ, người có trách nhiệm của NĐT/ Nhà thầu cần kịp thời thông báo đến số điện thoại khẩn cấp 114 - Cơ quan phòng cháy chữa cháy Hưng Yên và Chủ đầu tư CCN (số điện thoại: 0393.100.008).

- Người lao động, máy và thiết bị thi công trên công trường phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng.

- Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài hoặc những công trình có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài thì các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ phải được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Nước ngoài.

- Nhà thầu thi công xây dựng, NĐT và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trên công trường. Khi có sự cố, Nhà thầu thi công và NĐT phải khẩn trương ứng phó và thông báo ngay cho cơ quan chức năng và Chủ đầu tư CCN (Số điện thoại: 0393.100.008).

Điều 16. Đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường trong quá trình thi công

NĐT và nhà thầu thi công phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường trong quá trình thi công:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện các các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm môi trường khu vực thi công.

2. Bố trí cán bộ phụ trách về các vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn lao động và an ninh trật tự.

3. Trên công trường phải bố trí hệ thống thoát nước thi công đảm bảo tiêu nước, triệt để, không để ngập úng trong quá trình thi công, bố trí khu vực để rửa xe, máy thi công. Không để vật liệu, phế thải xây dựng, dung dịch khoan, hoá chất... trôi vào hệ thống thoát nước chung CCN. Nước thải thi công trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải thu về hố ga, lắng đọng bùn đất, phế thải qua các ngăn lắng đọng.

4. Nhà thầu xây dựng phải tổ chức các bãi đổ vật tư, không được đổ tràn lan trên vỉa hè, phải bảo vệ vỉa hè tại khu vực xây dựng. Các loại đất, cát, xà bần phát sinh trong quá trình thi công không được vứt vương vãi ngoài ranh đất, phải được vận chuyển ngay đến nơi tập kết. Đảm bảo vệ sinh khu vực công trường.

5. Nhà thầu phải bố trí các nơi vệ sinh và rác tạm, nghiêm cấm phóng uế bừa bãi, vứt xả rác ra khu vực xung quanh. Mọi chất thải phát sinh trong quá trình thi công và sinh hoạt của người lao động đều phải được thu gom và xử lý theo quy định. Bố trí các khu vực tập kết rác thải, phế thải thuận tiện cho việc thu gom vận chuyển. Nhà thầu phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và phế thải xây dựng tới đúng nơi quy định. Thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Nhà thầu phải lựa chọn chọn thiết bị thi công thích hợp, đồng thời thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để không làm phát thải khói gây ô nhiễm và giảm độ ồn, rung. Tại các khu vực thi công phát sinh tiếng ồn, độ rung cần có biện pháp cách âm, giảm tiếng ồn như tường chắn, bao che để tránh ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của NĐT khác.

7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình thi công như che chắn, tưới nước. Phải che chắn toàn bộ chu vi công trình đang thi công, vật liệu che chắn không được chấp vá và làm mất mỹ quan, phải được thay thế ngay khi bị rách. Các phế thải xây dựng khi vận chuyển từ trên cao xuống phải được đóng vào bao đựng trong thùng hoặc vận chuyển xuống bằng đường ống bọc kín, cấm đổ phế thải xây dựng rơi tự do từ trên cao xuống.

8. Đối với các công trình thi công xây dựng tập trung, các phương tiện vận chuyển phải được rửa sạch trước khi ra khỏi công trường, đối với các công trình theo tuyến thì các phương tiện vận chuyển vật liệu trước khi ra khỏi công trường cần đảm bảo vệ sinh môi trường. Nếu để xảy ra hiện tượng mất vệ sinh trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa, NĐT và nhà thầu phải lập tức dọn rửa để hoàn trả lại hiện trường.

9. Hoàn trả lại mặt bằng: Ngay sau khi hoàn thành công trình, nhà thầu thu dọn mặt bằng bao gồm cả toàn bộ nhà tạm, nhà vệ sinh công trường, phế thải... sạch sẽ, san trả đủ cao độ những khu đất mà Nhà thầu thi công đã sử dụng, đồng thời khôi phục lại ngay những công trình công cộng do Nhà thầu thi công làm hư hỏng trong quá trình thi công, hoàn trả lại như nguyên trạng ban đầu.

Điều 17. Đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình thi công

NĐT, nhà thầu thi công phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xây dựng:

1. NĐT hoặc nhà thầu thi công phải có văn bản thông báo với Chủ đầu tư CCN về danh sách người lao động tham gia thi công tại công trường.

2. Người lao động tham gia thi công tại công trường phải đeo thẻ, trong thẻ phải có đầy đủ thông tin về người lao động, nhà thầu và dự án đang thi công do NĐT hoặc Nhà thầu cấp.

3. Đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương cho cán bộ, công nhân và người lao động ở lại công trường qua đêm.

4. Quản lý hoạt động của người lao động trong suốt thời gian thi công. Phối hợp với Chủ đầu tư CCN, công an, chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn xã hội tại khu vực thi công.

5. Trong suốt thời gian thi công, quanh khu vực công trường sẽ được rào lại với vật liệu thích hợp để ngăn ngừa kẻ lạ mặt đột nhập vào công trường. Nhà thầu chỉ được tiến hành thi công trong phạm vi công trình. NĐT và nhà thầu phải tự bảo quản tài sản và chịu trách nhiệm về an toàn của người lao động.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đất đai, đào bới, khai thác, vận chuyển đất đá trái phép trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

Điều 18. Quy định đầu nối các công trình tạm

Nhà thầu thi công được NĐT ủy quyền gửi công văn đề nghị đề nghị cung cấp và sử dụng dịch vụ hạ tầng như thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sạch, cấp điện và mở cống.

Nhà thầu thi công nộp bản vẽ thiết kế và biện pháp đấu nối tạm trong quá trình thi công. Bản vẽ bao gồm tổng mặt bằng khu vực dự án, bản vẽ khu vực đấu nối tạm và chi tiết các hạng mục đấu nối.

Sau khi kiểm tra hiện trường và được chấp thuận, hai bên ký hợp đồng cung cấp dịch vụ sử dụng hạ tầng.

1. Sử dụng nước tạm để thi công:

- Chủ đầu tư CCN sẽ giám sát thi công lắp đặt, đấu nối, kinh phí do Nhà thầu thi công chi trả.

- Chủ đầu tư CCN sẽ thu tiền sử dụng nước hàng tháng theo khối lượng nước sử dụng.

2. Sử dụng điện tạm để thi công:

- Chủ đầu tư CCN sẽ giám sát thi công - lắp đặt. Kinh phí do Nhà thầu thi công chi trả.

- Việc thi công hệ thống điện tạm phải đảm bảo mỹ quan chung và đặc biệt là an toàn trong quá trình vận hành.

- Cáp đấu nối cung cấp điện tạm phải sử dụng loại cáp treo, hoặc cáp ngầm có cách điện đảm bảo an toàn theo quy phạm hiện hành, không cho phép sử dụng cáp vặn xoắn ABC.

3. Đấu nối tạm thoát nước mưa, nước thải:

- Đối với thoát nước mưa tạm, hồ ga lắng cát, rác trước khi đấu nối.

- Đối với thoát nước thải tạm, Nhà thầu thi công phải xây dựng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đấu nối.

- Vị trí đấu nối tạm sẽ phải trùng với vị trí đấu nối chính khi nhà máy đi vào hoạt động.

Điều 19. Quy định về ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ

1. Để đảm bảo trách nhiệm khắc phục các sự cố liên quan tới hạ tầng, vệ sinh môi trường trong hoạt động xây dựng của các nhà thầu gây ra. Trước khi tham gia hoạt động xây dựng trong CCN, NĐT thuê đất (hoặc nhà thầu thi công được ủy quyền) phải nộp thư cam kết về việc thực hiện các quy định đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong suốt quá trình xây dựng (Phụ lục 03) gửi Chủ đầu tư CCN, đồng thời ký quỹ một khoản tiền cho Chủ đầu tư CCN. Thời điểm thực hiện ký quỹ trước khi nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng và sử dụng hạ tầng CCN và trong suốt thời gian tham gia

hoạt động xây dựng, duy tu trong CCN.

Số tiền ký quỹ sẽ được hoàn trả không tính lãi sau khi NĐT xây dựng xong và Chủ đầu tư CCN kiểm tra các công trình hạ tầng công cộng xung quanh và xác nhận các công trình hạ tầng CCN không bị hư hỏng.

2. Trong quá trình thi công, nếu nhà thầu vi phạm các quy định hoặc gây sự cố hư hỏng thì trên cơ sở kiểm tra thực tế vi phạm, Chủ đầu tư CCN sẽ lập biên bản xử phạt theo quy định. NĐT (hoặc nhà thầu thi công) vi phạm ngoài việc phải khắc phục hậu quả theo đúng thời gian và biện pháp cam kết sẽ bị phạt khoản tiền tương ứng với hành vi vi phạm quy định trong mục 3 điều này, số tiền phạt sẽ bị trừ từ khoản tiền ký quỹ của NĐT (hoặc nhà thầu thi công)

Sau khi khắc phục sự cố, NĐT (hoặc nhà thầu thi công) sẽ phải ký quỹ tiếp bằng số tiền ký quỹ ban đầu trong trường hợp tiếp tục thi công công trình.

Trường hợp nhà thầu không khắc phục hư hỏng như đã cam kết, Chủ đầu tư CCN sẽ tự thực hiện, kinh phí thực hiện sẽ được trích từ khoản tiền ký quỹ của NĐT (hoặc nhà thầu thi công). Nếu chi phí khắc phục vượt quá mức tiền ký quỹ thì NĐT (hoặc nhà thầu thi công) phải hoàn trả bổ sung chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo.

Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, số tiền ký quỹ không đủ thực hiện đền bù cho thiệt hại do các phương tiện trong quá trình thi công xảy ra thì các bên liên quan phối hợp với cơ quan chức năng để có biện pháp khắc phục sự cố, trên nguyên tắc nhà thầu có trách nhiệm khắc phục tất cả các sự cố ảnh hưởng đến hạ tầng và môi trường CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

3. Các hành vi vi phạm quy định và mức xử phạt:

- NĐT trong quá trình thi công xây dựng phải có cầu rửa xe, trước khi ra khỏi công trường thi công xe phải được rửa sạch sẽ. Nếu NĐT để bùn, cát, vật liệu xây dựng vương vãi ra đường, vỉa hè của CCN gây mất vệ sinh chung sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt 15.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- NĐT trong quá trình thi công xây dựng phải có bãi tập kết rác thải sinh hoạt, rác thải xây dựng bên trong công trường đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường chung của CCN. Nếu để công nhân ăn uống, vứt các vỏ hộp, thức ăn thừa, chai nước ra ngoài dải đất trồng cây, vỉa hè, đường CCN sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt 10.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- NĐT tự ý tháo dỡ vỉa hè, đục hố ga CCN sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt 20.000.000 VNĐ.

- NĐT tự ý đánh chuyển cây xanh, làm hư hại cây xanh sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt từ 5.000.000 VNĐ đến 10.000.000 VNĐ.

- NĐT thi công làm hỏng đường ống cấp nước, thoát nước, hạ tầng của CCN ngoài việc khắc phục hậu quả đã gây ra còn phải thanh toán tiền nước sạch thất thoát và chịu mức phạt từ 10.000.000 VNĐ đến 30.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- NĐT thi công tự ý khoan giếng ngoài việc phải trám lấp theo đúng quy định của STNMT còn phải chịu mức phạt từ 10.000.000 VNĐ đến 20.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- NĐT thi công để nước thải chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước mưa, ra môi trường sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt từ 15.000.000 VNĐ đến 20.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- NĐT thi công để nước mưa, nước tồn đọng trong quá trình thi công chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước thải CCN sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt từ 20.000.000 VNĐ đến 30.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm. Đồng thời phải hút vệ sinh sạch cát, rác đã chảy vào hệ thống thoát nước thải.

- NĐT thi công để nước mưa, nước tồn đọng trong quá trình thi công chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước mưa CCN mà không có biện pháp lắng cát, chắn rác sẽ bị lập biên bản và chịu mức phạt từ 10.000.000 VNĐ đến 20.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.

- Đối với các hành vi vi phạm khác ngoài phạm vi quy định tại Quy chế này, áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Chủ đầu tư CCN

1. Chủ đầu tư CCN có trách nhiệm:

- Đảm bảo xây dựng kết cấu hạ tầng đúng theo qui hoạch và đảm bảo chất lượng.
- Cắm mốc ranh giới giao đất, nghiệm thu và kiểm tra ranh giới đất khi hoàn thành công việc xây dựng và xây tường rào.
- Quản lý trật tự xây dựng trong Cụm công nghiệp theo quy chế quản lý xây dựng CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.
- Đình chỉ tạm thời việc xây dựng trái phép và báo cáo mọi trường hợp vi phạm về cơ quan quản lý để xử lý theo qui định của pháp luật.
- Kiểm tra thường xuyên quá trình xây dựng trong Cụm công nghiệp. Nếu phát hiện

sai phạm, phải lập biên bản tại hiện trường và buộc NĐT tạm ngưng thi công chờ xử lý của cấp có thẩm quyền.

- Chủ đầu tư CCN sẽ đến hiện trường xem xét các công tác hoàn trả mặt bằng lân cận trước khi nhà máy đi vào hoạt động.

- Trong quá trình thực hiện bản quy định này, căn cứ vào nhu cầu cụ thể, Chủ đầu tư CCN sẽ bổ sung các điều khoản cho phù hợp.

2. Chủ đầu tư CCN giao cho các phòng ban chuyên môn thực hiện quy định này. Cụ thể:

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định này.

- Tiếp nhận và xử lý các thông tin theo thẩm quyền.

- Cấp phiếu lưu hành thường xuyên cho phương tiện vận chuyển, máy móc thi công trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

- Thực hiện thu tiền ký quỹ, phí sử dụng hạ tầng và vệ sinh môi trường, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với tất cả các phương tiện, máy móc tham gia thi công tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

- Xây dựng bảng giá phí sử dụng hạ tầng và vệ sinh môi trường trên cơ sở bảng giá phí do UBND tỉnh Hưng Yên ban hành, đồng thời sửa đổi, cập nhật bảng giá phí khi có sự thay đổi.

- Lập các chốt kiểm tra tại các điểm kết nối giao thông để cấp phiếu lưu hành tạm thời và hướng dẫn kiểm tra việc tuân thủ quy định.

- Tổ chức tuần tra, kiểm tra, phát hiện, tạm giữ hiện trường và lập biên bản hiện trường khi xảy ra các vi phạm trong hoạt động thi công xây dựng, có sự chứng kiến của các bên liên quan. Thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các phát hiện về vi phạm trong quá trình thi công xây dựng, số điện thoại: 0393.100.008

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra và xử lý các vi phạm xảy ra.

Điều 21. Trách nhiệm của NĐT

1. Tổ chức xây dựng công trình trong 06 tháng và chậm nhất không quá 12 tháng sau khi được giao đất. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì mà NĐT không hoặc chậm thực hiện triển khai việc xây dựng các hạng mục nhà xưởng, khu vực sản xuất hoặc các công trình tương tự để thực hiện dự án mặc dù đã được Chủ đầu tư CCN kiểm tra, đơn đốc yêu cầu thực hiện bằng văn bản nhưng NĐT không khắc phục thì Chủ đầu tư CCN có quyền: (i)

Báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc thu hồi đối với diện tích đất vi phạm của NĐT thứ cấp; (ii) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng thuê lại đất và (iii) Có quyền cho bên thứ ba bất kỳ thuê lại diện tích đã bị thu hồi nêu trên của NĐT vi phạm. Kể từ thời điểm này, NĐT không còn bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến lô đất đã thuê lại. Theo đó, Chủ đầu tư CCN không có trách nhiệm phải hoàn trả lại bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ NĐT trước đó.

2. Thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế này. Chịu trách nhiệm toàn diện về các hoạt động đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công dự án.

3. Theo dõi quá trình thi công công trình xây dựng của mình. Tổ chức bộ phận để phối hợp và thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này đối với nhà thầu thi công, tư vấn giám sát.

4. Cùng với Nhà thầu thi công ký Cam kết với Chủ đầu tư CCN thực hiện các quy định của pháp luật và của Chủ đầu tư CCN về việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công xây dựng.

5. Phổ biến quy định này tới các đơn vị tham gia thiết kế, giám sát, thi công xây dựng công trình trong CCN.

6. Thực hiện các quy định khác của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

Điều 22. Trách nhiệm của Nhà thầu thi công

1. Thực hiện nghiêm các quy định của Chủ đầu tư CCN và các quy định khác có liên quan để đảm bảo tuyệt đối việc giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn lao động và an ninh trật tự trong quá trình thi công tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

2. Cùng với NĐT ký Cam kết với Chủ đầu tư CCN thực hiện các quy định của pháp luật và của Chủ đầu tư CCN việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công xây dựng.

3. Tổ chức bộ phận chuyên trách để đảm nhiệm việc tổ chức, kiểm tra giám sát việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công.

4. Đảm bảo thông tin liên lạc 24/24h với NĐT và Chủ đầu tư CCN để thông tin kịp thời các vấn đề phát sinh.

5. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, báo cáo về việc thực hiện quy định này.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề phát sinh và phải khẩn trương khắc phục hậu quả.

7. Thực hiện các quy định khác của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

Điều 23: Hiệu lực thi hành

Bản Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết định ban hành.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HƯNG YÊN**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Lực

**PHỤ LỤC 01: BẢNG TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI CHO PHÉP XẢ VÀO
HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI CCN ĐẶNG LỄ, CCN KIM ĐỘNG, CCN CHÍNH NGHĨA**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị nước thải đầu vào	Ghi chú
1	Nhiệt độ (*)	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40	
2	Màu (*)	Pt/Co	≤ 150	
3	pH (*)	-	5,5 - 9	
4	BOD5 (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	≤ 50	
5	COD	mg/l	≤ 150	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 100	
7	Asen	mg/l	$\leq 0,05$	
8	Thủy Ngân	mg/l	$\leq 0,005$	
9	Chi	mg/l	$\leq 0,1$	
10	Cadimi	mg/l	$\leq 0,05$	
11	Crom (VI)	mg/l	$\leq 0,05$	
12	Crom (III)	mg/l	$\leq 0,2$	
13	Đồng	mg/l	≤ 2	
14	Kẽm	mg/l	≤ 3	
15	Niken	mg/l	$\leq 0,2$	
16	Mangan	mg/l	≤ 1	
17	Sắt	mg/l	≤ 5	
18	Tổng Xianua	mg/l	$\leq 0,07$	
19	Tổng Phenol	mg/l	$\leq 0,1$	
20	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5	
21	Sunfua	mg/l	$\leq 0,2$	
22	Florua	mg/l	≤ 5	
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10	
24	Tổng Nito	mg/l	≤ 40	
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	≤ 6	
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	≤ 450	
27	Clo dư	mg/l	≤ 2	
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	$\leq 0,05$	
29	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	$\leq 0,3$	
30	Tổng PCB	mg/l	$\leq 0,003$	
31	Coliform (*)	MPN/100ml	≤ 5.000	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	$\leq 0,1$	
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	≤ 1	

**PHỤ LỤC 02: VĂN BẢN THÔNG BÁO KHỞI CÔNG
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số:

THÔNG BÁO KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên

- Người chịu trách nhiệm:

- Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:

Thông báo khởi công công trình:

Tên: Địa điểm:

- Giấy phép xây dựng số:

Hoặc:

- Văn bản thẩm định thiết kế bản vẽ thi công số:...

- hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt.

Tổ chức thi công:

- Tên đơn vị thi công 1 : Địa chỉ: Điện thoại

Người chịu trách nhiệm:.....Điện thoại:

- Tên đơn vị thi công 2 : Địa chỉ: Điện thoại

Người chịu trách nhiệm:.....Điện thoại:

- Thông tin về Ban chỉ huy công trường:

+ Chỉ huy trưởng:.....Điện thoại:

+ Thông tin đường dây nóng liên hệ 24/24h:

Tổ chức giám sát:

- Tên đơn vị:..... Tên người chịu trách nhiệm chính:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:

Ngày khởi công..... Ngày dự kiến hoàn thành:

NĐT cam kết thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng theo các quy định của pháp luật và quy định của Chủ đầu tư CCN.

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**PHỤ LỤC 03: BẢN CAM KẾT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ, AN TOÀN,
VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- oOo -----

BẢN CAM KẾT

*Về việc giữ gìn trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công
xây dựng tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên

Hôm nay ngày: Tại, Chúng tôi gồm:

I. NĐT: (Tên đơn vị)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người chịu trách nhiệm liên hệ:

Chúng tôi đã ký hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu xây dựng sau:

II. NHÀ THẦU THI CÔNG

1) Nhà thầu 1: (Tên đơn vị)

Địa chỉ: Điện thoại

Chỉ huy công trường: Điện thoại

Hạng mục thi công:

Tên và điện thoại của người chịu trách nhiệm liên hệ 24/24h:

2) Nhà thầu 2

3) Nhà thầu 3

NĐT và Nhà thầu thi công cam kết:

Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường trong hoạt động thi công tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa ban hành kèm theo Quyết định số ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên và các quy định khác của pháp luật;

Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư CCN, các lực lượng chức năng liên quan để phòng ngừa, phát hiện và giải quyết các vi phạm trong quá trình thi công tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

Chúng tôi xin đóng trước ký quỹ với số tiền.....VNĐ trước khi bắt

đầu thi công, số tiền ký quỹ này sẽ được hoàn trả lại sau khi hoàn thành công trình của chúng tôi. Tiền ký quỹ sẽ được hoàn trả lại không tính lãi suất sau khi đã được CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa kiểm tra xác nhận lại các khu vực quanh công trình mà nhà thầu đã hoàn thành thi công.

Trong quá trình thi công, chấp hành sự kiểm tra của Chủ đầu tư CCN về việc tuân thủ các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường tại công trường cũng như đối với các phương tiện vận chuyển lưu thông trong CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa.

Trong trường hợp xảy ra vi phạm, chấp hành việc lập biên bản tạm ngừng, quyết định đình chỉ thi công hoặc tạm giữ phương tiện của Chủ đầu tư CCN. Bồi hoàn kinh phí, khắc phục hậu quả do đơn vị gây ra.

Đại diện NĐT

Đại diện thầu thi công

PHỤ LỤC 04: BIỂN BÁO CÔNG TRƯỜNG

BIỂN BÁO CÔNG TRÌNH

- 1) Tên công trình:
- 2) Địa điểm:
- 3) Thông tin chính:
 - Chủ đầu tư xây dựng công trình:
 - Tổng vốn đầu tư:
 - Ngày khởi công: Ngày dự kiến hoàn thành:
- 4) Tên đơn vị thi công, tên người chỉ huy trưởng công trình:
- 5) Tên đơn vị thiết kế, tên chủ nhiệm thiết kế:
- 6) Tên tổ chức hoặc người giám sát thi công xây dựng công trình (địa chỉ liên lạc và số điện thoại):
- 7) Phối cảnh công trình:

Ghi chú:

- NĐT, chỉ huy trưởng công trường, chủ nhiệm thiết kế, tổ chức hoặc người giám sát thi công xây dựng công trình ngoài việc ghi rõ tên, chức danh còn phải ghi địa chỉ liên lạc, số điện thoại.
- Biển báo công trường phải có kích thước tối thiểu 2x2(m).

**PHỤ LỤC 05: MẪU ĐĂNG KÝ CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN,
MÁY MÓC THƯỜNG XUYÊN PHỤC VỤ THI CÔNG**

TÊN NHÀ THẦU THI CÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:

Công trình:.....

Tên NĐT:.....

Đăng ký các phương tiện, máy móc tham gia thi công tại CCN Kim Động, CCN Đặng Lễ, CCN Chính Nghĩa:

1) Đối với các phương tiện vận chuyển:

TT	Biển kiểm soát	Loại xe	Thông số kỹ thuật chính, tải trọng	Đơn vị quản lý (Tên, địa chỉ, điện thoại)	Khung giờ tham gia lưu thông	Thời hạn tham gia lưu thông

2) Đối với các phương tiện máy móc:

TT	Tên phương tiện	Thông số kỹ thuật chính	Đơn vị quản lý (Tên, địa chỉ, điện thoại)	Thời hạn tham gia thi công

NĐT và nhà thầu thi công xây dựng cam kết thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng theo các quy định của pháp luật và quy định của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên.

Trong trường hợp các phương tiện gây ra vi phạm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên sẽ có các biện pháp lập biên bản, tạm giữ phương tiện, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục.

NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

(Ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC 06: CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VÀ MỨC XỬ PHẠT

Hành vi vi phạm	Biện pháp khắc phục	Mức phạt/1 lần vi phạm (Triệu VNĐ)
Đổ bùn, cát, vật liệu xây dựng vương vãi ra đường, vỉa hè của CCN gây mất vệ sinh chung		15
Đổ công nhân ăn uống, vứt các vỏ hộp, thức ăn thừa, chai nước ra ngoài dải đất trồng cây, vỉa hè, đường CCN		10
Tự ý tháo dỡ vỉa hè, đục hố ga		20
Tự ý đánh chuyển cây xanh, làm hư hại cây xanh		5 đến 10
Làm hỏng đường ống cấp nước, thoát nước, hạ tầng của CCN	Thanh toán tiền nước sạch thất thoát	10 đến 30
Tự ý khoan giếng	Phải tráng lấp theo đúng quy định của STNMT	10 đến 20
Đổ nước thải chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước mưa, ra môi trường	Hút, vệ sinh sạch khu vực đã bị nước thải chảy ra, đồng thời chuyển đi xử lý theo quy định	15 đến 20
Thi công đổ nước mưa, nước tồn đọng trong quá trình thi công chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước thải CCN	Hút, vệ sinh sạch cát, rác đã chảy vào hệ thống thoát nước thải. Thanh toán phí xử lý nước đã bơm vào hệ thống.	20 đến 30
Đổ nước mưa, nước tồn đọng trong quá trình thi công chảy hoặc bơm ra hệ thống thoát nước mưa CCN mà không có biện pháp lắng cát, chắn rác		10 đến 20



GHI CHÚ - NOTES

- Bản vẽ này được đọc cùng với tất cả các bản vẽ liên quan khác.
- Không đo kích thước từ bản vẽ.
- Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu thi công.
- Bảo vệ ngay lập tức với mức độ thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
- Bản quyền thuộc về công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÓM YANGLI

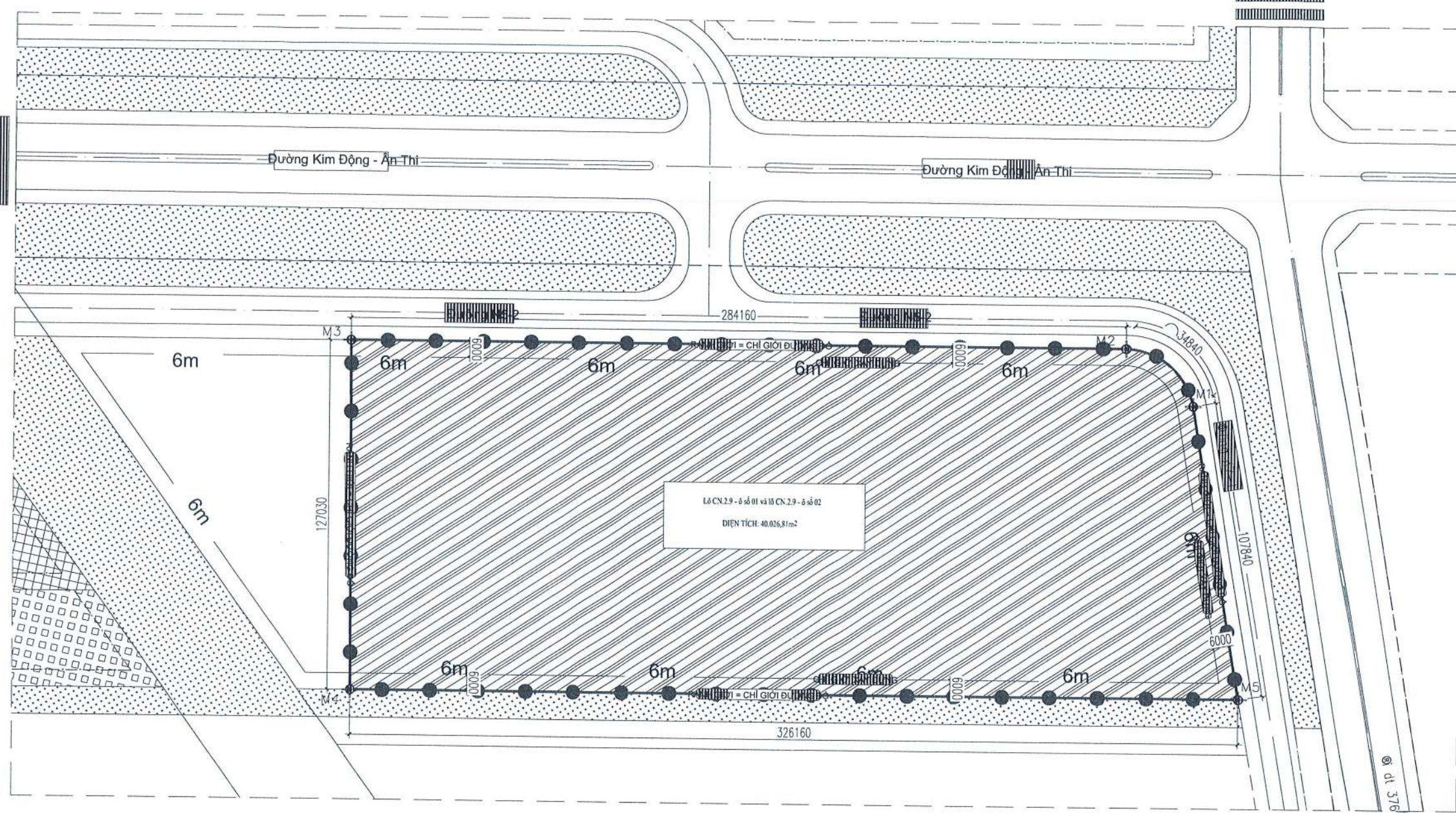
Dựa trên xây dựng dự án: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đặng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên)

design: **VINA CON**
CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINA CON VIỆT NAM
VINA CON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TỔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (+84-4-04) 3999 8968 - FAX: (+84-4-04) 3999 8968 - HOTLINE: 094 873388 - 0912 076458
EMAIL: VINA CON VIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINA CON PRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR: * KSKT. PHẠM VĂN QUANG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER: * KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG	
CHỦ TRÌ / CHIEF DESIGNER: * KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER: * KTS. VÕ ĐÌNH HOÀNG	
Q.L.KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER: * KTS. NGUYỄN CÔNG SANG	

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

GIÁI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN	THIẾT KẾ CƠ SỞ
NGÀY - DATE	2025
TỈ LỆ SCALE:	
MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ HIỆU - DRAWING NO TT-01



MẶT BẰNG VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

GHI CHÚ

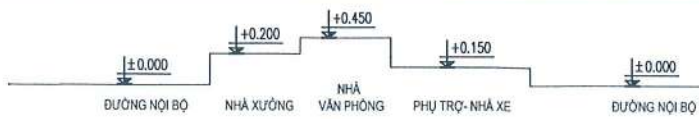


Vị trí: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đặng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 40.026,81M2
Được giới hạn bởi các mốc: m1, m2, m3, m4, m5 và mốc m1
TỌA ĐỘ CÁC CỘT MỐC GIỚI
(Theo hệ tọa độ VN2000)

ĐIỂM MỐC	ĐIỂM MỐC		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	y (m)	
M1	2297562.72	560655.29	~34,840
M2	2297577.79	560626.69	284,160
M3	2297518.90	560348.70	127,030
M4	2297394.756	560375.642	326,160
m5	2297462.351	560694.716	107,840
M1	2297562.722	560655.290	

KÝ HIỆU

	Ranh giới lô đất
	Khoảng lùi chỉ giới xây dựng
	Tìm đường giao thông
	Mốc chỉ giới
	Hoa gió



MẶT CẮT CAO ĐỘ CÔNG TRÌNH



- GHI CHÚ - NOTES**
- Bản vẽ này được đọc cùng với các bản vẽ liên quan khác.
 - Không đo kích thước từ bản vẽ.
 - Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu sản xuất hoặc thi công.
 - Bảo cáo ngay lập tức với đơn vị thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
 - Bản quyền thuộc về công ty có phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

Địa điểm xây dựng dự án: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đĩnh Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên)

design:
VINA CON
CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINA CON VIỆT NAM
VINA CON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (84-4) 3999 3968 - FAX: (84-4) 3999 8968 - HOTLINE: 0904 873388 - 0912 076498
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPROJ.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
• KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỨC NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:
• KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

CHỦ TRÌ / CHIEF DESIGNER:
• KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:
• KTS. VÕ ĐÌNH HOÀNG

Q.L. KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:
• KTS. NGUYỄN CÔNG SANG

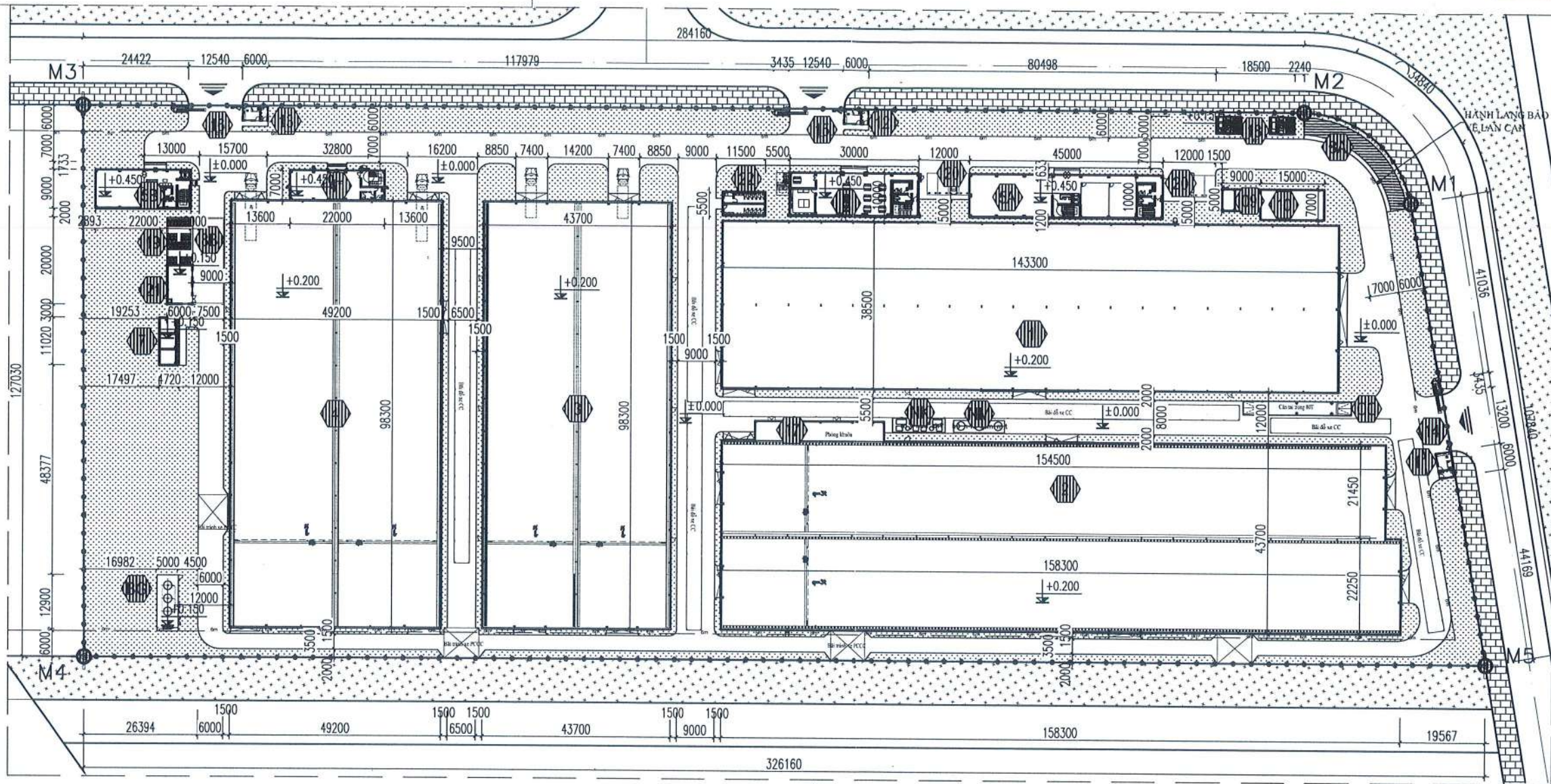
HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ
PHASE OF DESIGN

NGÀY - DATE: 2025

TỈ LỆ / SCALE:
MÃ DỰ ÁN
PROJECT CODE

SỐ HIỆU - DRAWING NO
TT-02



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1

GHI CHÚ:



Vị trí: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đĩnh Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 40.026,81M2

Được giới hạn bởi các mốc: m1, m2, m3, m4, m5 và mốc m1

TỌA ĐỘ CÁC CỘT MỐC GIỚI

(Theo hệ tọa độ VN2000)

ĐIỂM MỐC	ĐIỂM MỐC		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	y (m)	
M1	2297562.72	560655.29	34,840
M2	2297577.79	560626.69	284,160
M3	2297518.90	560348.70	127,030
M4	2297394.756	560375.642	326,160
m5	2297462.351	560694.716	107,840
M1	2297562.722	560655.290	

KÝ HIỆU

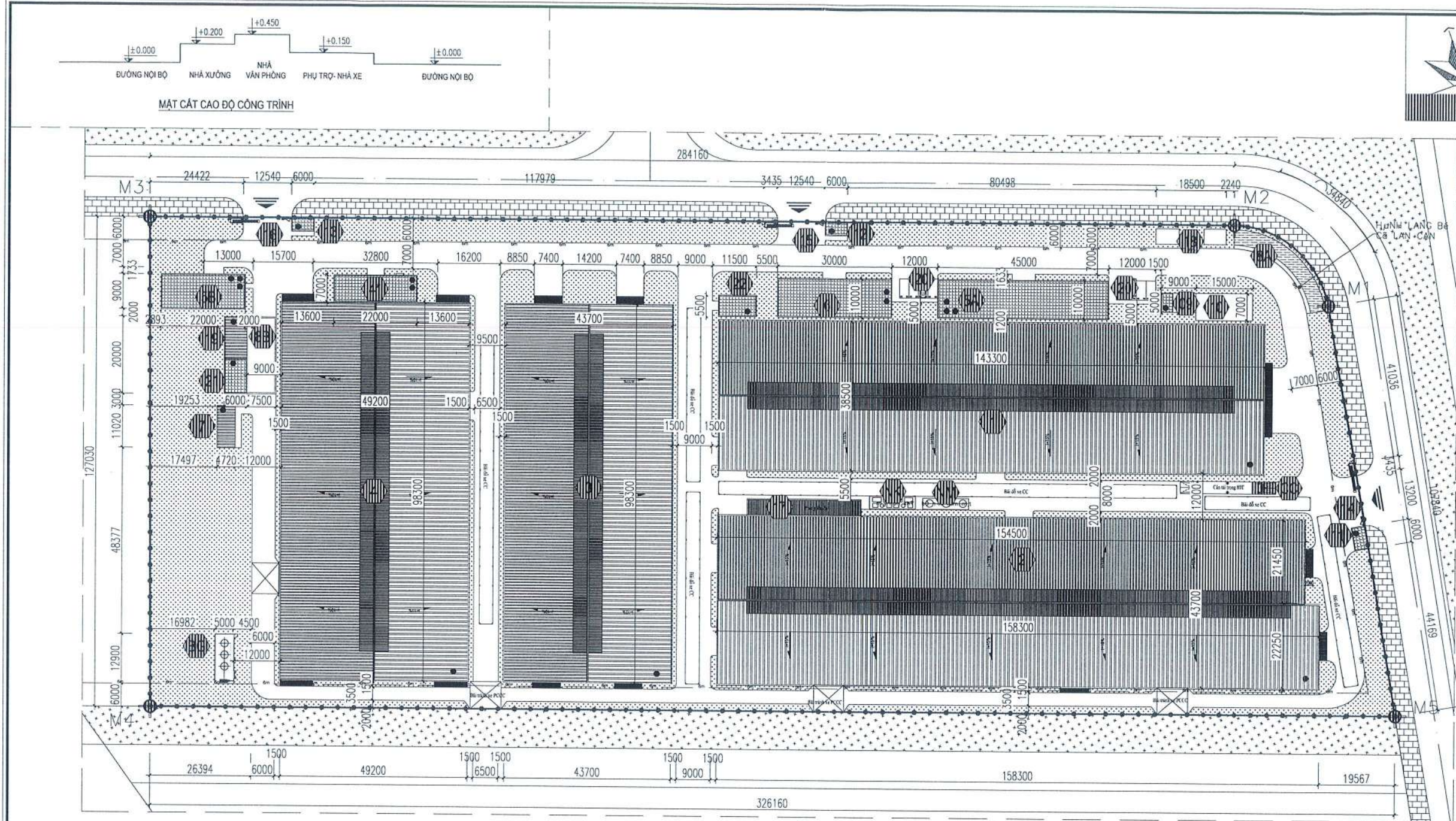
	RAH GIỚI LỘ ĐẤT
	khoảng lùi/chỉ giới xây dựng
	điểm tăng cao
	tìm đường giao thông
	cây xanh, thảm cỏ

KÝ HIỆU

	M4	Mốc chỉ giới
		Cổng ra vào
		Nhà xưởng sản xuất
		Nhà xưởng sản xuất 01
		Nhà xưởng sản xuất 02
		Nhà xưởng cho thuê
		Văn phòng cho thuê
		Nhà văn phòng làm việc nhà máy
		Nhà văn phòng làm việc chuyên gia
		Nhà ăn ca
		Nhà chứa rác
		Hồ nước - Tiểu cảnh
		Trạm xử lý sinh hoạt + bể xử lý sinh hoạt (bể ngầm)
		Bể xử lý sản xuất (bể ngầm)
		Nhà bảo vệ 01
		Nhà bảo vệ 02
		Nhà bảo vệ 03
		Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty
		Cổng vào 02, tường rào
		Cổng vào 03, tường rào
		Nhà kho
		Trạm điện kỹ thuật
		Nhà để xe máy
		Bãi đỗ ô tô
		Nhà trạm bơm
		Nhà vệ sinh công nhân
		Bể sinh hoạt + PCCC (Bể ngầm nằm bên dưới nhà để xe và nhà bơm)
		Khu đất bán cần
		Cần trọng tải 80 tấn
		Khu đất nước làm mát
		Khu đất máy nén khí

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CẠC (Tầng)	HỆ SỐ SỐ ĐẤT (Lần)	TỶ LỆ MẶT ĐỘ (%)	BÁC CHỤY LƯA	CẤP NGUY HIỂM CHÁY	HẠNG GIAN PHÒNG	CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH (m)	CHIỀU CAO PCCC (m)
1	1	Nhà xưởng sơn	5517,05	5517,05	1	0,14	13,78	IV	S0	D	12,1	1,9
2	2	Nhà xưởng đúc ép 01	6836,20	6836,20	1	0,17	17,08	IV	S0	D	12,5	1,9
3	3	Nhà xưởng đúc ép 02	4295,71	4295,71	1	0,11	10,73	IV	S0	D	12,5	1,9
4	4	Nhà xưởng cho thuê	4836,36	4836,36	1	0,12	12,08	IV	S0	C	13	1,9
5	4*	Văn phòng cho thuê	154,00	308,00	2	0,01	0,38	II	S0		9,65	5,55
6	5A	Nhà văn phòng làm việc nhà máy	450,00	1350,00	3	0,03	1,12	II	S0		14,85	9,15
7	5B	Nhà văn phòng làm việc chuyên gia	198,00	594,00	3	0,01	0,49	II	S0		14,85	9,15
8	6	Nhà ăn ca	300,00	600,00	2	0,01	0,75	II	S0		11,25	5,55
9	7	Nhà chứa rác	46,50	46,50	1	0,00	0,12	IV	S0		3,12	
10	8A	Hồ nước - Tiểu cảnh	119,80				0,30					
11	8B	Bể Sh+ Pccc (bể ngầm, 270 m2 nằm dưới nhà bơm, nhà để xe máy)										
12	9	Trạm xử lý nước thải nằm trên bể XLNT + bể XLNTsinh hoạt (bể ngầm, 45 m2)	15,00	15,00	1	0,00	0,04	II	S0		3,4	
13	10	Bể XLNT sản xuất (bể ngầm, 105 m2)										
14	11	Nhà bảo vệ 01	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
15	12	Nhà bảo vệ 02	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
16	13	Nhà bảo vệ 03	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
17	14	Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty										
18	15	Cổng vào 02, tường rào										
19	16	Cổng vào 03, tường rào										
20	17	Nhà kho	136,17	136,17	1	0,00	0,34					
21	18	Trạm điện kỹ ốt										
22	19	Nhà để xe máy nằm trên bể Pccc	65,30	65,30	1		0,16	IV	S0		3	
23	20	Bãi đỗ xe ô tô										
24	21	Nhà bơm nằm trên bể Pccc	54,65	54,65	1		0,14	II	S0		3,4	
25	22	Nhà vệ sinh công cộng	55,00	55,00	1	0,00	0,14	II	S0		3,4	
26	BG	Khu đất bán cần	65,00	65,00								
27	CC	Cần trọng tải 80T	80,64	80,64								
28	NM	Khu bể nước làm mát	36,00	36,00								
29	NK	Khu đất máy nén khí	40,80	40,80								
I		Tổng diện tích xây dựng	23365,5				58,37					
II		Diện tích sân đường giao thông nội bộ	8851,27				21,61					
III		Diện tích cây xanh, cảnh quan	8010,00				20,01					
IV		Tổng diện tích khu đất	40026,81				100,00					
V		Tổng diện tích sân		24995,7								
VI		Mặt độ xây dựng					58,37					
VII		Hệ số sử dụng đất				0,62						



GHI CHÚ - NOTES

- Bản vẽ này được đọc cùng với tất cả các bản vẽ liên quan khác.
- Không đo kích thước từ bản vẽ.
- Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu thi công.
- Bảo đảm ngay lập tức với đơn vị thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
- Bản quyền thuộc về công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÓM YANGLI

Địa điểm xây dựng dự án: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đồng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên)

design: **VINA CON**
CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINA CON VIỆT NAM
VINA CON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (+84-4) 3999 9968 - FAX: (+84-4) 3999 0968 - HOTLINE: 0904 873388 - 0912 076496
EMAIL: VINA CON VIE T NAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINA CON PRO VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
* KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:
* KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

CHỦ TRÌ / CHIEF DESIGNER:
* KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:
* KTS. VÕ BÌNH HOÀNG

Q.L KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:
* KTS. NGUYỄN CÔNG SANG

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ Mái

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ
PHASE OF DESIGN
NGÀY - DATE
2025
TỈ LỆ / SCALE:
MÃ DỰ ÁN
PROJECT CODE
THIẾT KẾ CƠ SỞ
SỐ HIỆU - DRAWING NO
TT-03

GHI CHÚ:

Vị trí: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đồng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 40.026,81M²

Được giới hạn bởi các mốc: m1, m2, m3, m4, m5 và mốc m1

TỌA ĐỘ CÁC CỘT MỐC GIỚI
(Theo hệ tọa độ VN2000)

ĐIỂM MỐC	ĐIỂM MỐC	KHOẢNG CÁCH	
	X (m)	Y (m)	(m)
M1	2297562.72	560655.29	~34,840
M2	2297577.79	560626.69	284,160
M3	2297518.90	560348.70	127,030
M4	2297394.756	560375.642	326,160
M5	2297462.351	560694.716	107,840
M1	2297562.722	560655.290	

KÝ HIỆU

— RANH GIỚI LỘ ĐẤT

— khoảng lùi/chỉ giới xây dựng

• • • điểm tăng cao

— tìm đường giao thông

— cây xanh, thảm cỏ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ Mái

KÝ HIỆU

M4

• Mốc chỉ giới

• Cổng ra vào

• Nhà xưởng sản xuất

• Nhà xưởng sản xuất 01

• Nhà xưởng sản xuất 02

• Văn phòng cho thuê

• Nhà văn phòng làm việc nhà máy

• Nhà văn phòng làm việc chuyên gia

• Nhà ăn ca

• Nhà chứa rác

• Hồ nước - Tiểu cảnh

• Trạm xử lý sinh hoạt - bể xử lý sinh hoạt (bể ngầm)

• Bể xử lý sản xuất (bể ngầm)

• Nhà bảo vệ 01

• Nhà bảo vệ 02

• Nhà bảo vệ 03

• Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty

• Cổng vào 02, tường rào

• Cổng vào 03, tường rào

• Nhà kho

• Trạm điện kỹ thuật

• Nhà để xe máy

• Bãi đỗ ô tô

• Nhà trạm bơm

• Nhà vệ sinh công nhân

• Bể sinh hoạt + PCCC (Bể ngầm nằm bên dưới nhà để xe và nhà bơm)

• Khu đất bán cần

• Cản trọng tải 80 tấn

• Khu bể nước làm mát

• Khu đất máy nén khí

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH												
STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	DIỆN TÍCH (m2)	TẦNG CẠCH (Tầng)	HỆ SỐ SD ĐẤT (Lần)	TỶ LỆ MẶT ĐỘ (%)	BẠC CHỊU LỬA	CẤP NGUY HIỂM CHÁY	HẠNG GIAN PHÒNG	CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH (m)	CHIỀU CAO PCCC (m)
1	1	Nhà xưởng sơn	5517,05	5517,05	1	0,14	13,78	IV	S0	D	12,1	1,9
2	2	Nhà xưởng đúc ép 01	6836,20	6836,20	1	0,17	17,08	IV	S0	D	12,5	1,9
3	3	Nhà xưởng đúc ép 02	4295,71	4295,71	1	0,11	10,73	IV	S0	D	12,5	1,9
4	4	Nhà xưởng cho thuê	4836,36	4836,36	1	0,12	12,08	IV	S0	C	13	1,9
5	4*	Văn phòng cho thuê	154,00	308,00	2	0,01	0,38	II	S0		9,65	5,55
6	5A	Nhà văn phòng làm việc nhà máy	450,00	1350,00	3	0,03	1,12	II	S0		14,85	9,15
7	5B	Nhà văn phòng làm việc chuyên gia	198,00	594,00	3	0,01	0,49	II	S0		14,85	9,15
8	6	Nhà ăn ca	300,00	600,00	2	0,01	0,75	II	S0		11,25	5,55
9	7	Nhà chứa rác	46,50	46,50	1	0,00	0,12	IV	S0		3,12	
10	8A	Hồ nước - tiểu cảnh	119,80				0,30					
11	8B	Bể Sh+ Pccc (bể ngầm, 270 m2 nằm dưới nhà bơm, nhà để xe máy)										
12	9	Trạm xử lý nước thải nằm trên bể XLNT + bể XLNT sinh hoạt (bể ngầm, 45 m2)	15,00	15,00	1	0,00	0,04	II	S0		3,4	
13	10	Bể XLNT sản xuất (bể ngầm, 105 m2)										
14	11	Nhà bảo vệ 01	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
15	12	Nhà bảo vệ 02	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
16	13	Nhà bảo vệ 03	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
17	14	Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty										
18	15	Cổng vào 02, tường rào										
19	16	Cổng vào 03, tường rào										
20	17	Nhà khuôn	136,17	136,17	1	0,00	0,34					
21	18	Trạm điện kỹ thuật										
22	19	Nhà để xe máy nằm trên bể Pccc	65,30	65,30	1		0,16	IV	S0		3	
23	20	Bãi để xe ô tô										
24	21	Nhà bơm nằm trên bể Pccc	54,65	54,65	1		0,14	II	S0		3,4	
25	22	Nhà vệ sinh công cộng	55,00	55,00	1	0,00	0,14	II	S0		3,4	
26	BG	Khu đất bồn ga	65,00	65,00								
27	CC	Cản trọng tải 80T	80,64	80,64								
28	NM	Khu bể nước làm mát	36,00	36,00								
29	NK	Khu đất máy nén khí	40,80	40,80								
I		Tổng diện tích xây dựng	23365,5				58,37					
II		Diện tích sân đường giao thông nội bộ	8651,27				21,61					
III		Diện tích cây xanh, cảnh quan	8010,00				20,01					
IV		Tổng diện tích khu đất	40026,81				100,00					
V		Tổng diện tích sân		24995,7								
VI		Mật độ xây dựng					58,37					
VII		Hệ số sử dụng đất				0,62						

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:
* KTS. KIỀU DỨC DỪNG

CHỦ TRƯ / CHIEF DESIGNER:
* KTS. KIỀU DỨC DỪNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:
* KTS. VÕ ĐÌNH HOÀNG

Q.L KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:
* KTS. NGUYỄN CÔNG SANG

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ
PHASE OF DESIGN

THIẾT KẾ CƠ SỞ

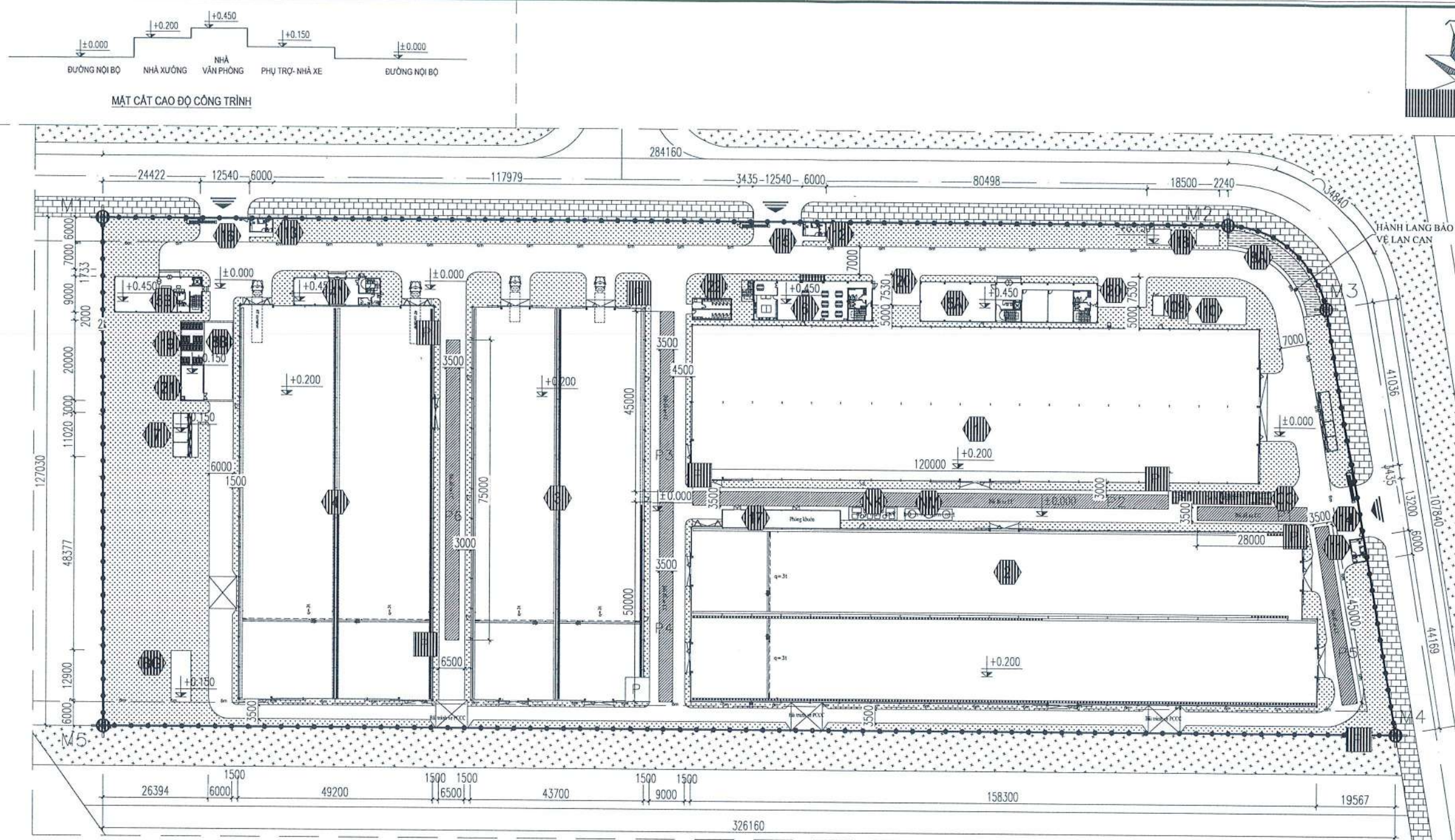
NGÀY - DATE

2025

TỈ LỆ / SCALE:

MÃ DỰ ÁN
PROJECT CODE

SỐ HIỆU - DRAWING NO
TT-03



GHI CHÚ - NOTES

- Bản vẽ này được đọc cùng với tất cả các bản vẽ liên quan khác.
- Không đo kích thước từ bản vẽ.
- Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu sản xuất hoặc thi công.
- Bảo cáo ngay lập tức với đơn vị thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
- Bản quyền thuộc về công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

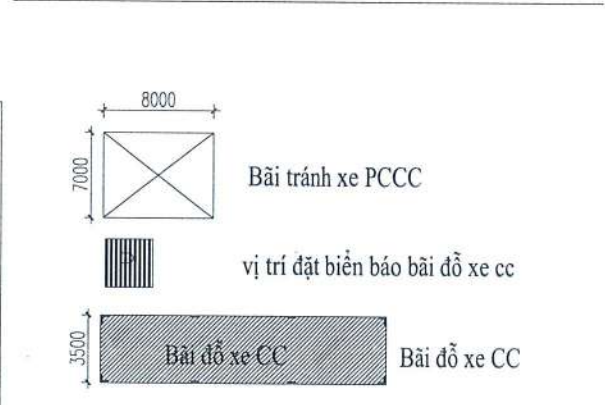
Địa điểm xây dựng dự án: Lô CN 2.9 - ô số 01 và ô số CN 2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đồng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên)

design: **VINA CONSTRUCTION**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINA CON VIETNAM
VINA CON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (+84-04) 3999 8968 - FAX: (+84-04) 3999 8968 - HOTLINE: 0964 873388 - 0912 076466
EMAIL: VINA CON VIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINA CON PRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR: * KSKT. PHẠM VĂN QUANG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER: * KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG	
CHỦ TRÌ / CHIEF DESIGNER: * KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER: * KTS. VÕ ĐÌNH HOÀNG	
Q.L.KY THUẬT / QUALITY CONTROLLER: * KTS. NGUYỄN CÔNG SANG	

TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ BÀI XE CC
GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ / PHASE OF DESIGN: THIẾT KẾ CƠ SỞ
NGÀY - DATE: 2025
TỈ LỆ / SCALE: 1:500
MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE: SỞ HIỆU - DRAWING NO
TT-04

MẶT BẰNG TỔNG THỂ BÀI XE CC - BÀI TRÁNH XE PCCC

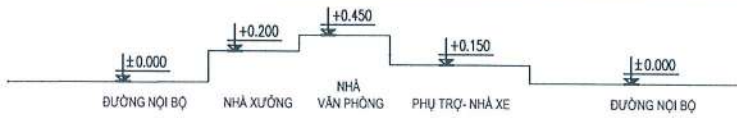


BẢNG TÍNH BÀI ĐỖ XE CHỨA CHÁY

TT	Khu vực	Nhóm nhà	Diện tích nhà (m ²)	Chiều cao nhà (m)	Khối tích nhà (m ³)	Chu vi nhà (m)	Chiều dài bãi đỗ xe chữa cháy theo Bảng 15, 16 QCVN 06:2022/BXD	Hệ thống Sprinkler	Chiều dài bãi đỗ xe tính toán	Kích thước bãi đỗ xe chữa cháy
1	Xưởng sơn	F5	5.517,05	11,888	58.171,8	363,6	1/2 chu vi	Không	181,80	3,5x182m
2	Xưởng đúc ép 1	F5	6.836,20	12,478	74.097,6	404,0	1/2 chu vi	Không	202,00	3,5x202m
3	Xưởng đúc ép 2	F5	4.295,71	12,478	46.561,2	284,0	1/4 chu vi	Không	71,00	3,5x71m
4	Xưởng cho thuê	F5	4.836,36	12,890	53.417,6	295,0	1/4 chu vi	Không	73,75	3,5x74m

KÝ HIỆU

M 4	Mốc chỉ giới		Bể xử lý sản xuất (bể ngầm)
	Công ra vào		Nhà bảo vệ 01
	Nhà xưởng sản xuất		Nhà bảo vệ 02
	Nhà xưởng sản xuất 01		Nhà bảo vệ 03
	Nhà xưởng sản xuất 02		Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty
	Nhà xưởng cho thuê		Cổng vào 02, tường rào
	Văn phòng cho thuê		Cổng vào 03, tường rào
	Nhà văn phòng làm việc nhà máy		Nhà kho
	Nhà văn phòng làm việc chuyên gia		Trạm điện kỹ thuật
	Nhà ăn ca		Nhà để xe máy
	Nhà chứa rác		Bãi đỗ ô tô
	Hồ nước - Tiềm cảnh		Nhà trạm bơm
	Trạm xử lý sinh hoạt - bể xử lý sinh hoạt (bể ngầm)		Nhà vệ sinh công nhân
			Bể sinh hoạt - PCCC (Bể ngầm nằm bên dưới nhà để xe và nhà bơm)
			Khu đặt bồn chứa
			Cán trọng tải 80 tấn
			Khu bể nước làm mát
			Khu đặt máy nén khí



MẶT CẮT CAO ĐỘ CÔNG TRÌNH



GHI CHÚ - NOTES

- Bản vẽ này được đọc cùng với tất cả các bản vẽ liên quan khác.
- Không đo kích thước từ bản vẽ.
- Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu sản xuất hoặc thi công.
- Bảo cáo ngay lập tức với đơn vị thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
- Bản quyền thuộc về công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT

CHỦ ĐẦU TƯ:



TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

Địa điểm xây dựng dự án: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đặng Lê thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên)

design:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TỔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4) 3999 8968 - FAX: (+84-4) 3999 8968 - HOTLINE: 0904 873388 - 0912 016466
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPROJ.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

* KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỨC NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:

* KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

CHỦ TRÌ / CHIEF DESIGNER:

* KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:

* KTS. VÕ ĐÌNH HOÀNG

Q.L. KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:

* KTS. NGUYỄN CÔNG SANG

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAMES:

MẶT BẰNG TỔNG
THẺ CÂY XANH

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ

PHASE OF DESIGN

THIẾT KẾ CƠ SỞ

NGÀY - DATE:

2025

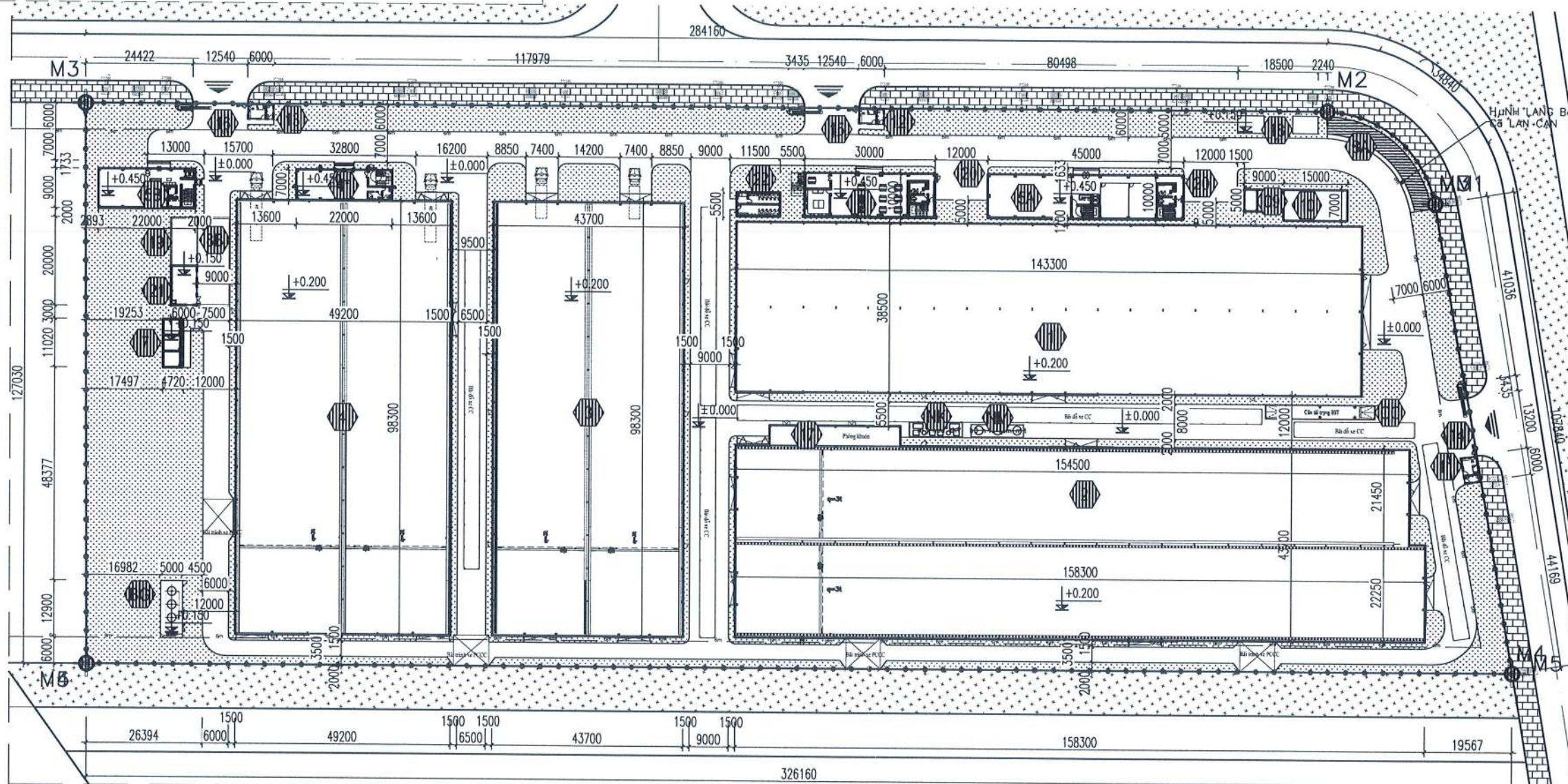
TỈ LỆ / SCALE:

MÃ DỰ ÁN

PROJECT CODE

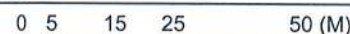
SỐ HIỆU - DRAWING NO

CX-01



MẶT BẰNG TỔNG THẺ CÂY XANH

GHI CHÚ:



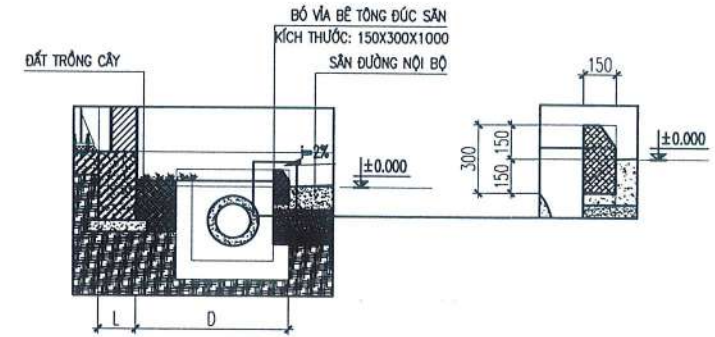
Vị trí: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đặng Lê thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 40.026,81M2
Được giới hạn bởi các mốc: m1, m2, m3, m4, m5 và mốc m1
TỌA ĐỘ CÁC CỘT MỐC GIỚI
(Theo hệ tọa độ VN2000)

ĐIỂM MỐC	ĐIỂM MỐC		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	y (m)	
M1	2297562.72	560655.29	~34,840
M2	2297577.79	560626.69	284,160
M3	2297518.90	560348.70	127,030
M4	2297394.75	560375.642	326,160
m5	2297462.351	560694.716	107,840
M1	2297562.722	560655.290	

KÝ HIỆU	
	RANH GIỚI LÔ ĐẤT
	khoảng lùi/chỉ giới xây dựng
	điểm tăng cao
	tâm đường giao thông
	cây xanh, thảm cỏ

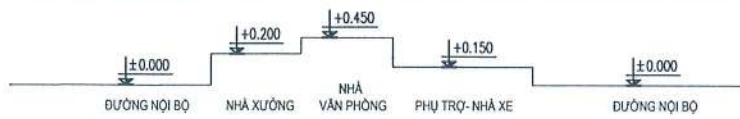
KÝ HIỆU

	Mốc chỉ giới		Bê xủ lý sản xuất (bê ngầm)
	Cổng ra vào		Nhà bảo vệ 01
	Nhà xưởng sản xuất		Nhà bảo vệ 02
	Nhà xưởng sản xuất 01		Nhà bảo vệ 03
	Nhà xưởng sản xuất 02		Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty
	Nhà xưởng cho thuê		Cổng vào 02, tường rào
	Nhà xưởng cho thuê 02		Cổng vào 03, tường rào
	Văn phòng cho thuê		Nhà kho
	Nhà văn phòng làm việc nhà máy		Trạm điện kỹ thuật
	Nhà văn phòng làm việc chuyên gia		Nhà để xe máy
	Nhà ăn ca		Bãi đỗ ô tô
	Nhà chứa rác		Nhà trạm bơm
	Hồ nước - Tiểu cảnh		Nhà vệ sinh công nhân
	Trạm xử lý sinh hoạt + bê xủ lý sinh hoạt (bê ngầm)		Bê sinh hoạt + PCCC (Bê ngầm nằm bên dưới nhà để xe và nhà bơm)



Chi tiết bó vỉa điển hình





MẶT CÁT CAO ĐỘ CÔNG TRÌNH



GHI CHÚ - NOTES

- Bản vẽ này được đọc cùng với tất cả các bản vẽ liên quan khác.
- Không đo kích thước từ bản vẽ.
- Tất cả các kích thước phải được kiểm tra thực tế tại công trình trước khi bắt đầu sản xuất hoặc thi công.
- Bảo cáo ngay lập tức với đơn vị thiết kế nếu có bất cứ sự khác biệt nào.
- © Bản quyền thuộc về công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinacon Việt Nam.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÓM YANGLI

Địa điểm xây dựng dự án: Lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đăng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

design: VINACON CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (+84-4) 3999 9998 - FAX: (+84-4) 3999 9998 - HOTLINE: 1909 873388 - 0912 076666
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
* KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỨC NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:
* KTS. KIEU ĐỨC DŨNG

CHỦ TRƯ / CHIEF DESIGNER:
* KTS. KIEU ĐỨC DŨNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:
* KTS. VŨ ĐÌNH HOÀNG

QL. KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:
* KTS. NGUYỄN CÔNG SANG

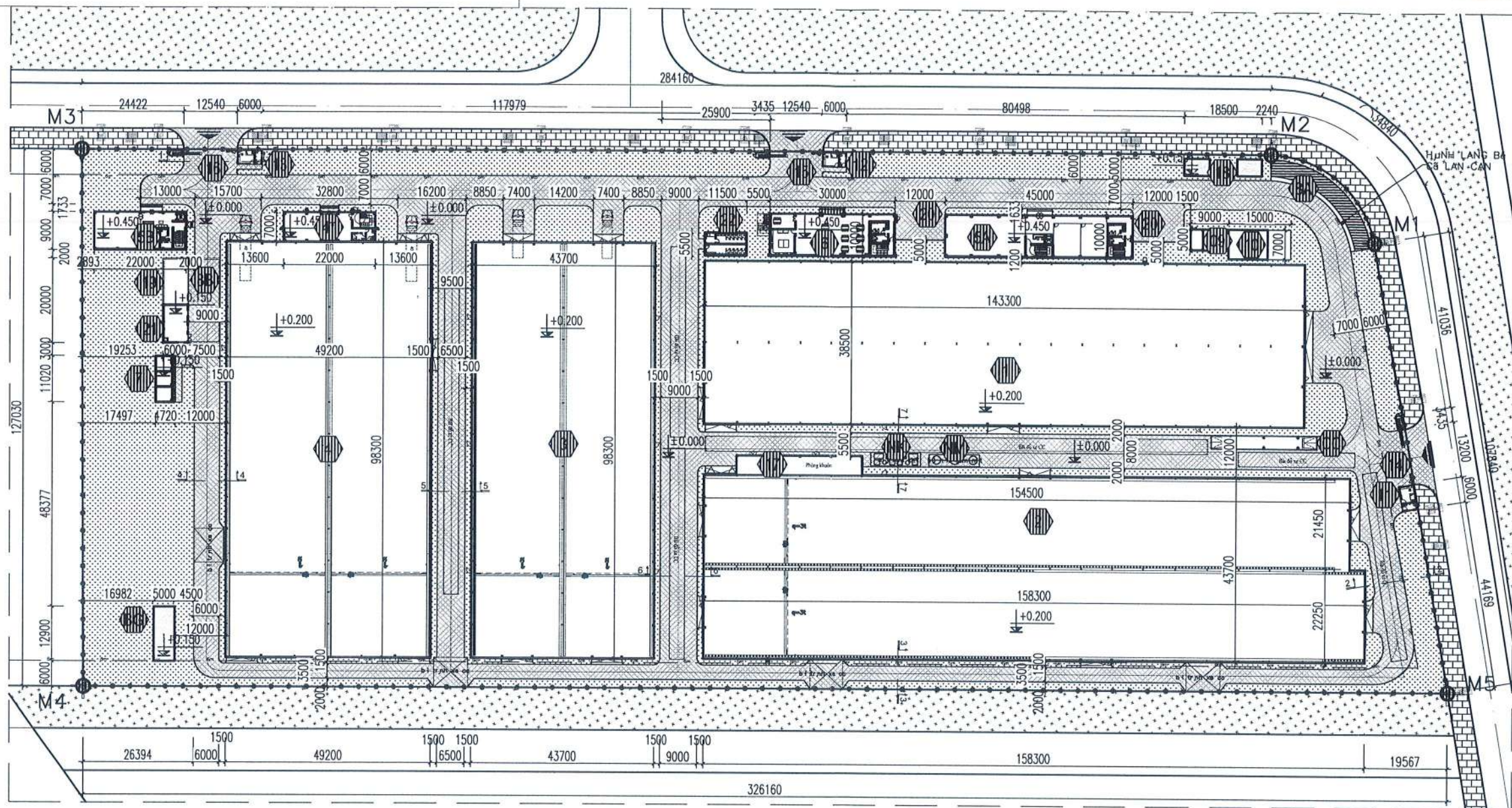
HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG

GIÁI ĐOẠN THIẾT KẾ / PHASE OF DESIGN: THIẾT KẾ CƠ SỞ

NGÀY - DATE: 2025

TỈ LỆ / SCALE: MÃ DỰ ÁN / PROJECT CODE: SỐ HIỆU - DRAWING NO: GT-01



GHI CHÚ:



Vị trí: lô CN.2.9 - ô số 01 và lô CN.2.9 - ô số 02, cụm công nghiệp Đăng Lễ thuộc địa bàn xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 40.026,81M²
Được giới hạn bởi các mốc: m1, m2, m3, m4, m5 và mốc m1
TỌA ĐỘ CÁC CỘT MỐC GIỚI (Theo hệ tọa độ VN2000)

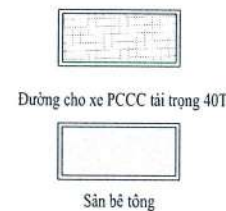
ĐIỂM MỐC	ĐIỂM MỐC		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	Y (m)	
M1	2297562.72	560655.29	34,840
M2	2297577.79	560626.69	284,160
M3	2297518.90	560348.70	127,030
M4	2297394.756	560375.642	326,160
m5	2297462.351	560694.716	107,840
M1	2297562.722	560655.290	

KÝ HIỆU	
	RANH GIỚI LÔ ĐẤT
	khoảng lùi/chi giới xây dựng
	điểm tăng cao
	tìm đường giao thông
	cây xanh, thảm cỏ

KÝ HIỆU

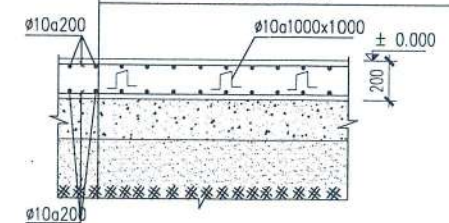
	M4	Mốc chỉ giới		Bể xử lý sản xuất (bể ngầm)
		Cổng ra vào		Nhà bảo vệ 01
		Nhà xưởng sản xuất		Nhà bảo vệ 02
		Nhà xưởng sản xuất 01		Nhà bảo vệ 03
		Nhà xưởng sản xuất 02		Cổng vào 01, cột cờ, tường rào, biển hiệu công ty
		Nhà xưởng cho thuê		Cổng vào 02, tường rào
		Văn phòng cho thuê		Cổng vào 03, tường rào
		Nhà văn phòng làm việc nhà máy		Nhà kho
		Nhà văn phòng làm việc chuyên gia		Trạm điện kỹ thuật
		Nhà ăn ca		Nhà để xe máy
		Nhà chứa rác		Bãi đỗ ô tô
		Hồ nước - Tiểu cảnh		Nhà trạm bơm
		Trạm xử lý sinh hoạt + bể xử lý sinh hoạt (bể ngầm)		Nhà vệ sinh công nhân
				Bể sinh hoạt + PCCC (Bể ngầm nằm bên dưới nhà để xe và nhà bơm)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG

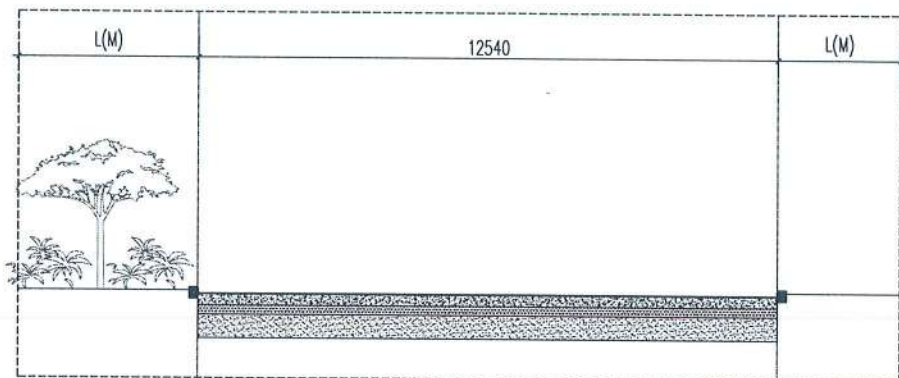


SÁNH MẶT BẰNG MÁY

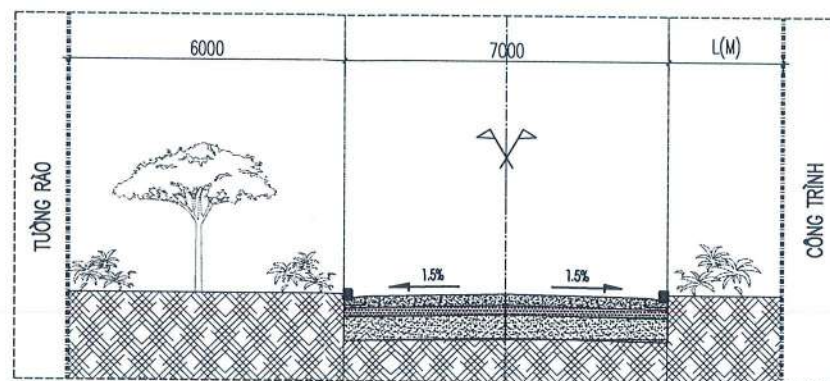
NỀN BTCT B20 (MÁC #250), ĐÁ 1X2, DÀY 200MM
LỚP NILON
LỚP ĐÁ BASE (LOẠI B), DÀY 200MM, K=0.95
LỚP CÁT ĐEN TON NỀN ĐÀM CHẶT K=0.95
ĐẤT TỰ NHIÊN ĐÀM CHẶT K=0.9



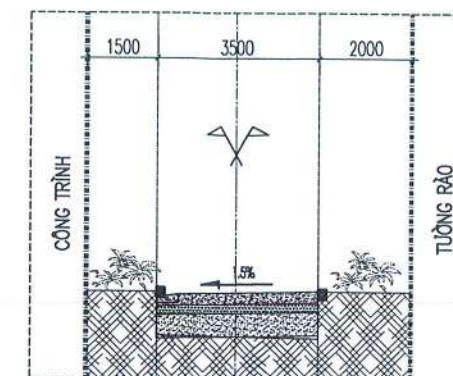
Chi tiết sân bê tông



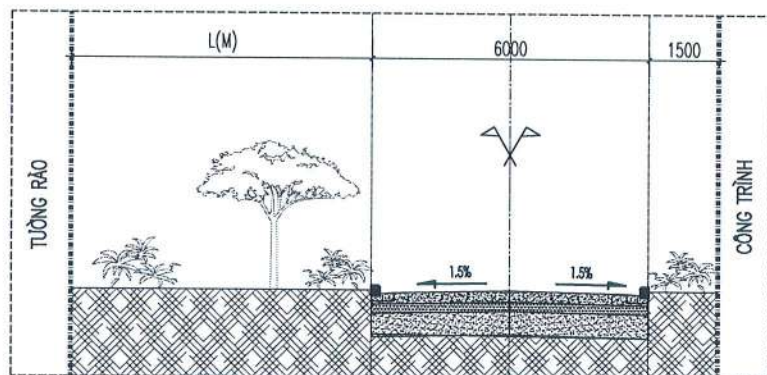
MẶT CẮT 1-1
TUYẾN T1 (SL :03)



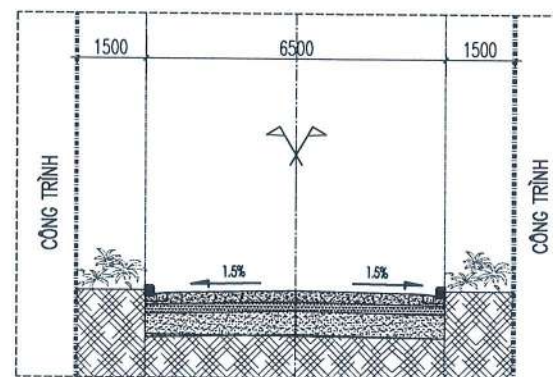
MẶT CẮT 2-2
TUYẾN T2



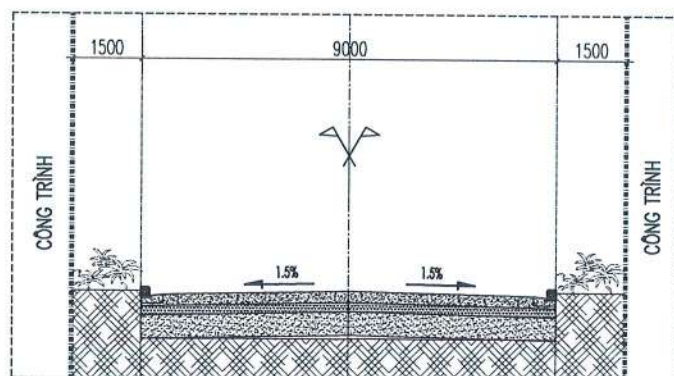
MẶT CẮT 3-3
TUYẾN T3



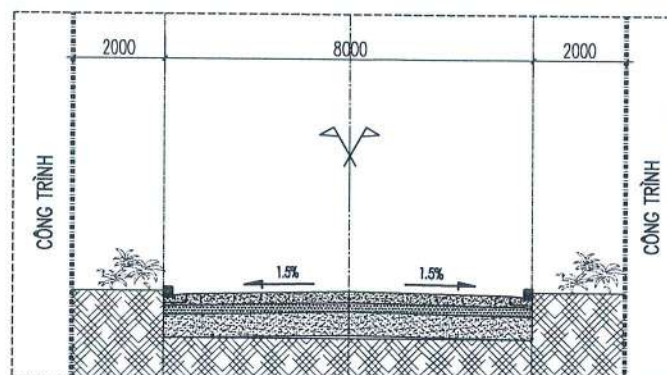
MẶT CẮT 4-4
TUYẾN T4



MẶT CẮT 5-5
TUYẾN T5

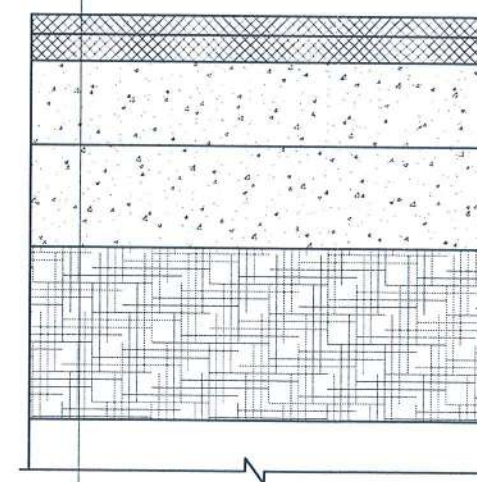


MẶT CẮT 6-6
TUYẾN T6



MẶT CẮT 7-7
TUYẾN T7

1 LỚP BTN C12,5 (BTN HẠT MỊN) DÀY 5CM
LỚP NHỰA BĂM ĐINH 0,5 KG/M2
1 LỚP BTN C19 (BTN HẠT THỎ) DÀY 7CM
LỚP NHỰA THẨM BĂM 1,0 KG/M2
CẤP PHỐI ĐÁ DẦM LOẠI 1 DÀY 20CM
CẤP PHỐI ĐÁ DẦM LOẠI 2 DÀY 30CM
ĐẤT ĐĂM CHẶT K98 DÀY 50CM



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SÀN XUẤT HOẶC TH CÔNG
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NẾU CÓ BẤT KỲ SỰ KHÁC BIỆT NÀO
- BẢN QUYỀN THUỘC VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

H. AN THI - T. HUNG YEN

TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02
CỤM CÔNG NGHIỆP DẮNG LỄ, XÃ NGUYỄN TRẠI
TỈNH HUNG YÊN, VIỆT NAM

DESIGN:

VINACON CONSTRUCTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÒ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4-0) 3999 8888 - FAX: (+84-4-0) 3999 8888 - HOTLINE: 0904 873388 - 0912 079488
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/PROJECT LEADER:

KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG

CHỦ TRÌ /CHIEF-DESIGNER:

KS. TRỊNH ĐỨC NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KS. TRỊNH ĐỨC NAM

Q.L KỸ THUẬT/QUALITY CONTROLLER:

KTS. NGUYỄN CÔNG SÁNG

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:

MẶT CẮT ĐƯỜNG

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN NGÀY - DATE TỈ LỆ/ SCALE: MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	THIẾT KẾ CƠ SỞ 2025 SỐ HIỆU - DRAWING NO GT-02
---	---



GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SÀN XUẤT HOẶC TH CÔNG
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
- NEU CO BAT KY SU KHAC BIEP NAO
- BAN QUYEN THUOC VE CONG TY CO PHAN DAU TU XAY DUNG VINACON VIET NAM

HIỆU CHỈNH - EDITING			
STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐANG LÊ THUỘC ĐỊA BÀN XÃ CẨM NINH
HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN, VIỆT NAM

DESIGN:
VINACON CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TỔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4) 3009 8008 - FAX: (+84-4) 3009 8008 - HOTLINE: 0904 872388 - 0912 079456
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACON.PRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:	<i>Leao</i>
KSKT. PHẠM VĂN QUANG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:	<i>Pha</i>
KTS. KIỀU ĐỨC DỪNG	
CHỦ TRÌ / CHIEF-DESIGNER:	<i>Phuoc</i>
KS. PHẠM PHƯƠNG NAM	
THIẾT KẾ / DESIGNER:	<i>Phuoc</i>
KS. BUI MINH PHƯƠNG	
Q.L KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:	<i>Thuy</i>
KS. PHẠM KHÁNH HIỆP	

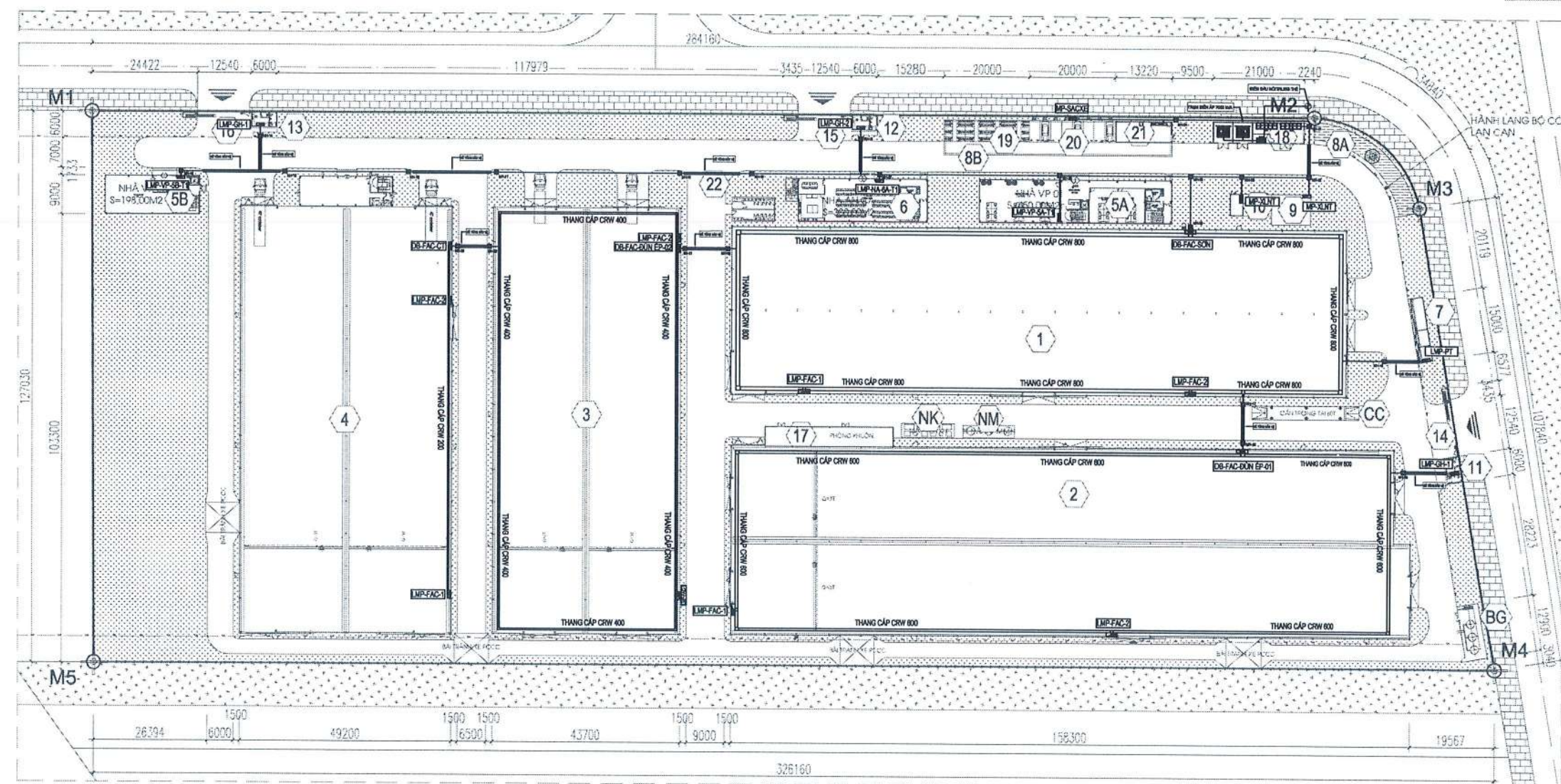
HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:

**MẶT BẰNG CÁP ĐIỆN
NGOÀI NHÀ**

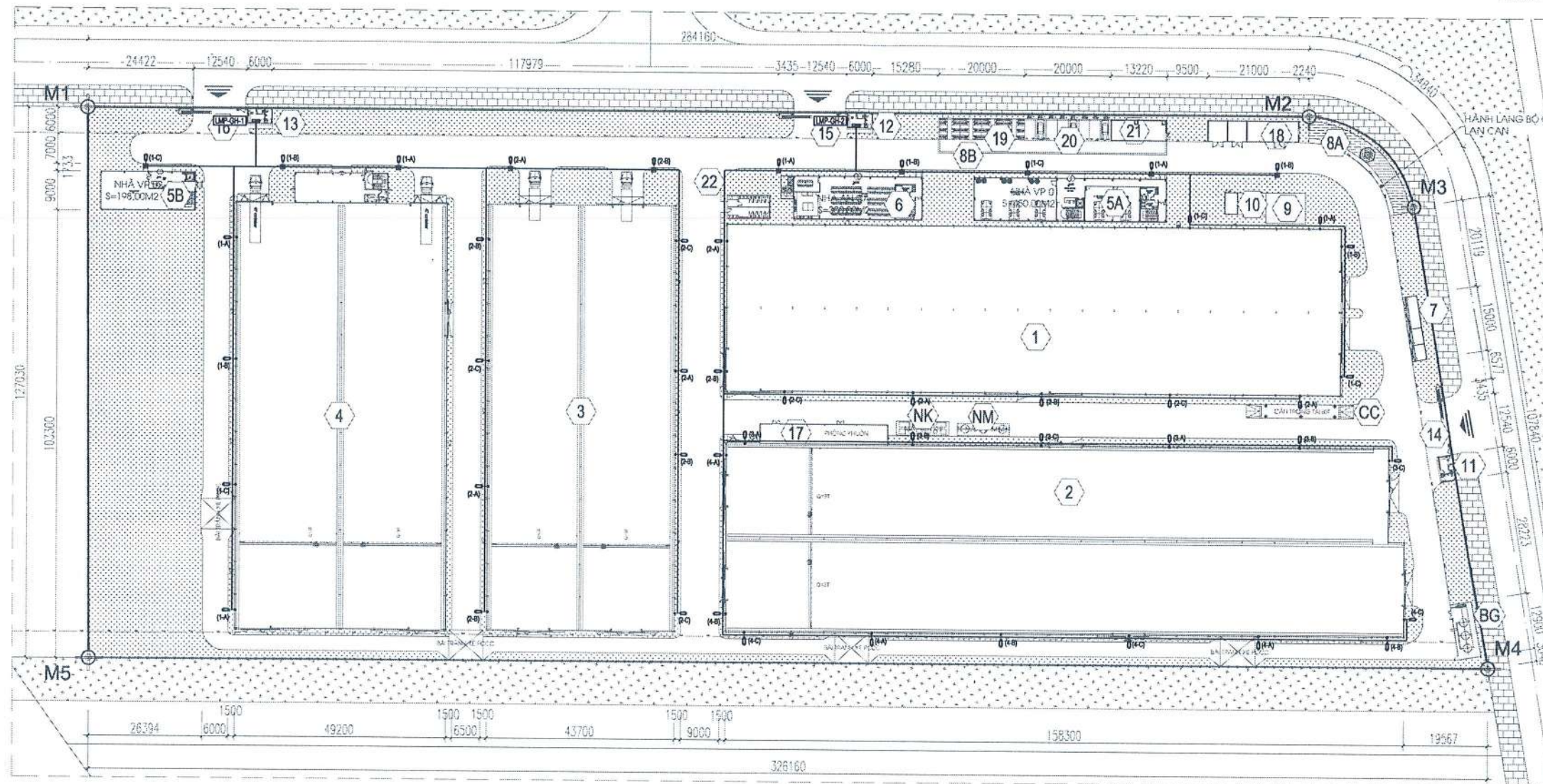
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN	THIẾT KẾ CƠ SỞ
NGÀY - DATE	2025
TỈ LỆ / SCALE:	
MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ HIỆU - DRAWING NO E-TT-01



CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	MÔ TẢ
	TỦ ĐIỆN CHIẾU SÁNG
	TỦ ĐIỆN CHIẾU SÁNG VÀ CÁP NGUỒN ĐỘNG LỰC
	TỦ ĐIỆN CÁP NGUỒN CƠ KHÍ
	TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI
	THANG CÁP, ĐỘ RỘNG ???
	CÁP TRONG ỐNG NHỰA XOĂN ĐI NGUỒN
	HỒ GA

- GHI CHÚ:**
- THEO TCVN 9208:2012: TUYẾN CÁP TRUNG THỂ LẮP ĐẶT NGẦM ĐỘ SÂU GL-1000
 - THANG, MÁNG CÁP ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO VÀ TCVN 10688:2015
 - TIÊU CHUẨN LẮP ĐẶT PHÙ HỢP TCVN 9208:2012



CHÚ THÍCH:

KÍ HIỆU	MÔ TẢ
Ø	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG NGOÀI NHÀ 150W, LOẠI GẮN TƯỜNG
Ø	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG NGOÀI NHÀ 150W, LOẠI GẮN CỘT 8M



GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SÀN XUẤT HOẶC TH CÔNG
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
- NEU CÓ BẤT KỲ SỰ KHÁC BIỆT NÀO
- BẢN QUYỀN THUỘC VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM

HIỆU CHỈNH - EDITING			
STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT

CHỦ ĐẦU TƯ: 626826-C.T. TNHH
CÔNG TY TNHH
NHÀ MÁY NHÔM YANGLI
H. AN THỊ - T. HUNG YÊN
TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐĂNG LÊ THUỘC ĐỊA BÀN XÃ CẨM NINH
HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN, VIỆT NAM

DESIGN:
VINACON
CONSTRUCTION
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÒ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
TEL: (84-4) 3888 8888 - FAX: (84-4) 3888 8888 - HOTLINE: 024 87388 - 0121 07466
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPRO.VN

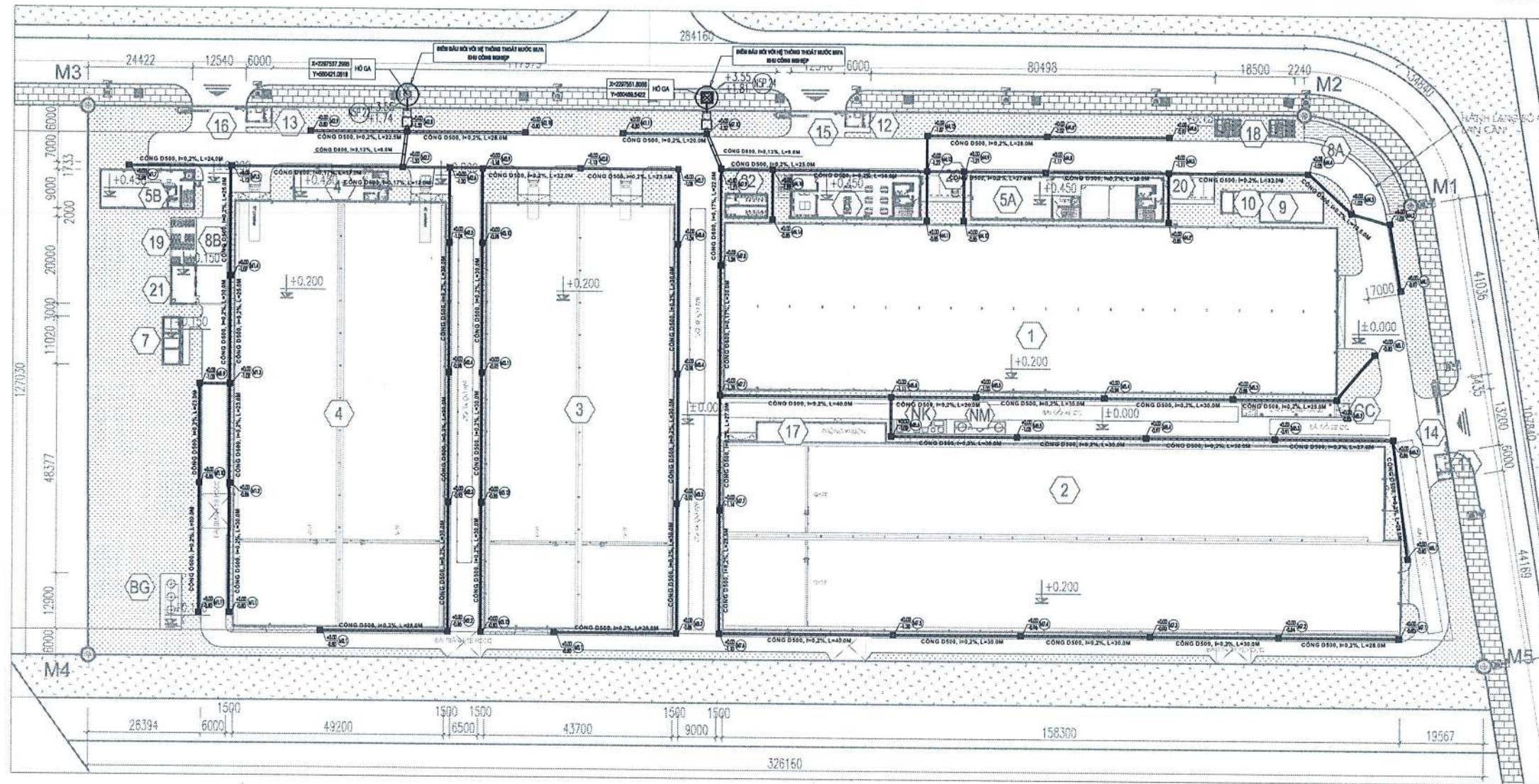
TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:	KSKT. PHẠM VĂN QUANG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/PROJECT LEADER:	KTS. KIỀU ĐỨC DŨNG	
CHỦ TRÌ / CHIEF-DESIGNER:	KS. PHẠM PHƯƠNG NAM	
THIẾT KẾ / DESIGNER:	KS. BÙI MINH PHƯƠNG	
QL KỸ THUẬT/QUALITY CONTROLLER:	KS. PHẠM KHÁNH HIỆP	

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:
**MẶT BẰNG HỆ THỐNG ĐÈN
NGOÀI NHÀ**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN	THIẾT KẾ CƠ SỞ
NGÀY - DATE	2025
TỈ LỆ / SCALE:	
MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ HIỆU - DRAWING NO E-TT-02



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1

	HỒ GA THU NƯỚC MẶT - HỒ GA BTCT
	HỒ GA THU NƯỚC MƯA MẶT - HỒ GA XÂY GẠCH
	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT
	MÀU: TÊN HỒ GA XXXX CHO DẠY NÁP HỒ GA XXXX CHO DẠY NÁP HỒ GA XXXX CHO DẠY NÁP HỒ GA
	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA SỬ DỤNG CÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CAO (Tầng)	HỆ SỐ SƠ ĐẤT (%)	TỶ LỆ MẶT ĐỘ (%)	BẠC CHU LỬA HIỂM CHÁY	CẤP NGUY PHONG	HẠNG GIẢN CÔNG TRÌNH	CHIỀU CAO (m)	CHIỀU CAO PCCC (m)
1	1	Nhà xưởng 01	5817,09	5817,09	1	0,14	13,78	IV	S0	D	12,1	1,9
2	2	Nhà xưởng 02	6836,20	6836,20	1	0,17	17,09	IV	S0	D	12,5	1,9
3	3	Nhà xưởng 03	4295,71	4295,71	1	0,11	10,73	IV	S0	D	12,3	1,9
4	4	Nhà xưởng 04	4826,36	4826,36	1	0,12	12,08	IV	S0	C	13	1,9
5	5A	Nhà văn phòng 01	154,00	363,00	2	0,01	0,33	II	S0		9,65	5,55
6	6	Nhà văn phòng 02	450,00	1350,00	3	0,03	1,12	II	S0		14,85	9,15
7	7	Nhà văn phòng 03	108,00	294,00	3	0,01	0,49	II	S0		14,85	9,15
8	8	Nhà ăn ca	300,00	600,00	2	0,01	0,75	II	S0		11,25	5,55
9	9	Nhà chứa rác	48,50	48,50	1	0,00	0,12	IV	S0		3,12	
10	10A	Hồ nước - Hồ cảnh	119,89				0,30					
11	11	Bể S+P (bể ngầm, 270 m ² nằm dưới nhà bơm, nhà để xe máy)										
12	12	Trạm xử lý nước thải nằm trên bể XLNT + bể XLNT sinh hoạt (bể ngầm, 45 m ²)	15,00	15,00	1	0,00	0,04	II	S0		3,4	
13	13	Bể XLNT sản xuất (bể ngầm, 105 m ²)										
14	14	Nhà bảo vệ 01	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
15	15	Nhà bảo vệ 02	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
16	16	Nhà bảo vệ 03	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0		3,4	
17	17	Cổng vào 01, cổng ra, tường rào, biển hiệu cổng										
18	18	Cổng vào 02, tường rào										
19	19	Cổng vào 03, tường rào										
20	20	Nhà kho	138,17	138,17	1	0,00	0,34					
21	21	Trạm điện si li										
22	22	Nhà để xe máy nằm trên bể PCCC	65,30	65,30	1		0,16	IV	S0		3	
23	23	Bãi để xe ô tô										
24	24	Nhà bơm nằm trên bể PCCC	54,65	54,65	1		0,14	II	S0		3,4	
25	25	Nhà vệ sinh công cộng	55,00	55,00	1	0,00	0,14	II	S0		3,4	
26	26	Khu đặt bồn ga	65,00	65,00								
27	27	CCTV	80,84	80,84								
28	28	Nhà vệ sinh công cộng	36,00	36,00								
29	29	Nhà vệ sinh công cộng	30,80	30,80								
I	I	Tổng diện tích xây dựng	23365,5				58,37					
II	II	Diện tích sân đường giao thông nội bộ	8851,27				21,61					
III	III	Diện tích cây xanh, cảnh quan	8010,00				20,01					
IV	IV	Tổng diện tích khu đất	40026,81				100,00					
V	V	Tổng diện tích sân		24995,7								
VI	VI	Mật độ xây dựng					58,37					
VII	VII	Hệ số sử dụng đất				0,82						

GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC.
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SẢN XUẤT HOẶC THI CÔNG.
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NẾU CÓ BẤT KỲ SỰ KHÁC BIỆT NÀO.
- BẢN QUYỀN THUỘC VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM.

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02 CỤM CÔNG NGHIỆP ĐANG LÊ, XÃ NGUYỄN TRẠI, TỈNH HUNG YÊN, VIỆT NAM

DESIGN:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TỔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4) 388 8888 - FAX: (+84-4) 388 8888 - HOTLINE: 094 873388 - 0912 078488
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACON.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

KS.KT. PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT LEADER:

KTS. LÊ DUY TIẾN

CHỦ TRÌ / CHIEF-DESIGNER:

KS. TRẦN LƯƠNG HOÀN

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KS. NGUYỄN HỮU HUNG

Q.L. KỸ THUẬT / QUALITY CONTROLLER:

KS. DƯƠNG QUAN VINH

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAMES:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ

PHASE OF DESIGN

NGÀY - DATE

TỈ LỆ / SCALE:

MÃ DỰ ÁN

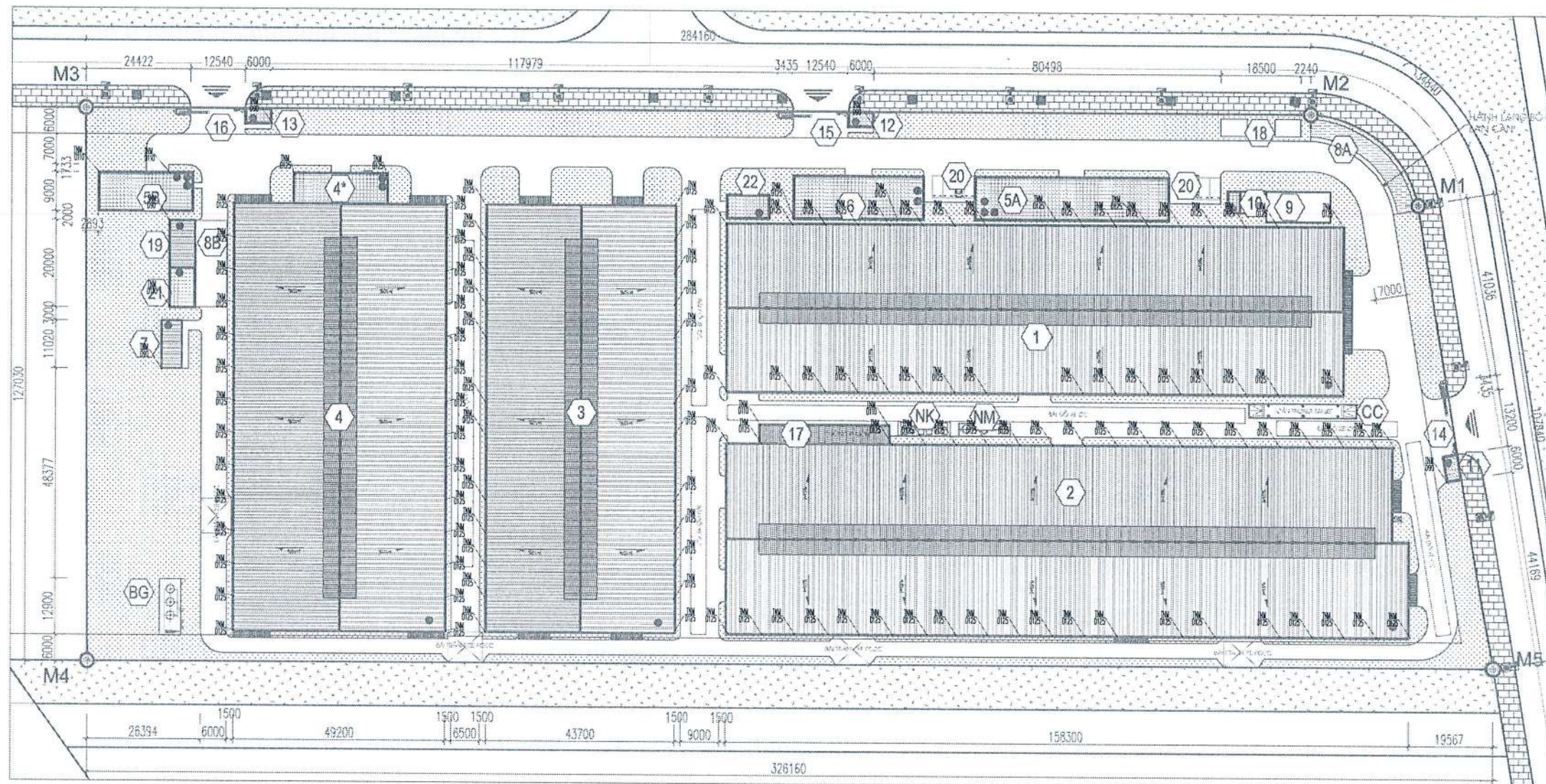
PROJECT CODE

THIẾT KẾ CƠ SỞ

2025

SỐ HIỆU - DRAWING NO

CTN-04



MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÃI

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CẠCH (Tầng)	HỆ SỐ SƠ ĐẤT	TỶ LỆ MẶT ĐỘ (%)	BẠC CẤP NGUY	HẠNG GIÀN PHONG	CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH (m)	CHIỀU CAO PCCC (m)
1	1	Nhà xưởng aen	5517,05	5517,05	1	0,14	13,78	IV	S0	12,1	1,9
2	2	Nhà xưởng đun áp 01	6836,20	6836,20	1	0,17	17,08	IV	S0	12,5	1,9
3	3	Nhà xưởng đun áp 02	4295,71	4295,71	1	0,11	10,73	IV	S0	12,5	1,9
4	4	Nhà xưởng cho thuê	4836,36	4836,36	1	0,12	12,08	IV	S0	13	1,9
5	4*	Văn phòng cho thuê	154,00	308,00	2	0,01	0,38	II	S0	9,65	5,53
6	5A	Nhà văn phòng làm việc nhà máy	450,00	1350,00	3	0,03	1,12	II	S0	14,85	9,15
7	5B	Nhà văn phòng làm việc chuyên gia	108,00	594,00	3	0,01	0,48	II	S0	14,85	9,15
8	6	Nhà ăn ca	360,00	600,00	2	0,01	0,75	II	S0	11,25	5,53
9	7	Nhà chứa rác	48,50	48,50	1	0,00	0,12	IV	S0	3,12	
10	8A	Hồ nước - Hố cảnh	119,80				0,30				
11	9B	Bể S+ Pccc (bể ngầm 270 m ² nằm dưới nhà bơm, nhà để xe máy)									
12	9	Trạm xử lý nước thải nằm trên bề mặt XLNT - bể XLNT sinh hoạt (bể ngầm 45 m ²)	15,00	15,00	1	0,00	0,04	II	S0	3,4	
13	10	Bể XLNT sản xuất (bể ngầm 105 m ²)									
14	11	Nhà bảo vệ 01	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0	3,4	
15	12	Nhà bảo vệ 02	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0	3,4	
16	13	Nhà bảo vệ 03	21,12	21,12	1	0,00	0,05	II	S0	3,4	
17	14	Cổng rào 01, cột cờ, tường rào biển hiệu công ty									
18	15	Cổng rào 02, tường rào									
19	16	Cổng rào 03, tường rào									
20	17	Nhà khuôn	136,17	136,17	1	0,00	0,34				
21	18	Trạm điện khí									
22	19	Nhà để xe máy nằm trên bề mặt Pccc	65,30	65,30	1		0,16	IV	S0	3	
23	20	Bãi để xe ô tô									
24	21	Nhà bơm nước trên bề mặt Pccc	54,65	54,65	1		0,14	II	S0	3,4	
25	22	Nhà vệ sinh công cộng	55,00	55,00	1	0,00	0,14	II	S0	3,4	
26	BG	Khu đất bãi đỗ xe	65,00	65,00							
27	CC	Cảnh trong tại 01	80,84	80,84							
28	NM	Khu bể nước ngầm mặt	36,00	36,00							
29	NK	Khu đất bãi đỗ xe	40,30	40,30							
I		Tổng diện tích xây dựng	23385,5				58,37				
II		Diện tích sân đường giao thông nội bộ	8651,27				21,61				
III		Diện tích cây xanh, cảnh quan	8010,00				20,01				
IV		Tổng diện tích khu đất	40026,81				100,00				
V		Tổng diện tích sân		24095,7							
VI		Mặt độ xây dựng					58,37				
VII		Hệ số sử dụng đất				0,82					

GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SẢN XUẤT HOẶC THI CÔNG
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
- NEU CÓ BẤT KỲ SỰ KHÁC BIỆT NÀO
- BẢN QUYỀN THUỘC VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM

HIỆU CHỈNH - EDITING

STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT
-----	-------	-------	-------

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NHÀ CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

H. AN THI - T. HUNG YEN

TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02 CỤM CÔNG NGHIỆP ĐANG LÊ, XÃ NGUYỄN TRẠI TỈNH HUNG YEN, VIỆT NAM

DESIGN:

VINACON CONSTRUCTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM VINACON VIETNAM CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE TÒ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4) 3200 8888 - FAX: (+84-4) 3200 8888 - HOTLINE: 0904 873361 - 0912 078465 EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACONPRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/PROJECT LEADER:

KTS. LÊ DUY TIẾN

CHỦ TRÌ/CHIEF-DESIGNER:

KS. TRẦN LƯƠNG HOÀN

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KS. NGUYỄN HỮU HUNG

QL KỸ THUẬT/QUALITY CONTROLLER:

KS. DƯƠNG QUAN VINH

HẠNG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA MÃI

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN

THIẾT KẾ CƠ SỞ

NGÀY - DATE

2025

TỈ LỆ/ SCALE:

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE

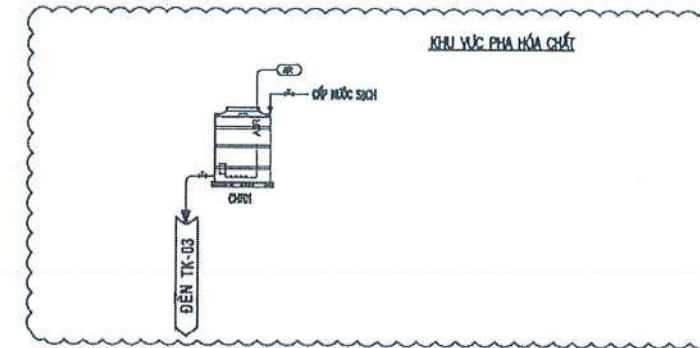
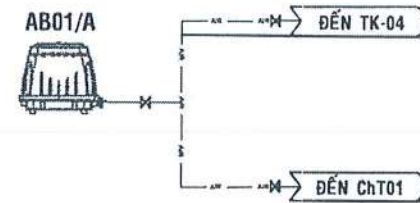
SỐ HIỆU - DRAWING NO

CTN-05

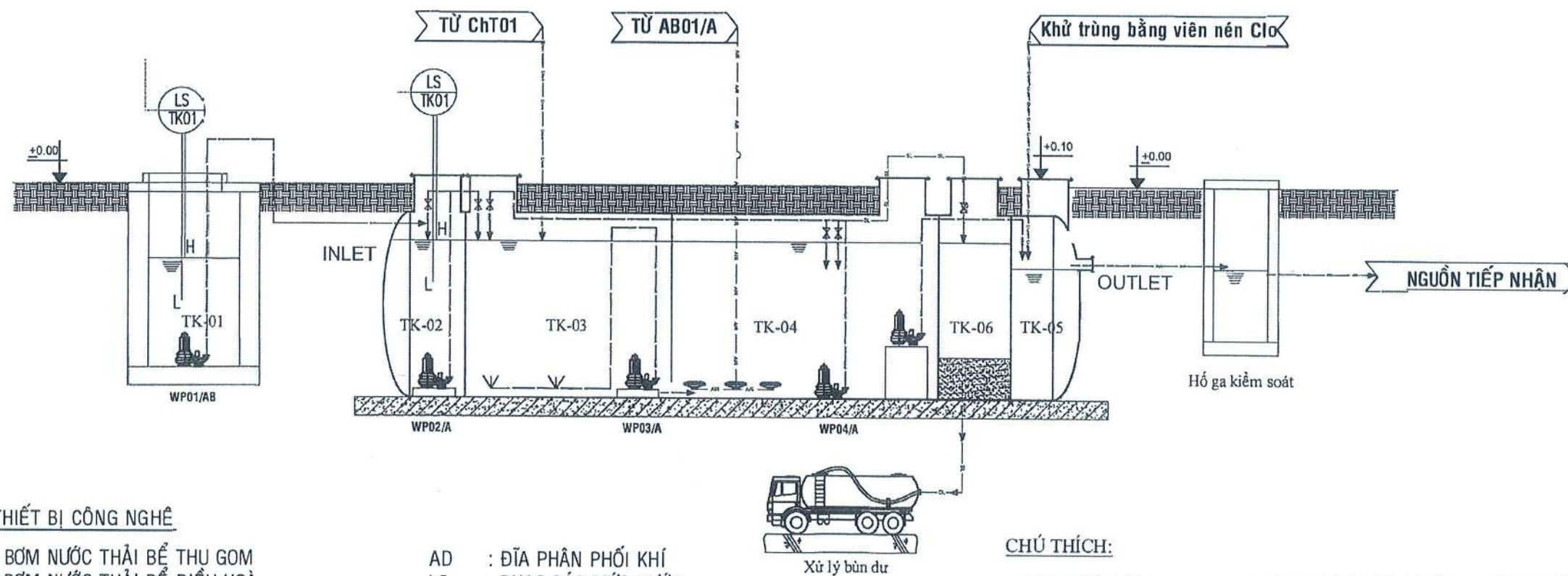
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY.ĐÊM.

CHÚ THÍCH

— ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
— ĐƯỜNG BÙN
— ĐƯỜNG HÓA CHẤT
— ĐƯỜNG KHÍ
— ĐƯỜNG NƯỚC CẤP



- CÁC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN BỞI CHỦ ĐẦU TƯ:**
1. THỰC HIỆN SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐỂ VÀNH HỘ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ
 2. CẤP NƯỚC SẠCH VÀ PHA HÓA TỶ LỆ NHƯ YÊU CẦU
 3. CẤP NƯỚC SẠCH NHẬP VÀO PHA HÓA CHẤT
 4. THAY GIAN NƯỚC THẢI NHẬP VÀO PHA HÓA CHẤT
 5. CHỮ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ VÀO BỂ THẢI
 7. SỬ DỤNG ĐỂ THAY GIAN



PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

WP01 : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02 : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ
WP03 : BƠM NƯỚC THẢI TẠO DÒNG BỂ THIẾU KHÍ
WP04 : BƠM NƯỚC THẢI BỂ HIẾU KHÍ - THIẾU KHÍ
WP05 : BƠM NƯỚC THẢI THOÁT NƯỚC SAU XỬ LÝ

AD : ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ
LS : PHAO BẢO MỨC NƯỚC
AB01/A : MÁY THỔI KHÍ
ChT01 : BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
TD : TỦ ĐIỆN

CHÚ THÍCH:

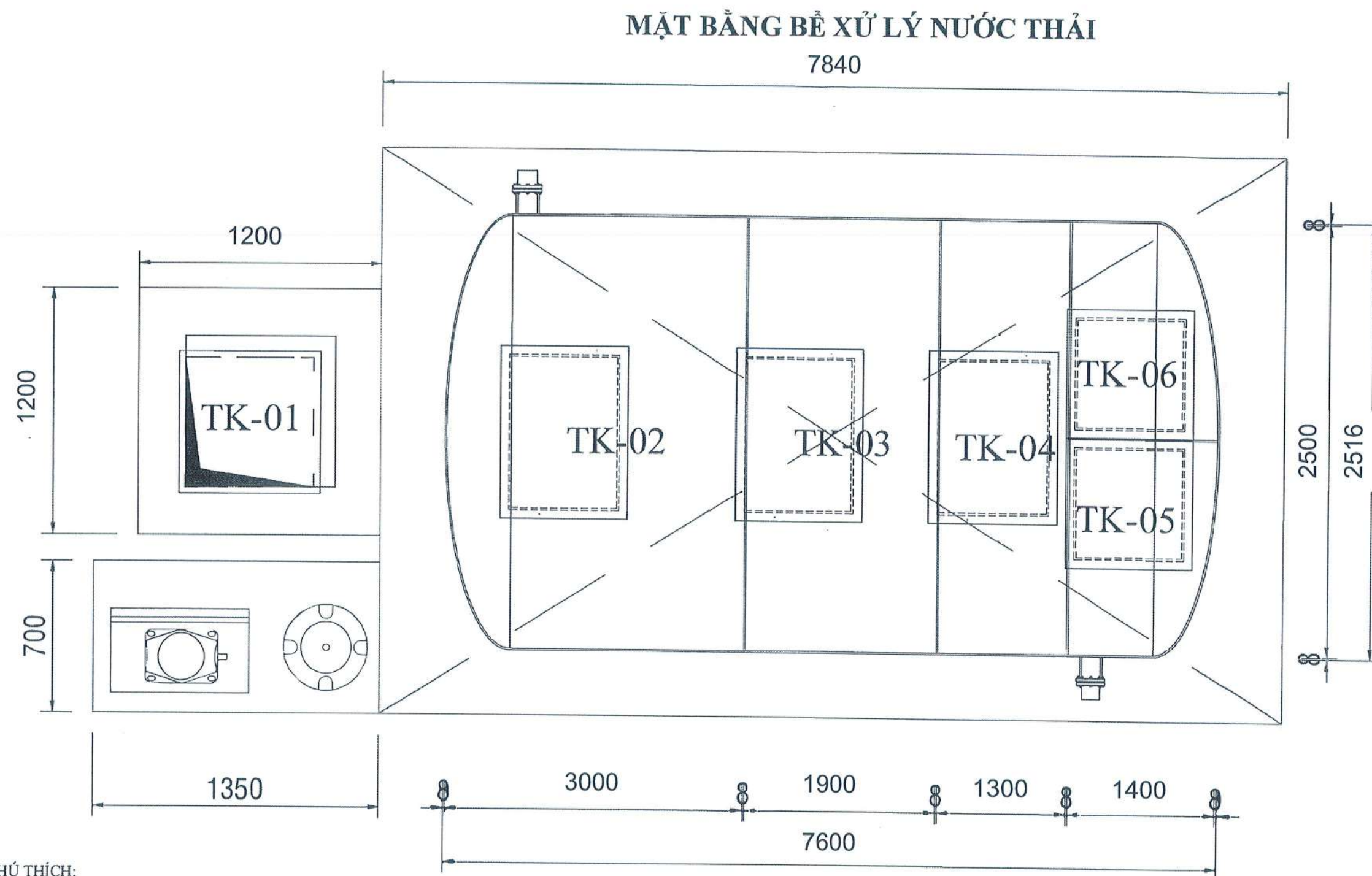
TK-01: BỂ GOM. TK-03: BỂ THIẾU KHÍ. TK-05: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-02: BỂ ĐIỀU HOÀ. TK-04: BỂ HIẾU KHÍ. TK-06: BỂ LẮNG.



CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

TRẠM XLNT SINH HOẠT CS
20 M³/NGÀY.ĐÊM

CHỨC NĂNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5



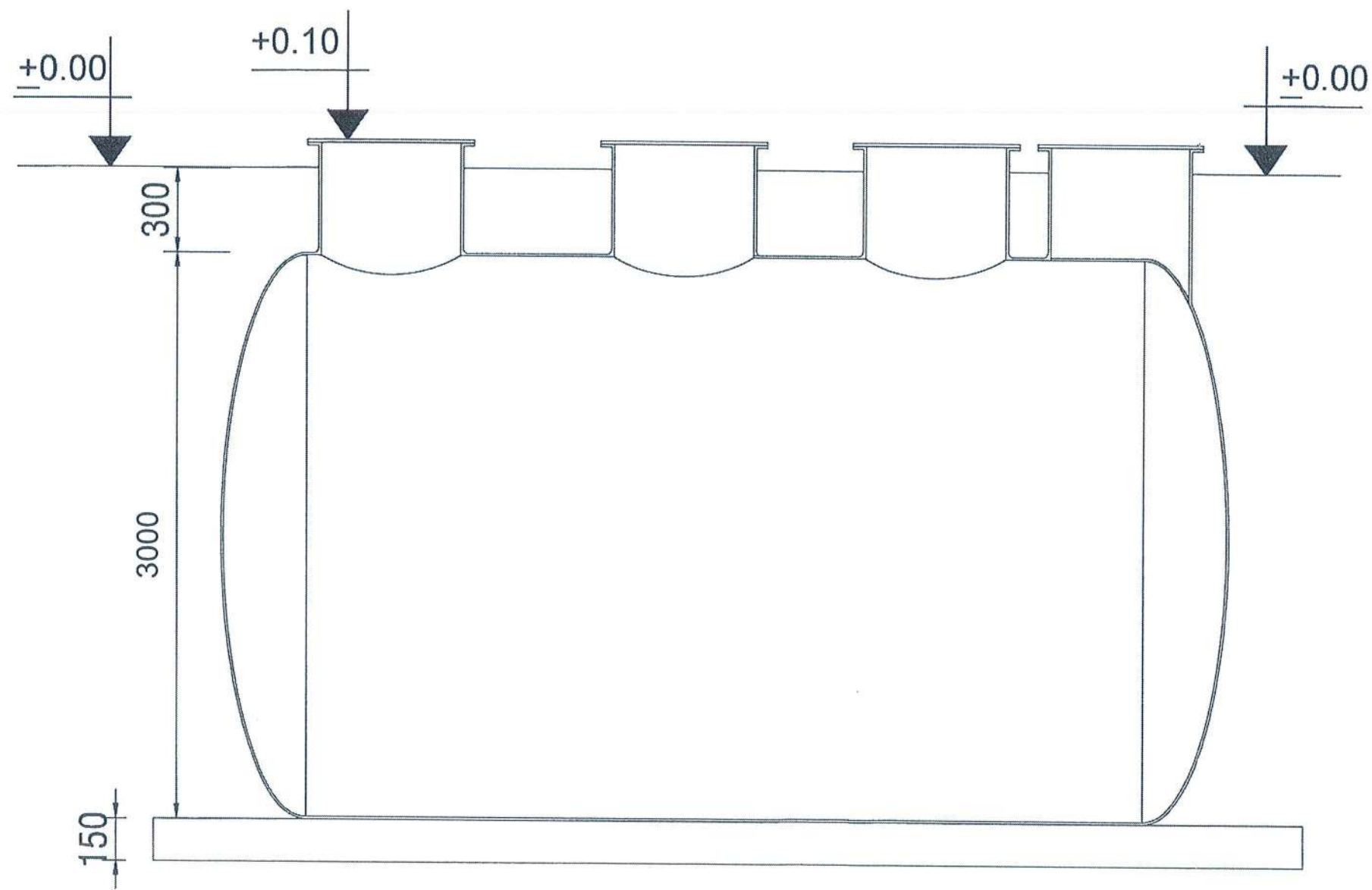
CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ GOM.
TK-02: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-03: BỂ THIẾU KHÍ.
TK-04: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-05: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-06: BỂ LẮNG.

 CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI TRẠM XLNT SINH HOẠT CS 20 M3/NGÀY.ĐÊM	CHỨC NÃNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
	NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
	KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
	TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5



HƯỚNG NHÌN A-A

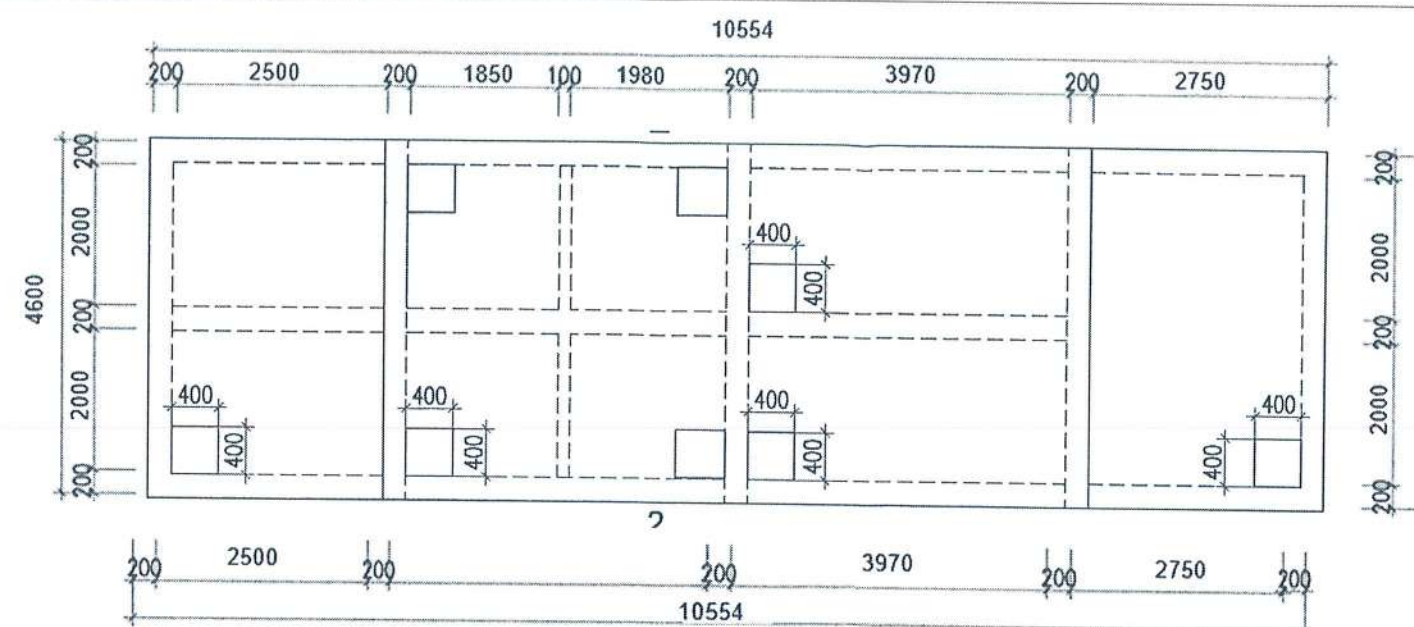


- CHÚ THÍCH:
- TK-01: BỂ GOM.
 - TK-02: BỂ ĐIỀU HÒA.
 - TK-03: BỂ THIẾU KHÍ.
 - TK-04: BỂ HIỆU KHÍ.
 - TK-05: BỂ KHỬ TRÙNG.
 - TK-06: BỂ LẮNG.

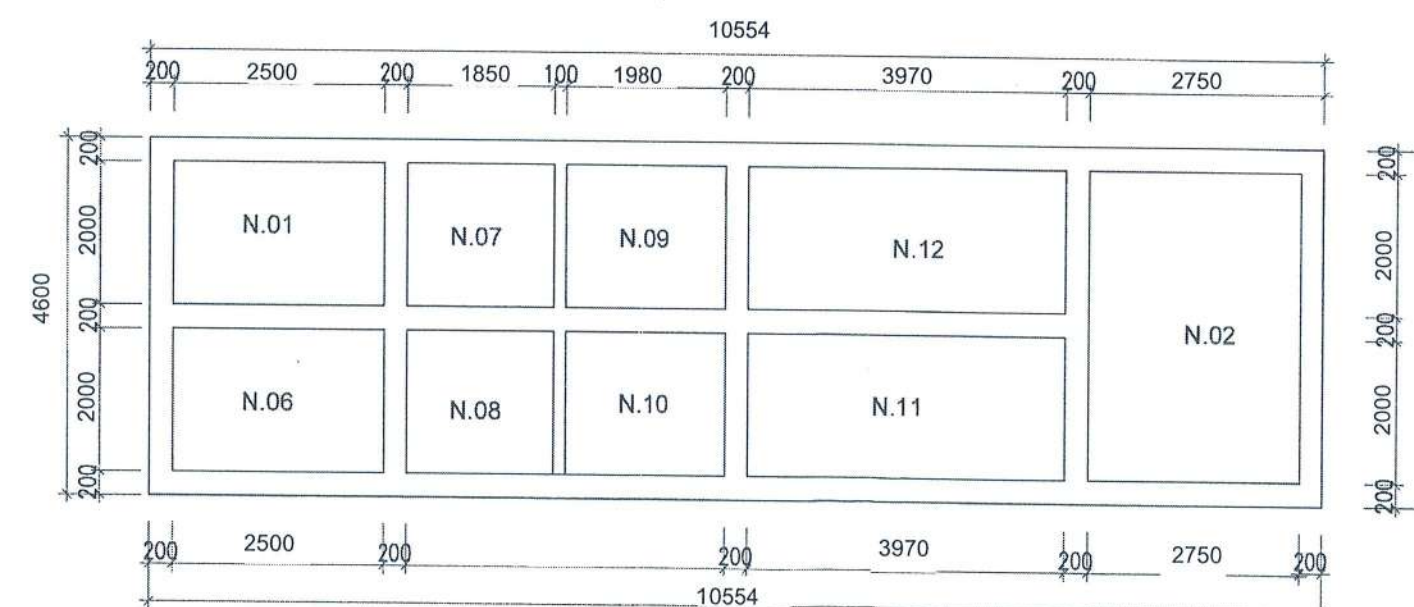
 CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI TRẠM XLNT SINH HOẠT CS 20 M3/NGÀY.ĐÊM	CHỨC NÃNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
	NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
	KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
	TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5

HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

1. MÔ ĐUN SỐ 1 CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY.ĐÊM



MẶT BẰNG NÁP BỂ



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

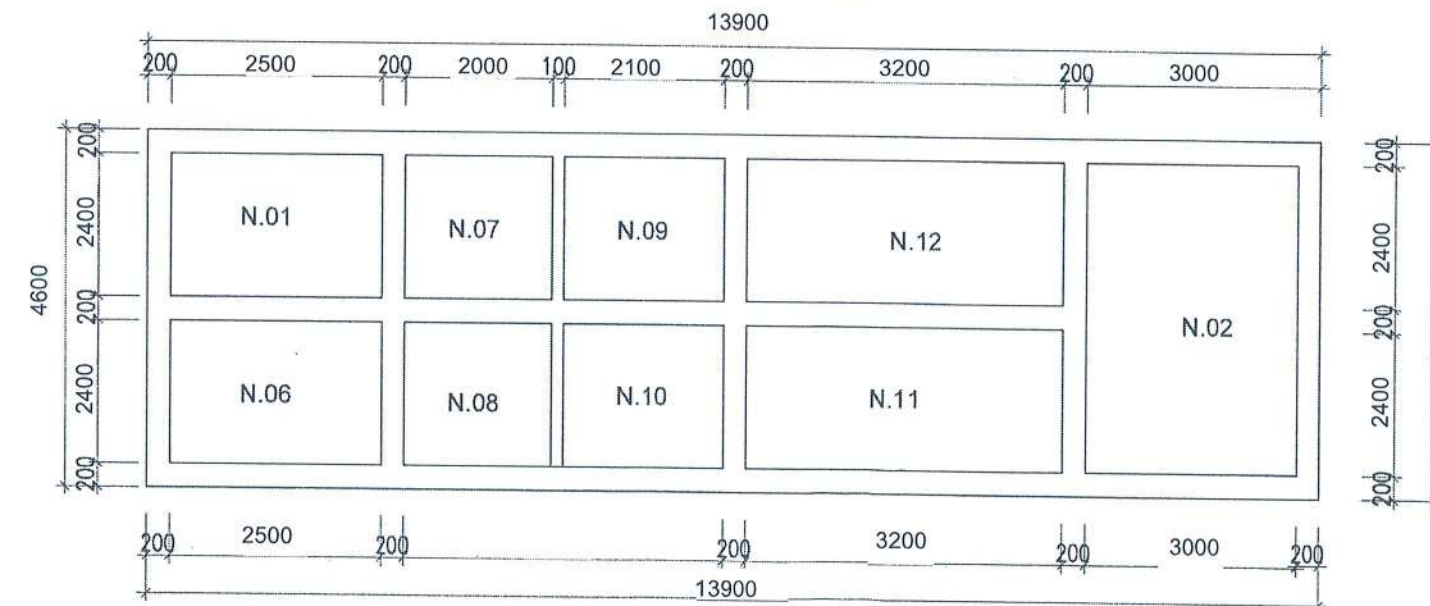
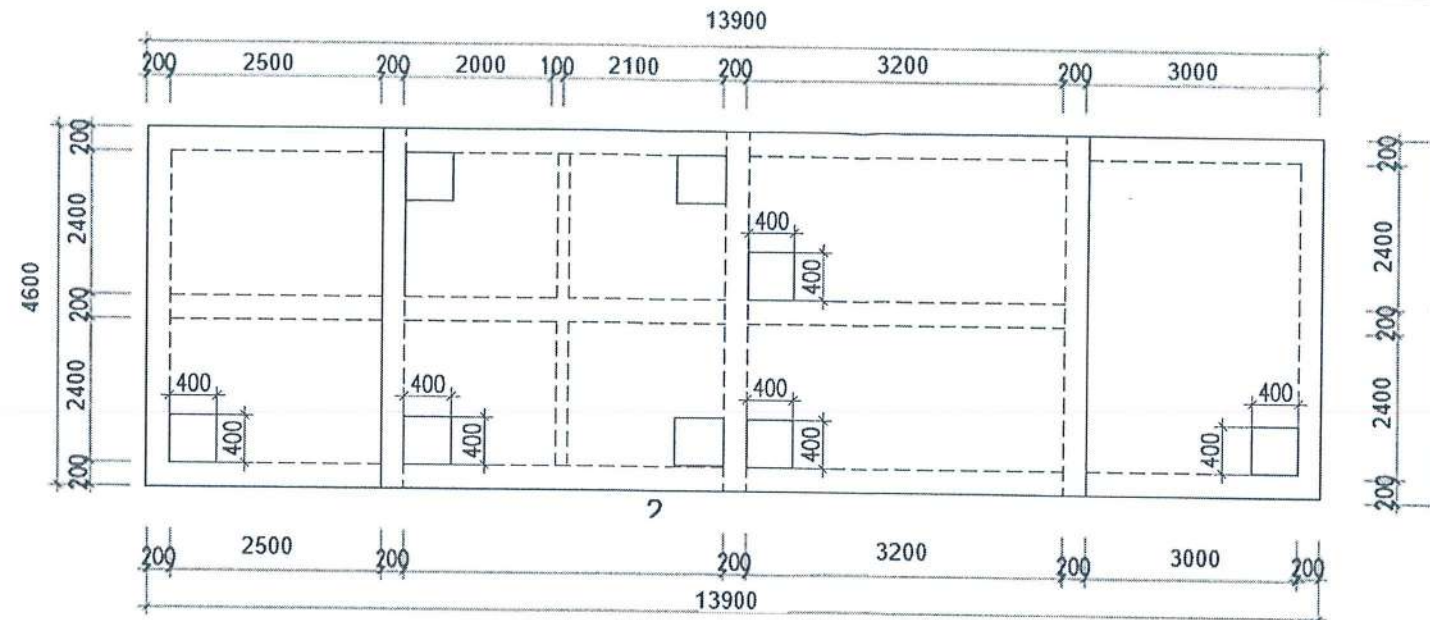
GHI CHÚ :

- N.01 : BỂ CHỨA NƯỚC THẢI CHƯA XỬ LÝ
- N.02 : BỂ CHỨA NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ
- N.04 : BỂ POLYMER
- N.05 : BỂ ĐIỀU CHỈNH PH
- N.06 : BỂ ĐIỀU HÒA DÒNG CHUNG
- N.07 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 1
- N.08 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 2
- N.09 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 3
- N.10 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- N.11 : BỂ LẮNG TRỌNG LỰC
- N.12 : BỂ CHỨA BÙN

 CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI MẶT BẰNG BỂ	CHỨC NĂNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
	NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
	KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
	TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5

HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

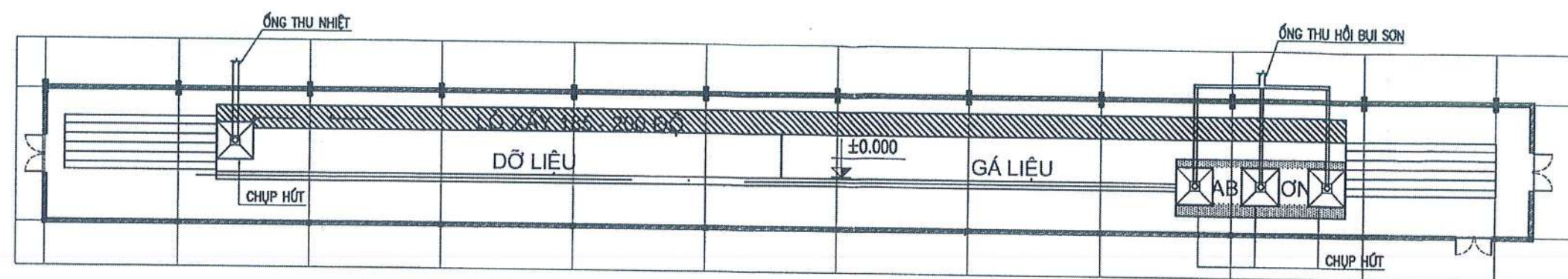
2. MÔ ĐUN SỐ 1 CÔNG SUẤT 70 M³/NGÀY.ĐÊM



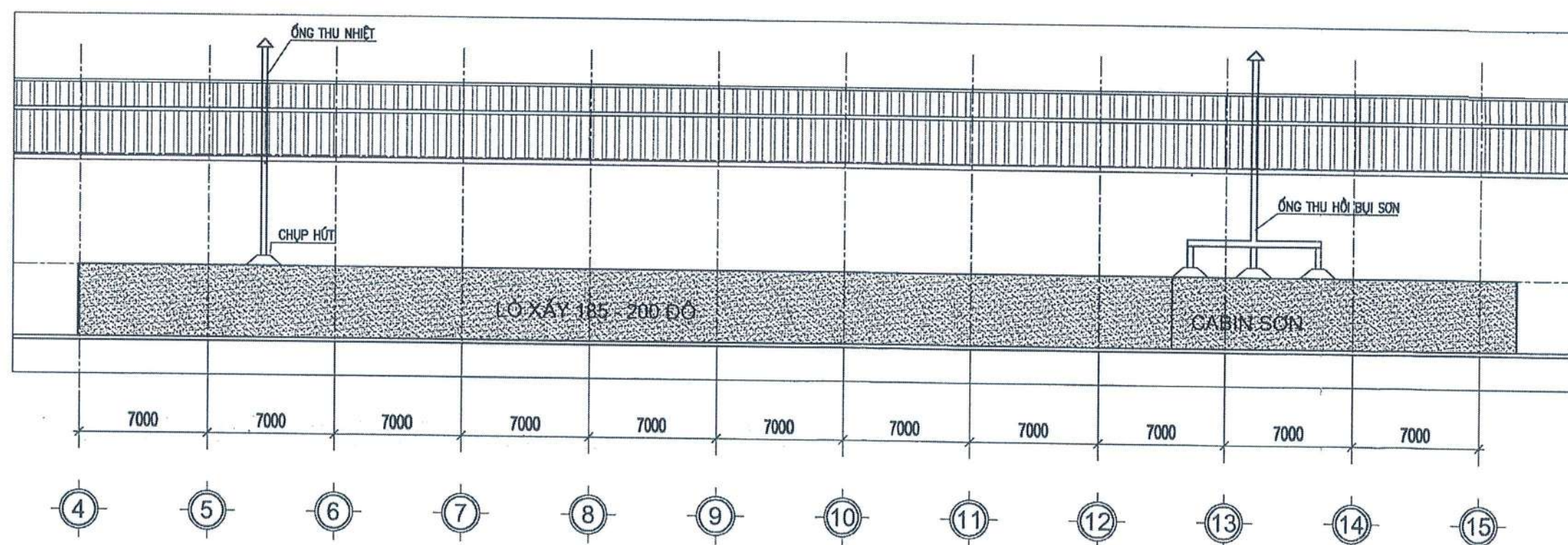
GHI CHÚ :

- N.01 : BỂ CHỨA NƯỚC THẢI CHƯA XỬ LÝ
- N.02 : BỂ CHỨA NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ
- N.04 : BỂ POLYMER
- N.05 : BỂ ĐIỀU CHỈNH PH
- N.06 : BỂ ĐIỀU HÒA DÒNG CHUNG
- N.07 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 1
- N.08 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 2
- N.09 : BỂ PHẢN ỨNG SỐ 3
- N.10 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- N.11 : BỂ LẮNG TRỌNG LỰC
- N.12 : BỂ CHỨA BÙN

 CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI MẶT BẰNG BÊ	CHỨC NĂNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
	NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
	KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
	TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5



MẶT BẰNG HỆ THỐNG KHÍ THẢI



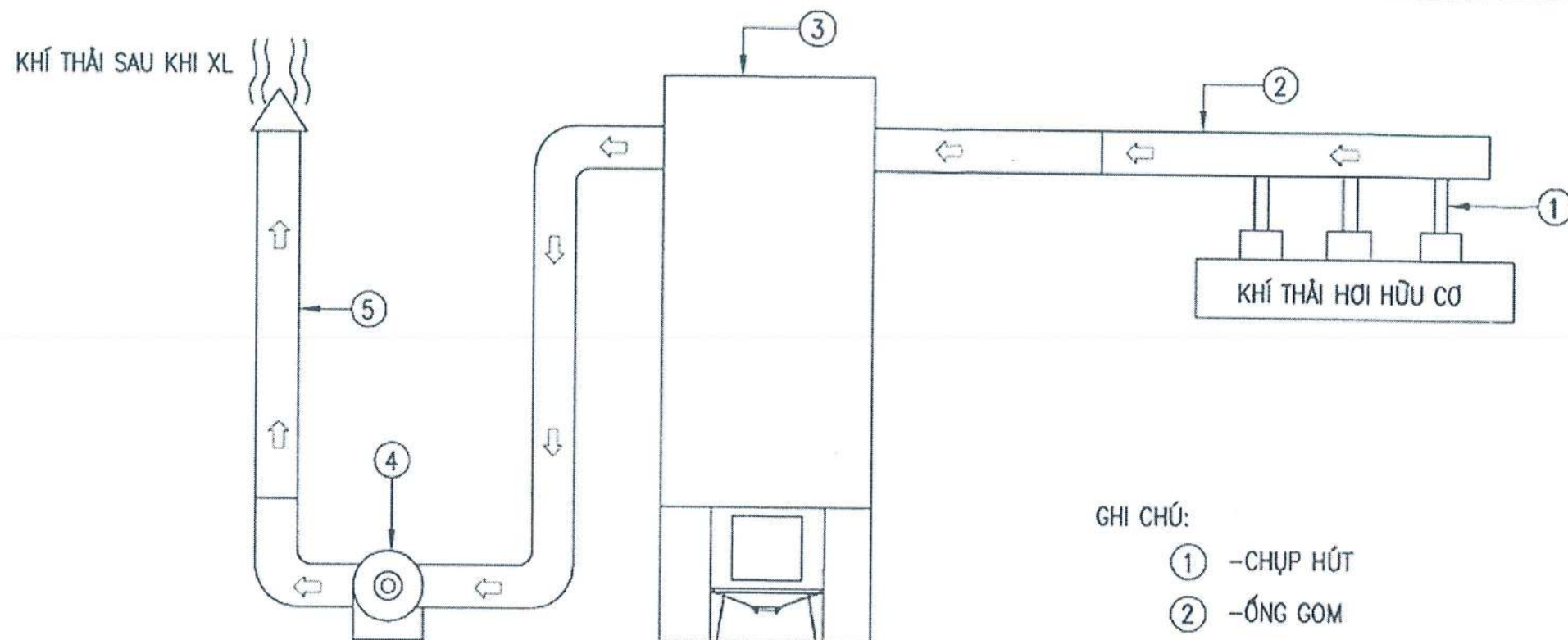
MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG KHÍ THẢI



CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện

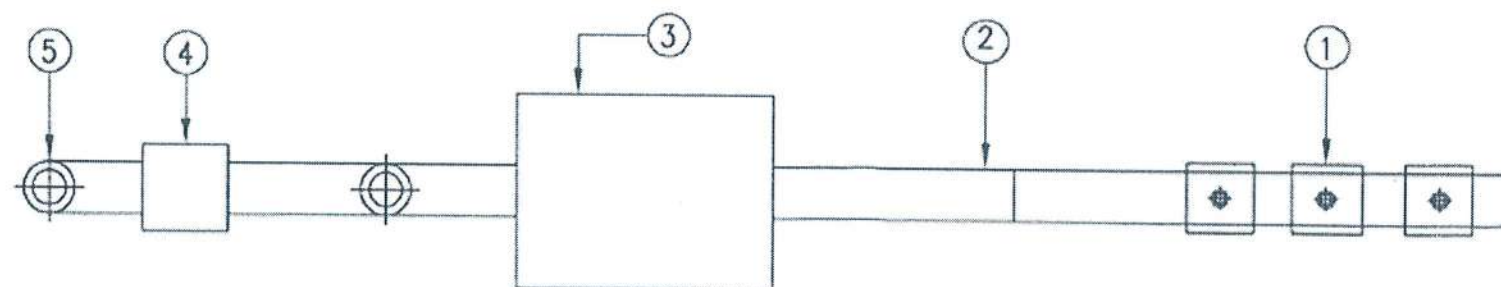
CHỨC NĂNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5



MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG XỬ LÝ THAN HOẠT TÍNH

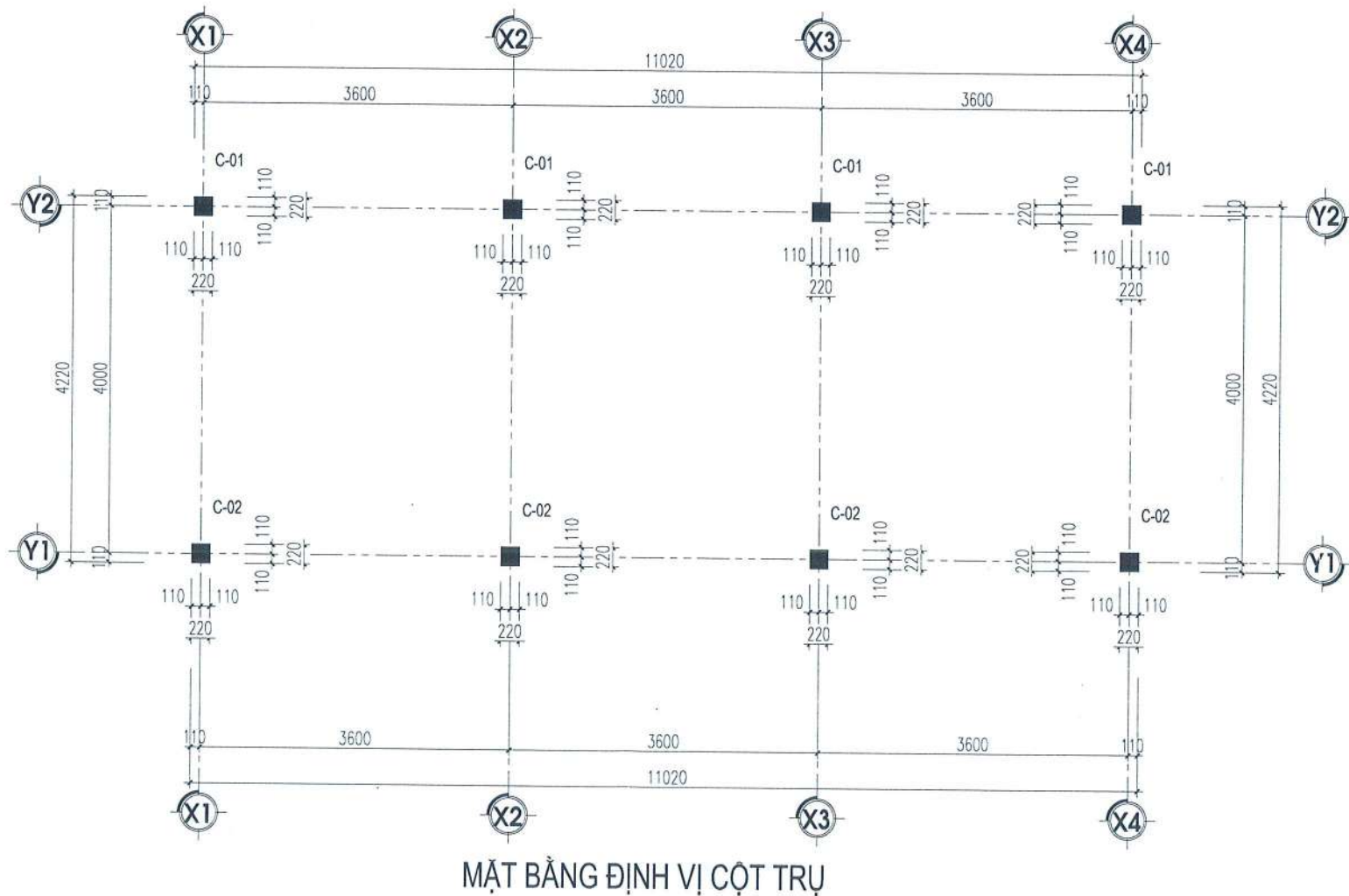
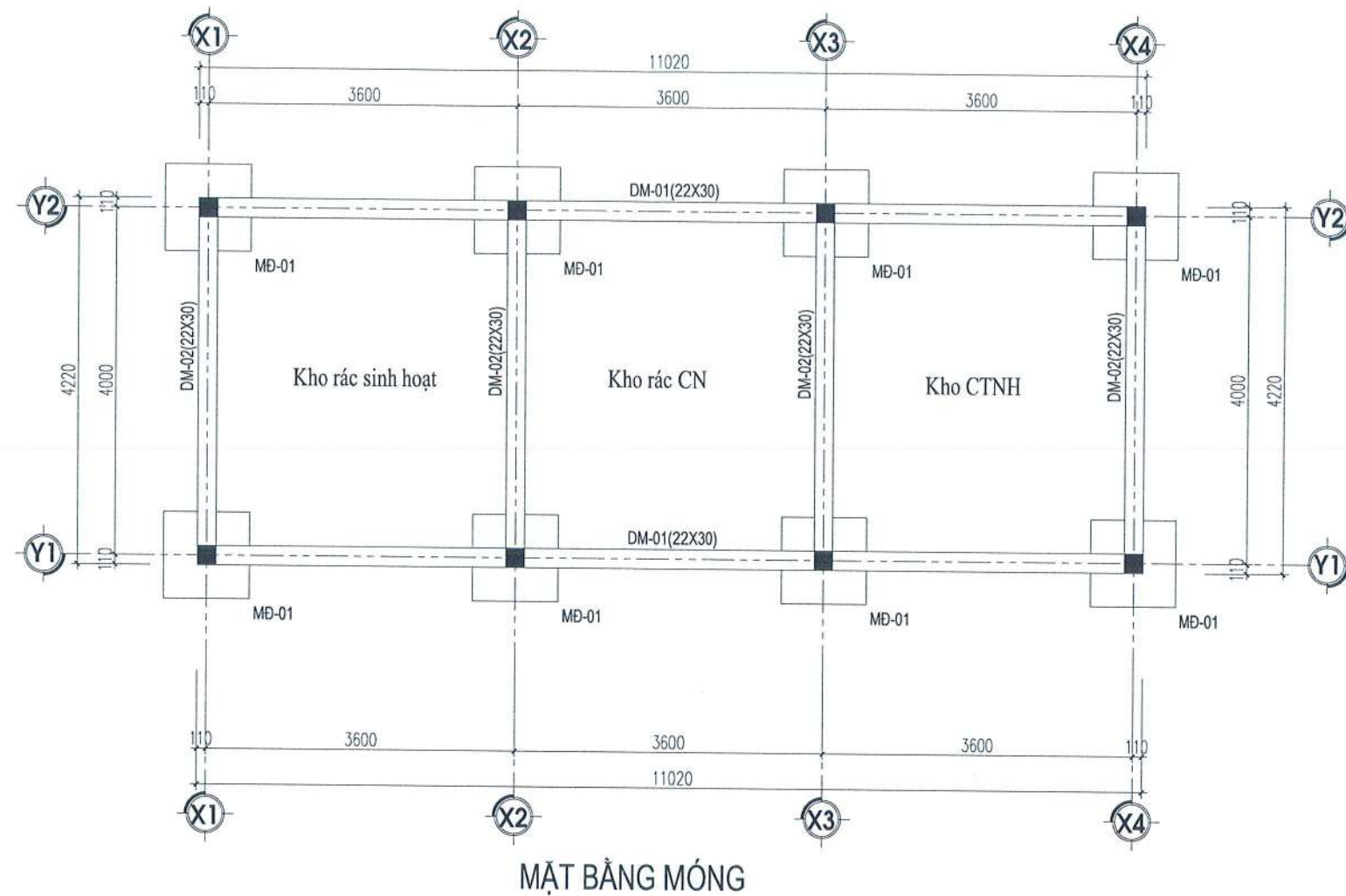
GHI CHÚ:

- ① - CHỤP HÚT
- ② - ỐNG GOM
- ③ - THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH
- ④ - QUẠT HÚT
- ⑤ - ỐNG THOÁT KHÍ THẢI



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ THAN HOẠT TÍNH

 CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY NHÔM YANGLI	CHỨC NĂNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG	DUYỆT	Vật liệu	H13
	NGƯỜI VẼ	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số lượng	1 cái
Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau sơn tĩnh điện	KIỂM TRA	M.T.DŨNG	22/12/2025		Số bản vẽ	01
	TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐÀM LONG			Tỷ lệ	1:5



GHI CHÚ - NOTES

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC
- KHÔNG ĐO KÍCH THƯỚC TỪ BẢN VẼ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU SẢN XUẤT HOẶC THI CÔNG
- BẢO CẢO NGAY LẬP TỨC VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NẾU CÓ BẤT KỲ SỰ KHÁC BIỆT NÀO
- BẢN QUYỀN THUỘC VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACON VIỆT NAM

HIỆU CHỈNH - EDITING			
STT	LẦN 1	LẦN 2	DUYỆT



TÊN DỰ ÁN:

DỰ ÁN NHÀ MÁY NHÔM YANGLI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 01 VÀ LÔ CN.2.9 - Ô SỐ 02
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐĂNG LÊ, XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN, VIỆT NAM

DESIGN:

VINACON
CONSTRUCTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACON VIỆT NAM
VINACON VIETNAM CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

OFFICE: TẦNG 12A, THE PRIDE
TÔ HỮU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

TEL: (+84-4-04) 3999 8968 - FAX: (+84-4-04) 3999 8966 - HOTLINE: 0904 873368 - 0912 076166
EMAIL: VINACONVIETNAM@GMAIL.COM - WEBSITE: VINACON.PRO.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
KSKT. PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/PROJECT LEADER:
KTS. KIẾU ĐỨC DỪNG

CHỦ TRÌ /CHIEF-DESIGNER:
KS. NGUYỄN XUÂN PHÚ

THIẾT KẾ / DESIGNER:
KS. NGUYỄN VĂN PHÚC

Q.L KỸ THUẬT/QUALITY CONTROLLER:
KCS. HOÀNG QUYẾT THẮNG

HẠNG MỤC:

NHÀ CHỨA RÁC

TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAMES:

MẶT BẰNG

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ PHASE OF DESIGN	THIẾT KẾ CƠ SỞ
NGÀY - DATE	2025
TỈ LỆ/ SCALE:	
MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ HIỆU - DRAWING NO NR-KC-01